

Số: 1524 /TTr-BSR

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc tài liệu, văn kiện trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn được ban hành tại Nghị quyết số 2676/NQ-BSR ngày 13/04/2023;

Căn cứ Quyết định số 2710/QĐ-BSR ngày 17/04/2023 về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ tình hình thực tế tại Công ty cổ phần Lộc Hóa dầu Bình Sơn;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (BSR) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của BSR như sau:

- Chương trình đại hội (*Chi tiết như Phụ lục 01 kèm theo*);
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 (*Chi tiết như Phụ lục 02 kèm theo*);
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 (*Chi tiết như Phụ lục 03 kèm theo*);
- Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 (*Chi tiết như Phụ lục 04 kèm theo*);
- Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2023 và phương án quỹ tiền lương, thù lao năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (*Chi tiết như Phụ lục 05 kèm theo*);
- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 (*Chi tiết như Phụ lục 06 kèm theo*);

- Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 (Chi tiết như Phụ lục 07 kèm theo);
- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 (Chi tiết như Phụ lục 08 kèm theo);
- Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (Chi tiết như Phụ lục 09 kèm theo).

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT ;
- BKS;
- Ban TGD;
- Ban TCKT, QTNL, KTĐT, PCRR, KSNB;
- Lưu : VT, VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hội



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

Thời gian: 08h00 ngày 23 tháng 05 năm 2024

Địa điểm: Khách sạn Sheraton Sài Gòn, 88 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Thời gian dự kiến	Thời lượng	Nội dung
	(phút)	
I. Khai mạc Đại hội		
08h00 - 09h00	30	Đón tiếp Đại biểu và Cổ đông Cổ đông nhận Tài liệu, Thẻ biểu quyết
	30	Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự và Ban kiểm tra tư cách cổ đông
		Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
		Giới thiệu và thông qua Ban chủ tọa
		Giới thiệu và thông qua Ban thư ký, Ban kiểm phiếu
		Thông qua thể lệ biểu quyết
		Thông qua Quy chế Đại hội
	Thông qua Chương trình Đại hội	
II. Nội dung Đại hội		
09h00 - 11h15	20	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024
	5	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023
	5	Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023
	15	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024
	5	Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2023 và phương án quỹ tiền lương, thù lao năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
	5	Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn
	10	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024
	5	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024
	30	Thảo luận
	10	Biểu quyết thông qua các nội dung của Đại hội
	15	Phát biểu của Đại diện Cổ đông Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nếu có)
	10	Công bố kết quả biểu quyết
III. Tổng kết Đại hội		
11h15 - 11h30	10	Thông qua Đại hội Biên bản họp và Nghị quyết đại hội
	5	Bế mạc đại hội

PHỤ LỤC 02

BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

PHẦN I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

I.1. Đánh giá chung

– Năm 2023, nền kinh tế thế giới có dấu hiệu phục hồi nhưng thiếu động lực, chuỗi sản xuất công nghiệp và cung ứng bị gián đoạn, chủ nghĩa bảo hộ trở dậy, xung đột địa chính trị leo thang tại nhiều khu vực trên thế giới.

– Thị trường dầu mỏ diễn biến phức tạp và biến động nhanh, mạnh và khó tiên đoán do sự tác động của việc cắt giảm nguồn cung từ OPEC+; tăng trưởng nguồn cung từ các nước ngoài OPEC+ và các thành viên OPEC+ nhưng không bị hạn ngạch như Mỹ, Brazil, Iran; hoài nghi về khả năng phục hồi kinh tế thế giới, đặc biệt trong bối cảnh sự phục hồi của nền kinh tế Trung Quốc không như kỳ vọng; những diễn biến phức tạp trên thị trường tài chính toàn cầu; và các căng thẳng địa chính trị. Điều này là thách thức cho công tác dự báo và điều hành sản xuất của BSR, tuy nhiên cũng xuất hiện những cơ hội để BSR tận dụng nhằm góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty.

– Các điều kiện tài chính thắt chặt; việc thiếu hụt, gián đoạn nguồn cung các nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào như platinum, nhôm, thép.... khiến các nhà máy sản xuất/chế tạo trên thế giới có thời gian sản xuất/chế tạo kéo dài hơn so với trước đây, thậm chí có nguy cơ phải đóng cửa. Những yếu tố này làm ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu, công tác giao hàng hóa/Thực hiện dịch vụ tiềm ẩn nguy cơ gây phát sinh chi phí SXKD.

Quán triệt phương châm “Quản trị biến động, mở rộng quy mô, tăng tốc chuyển đổi số, dịch chuyển mô hình, nâng cao năng suất, tái tạo kinh doanh” cùng với sự quan tâm, ủng hộ của các cấp thẩm quyền; Sự đoàn kết, quyết tâm của Tập thể lãnh đạo và Người lao động BSR; sự phân cấp thẩm quyền tối đa của HĐQT cho Ban điều hành; sự chủ động và linh hoạt trong công tác điều hành SXKD của Ban điều hành, Nhà máy lọc dầu (NMLD) Dung Quất được vận hành an toàn, ổn định, liên tục và hiệu quả ở công suất và cơ cấu sản phẩm tối ưu, phù hợp với nhu cầu thị trường; v.v... Năm 2023, BSR đã đạt và vượt tất cả các chỉ tiêu về sản xuất và tài chính, trong đó Lợi nhuận sau thuế (LNST) hợp nhất đạt 8.592,58 tỷ đồng [tương đương đạt 528% KH được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua tại Nghị quyết số 2676/NQ-BSR và 177% so với KH điều chỉnh], nộp NSNN hợp nhất đạt 17.419,9 tỷ đồng (tương đương đạt 177% kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua và 111% so với KH điều chỉnh).

Một số yếu tố, điều kiện ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của BSR như sau:

I.1.1. Thuận lợi

a) Nhận được sự quan tâm, ủng hộ/hỗ trợ tháo gỡ khó khăn của các cấp thẩm quyền, sự chỉ đạo sát sao của các cấp Lãnh đạo.



b) Kinh tế vĩ mô của Việt Nam ổn định, các chính sách của Đảng/Nhà nước đã và đang hỗ trợ tích cực cho các doanh nghiệp phục hồi sau đại dịch và tốc độ phục hồi của nền kinh tế Việt Nam ở mức cao.

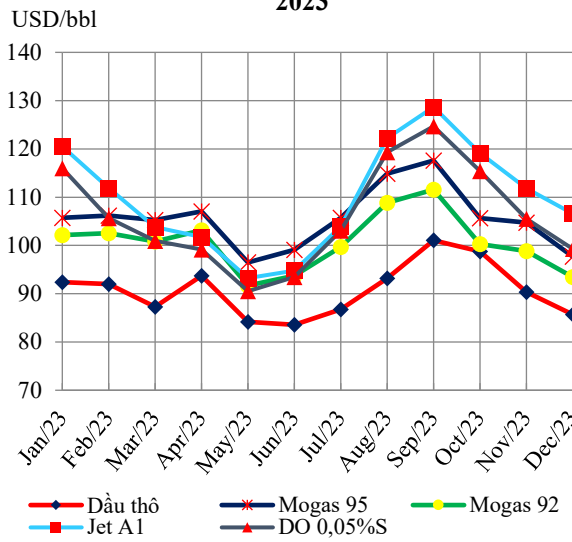
c) Hệ thống quản trị ngày càng được hoàn thiện và tối ưu, ứng dụng số hoá trong công tác quản trị; Hội đồng quản trị và Ban điều hành BSR luôn đoàn kết, thống nhất cao trong mọi hành động; công tác điều hành/ứng phó với các biến động thị trường linh hoạt, kịp thời và ngày càng hiệu quả; Đội ngũ lao động lành nghề, tích lũy nhiều kinh nghiệm, tập thể lãnh đạo và người lao động luôn đoàn kết và sáng tạo.

d) Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước được duy trì ở mức cao.

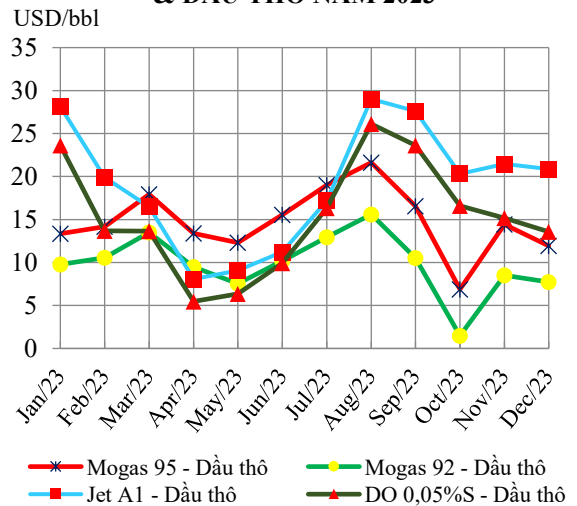
e) Giá dầu thô tăng cao và khoảng cách giá giữa giá sản phẩm xăng và dầu thô (crack margin) mở rộng hơn nhiều so với KH.

Diễn biến giá dầu thô, sản phẩm năm 2023 được thể hiện ở các biểu đồ sau:

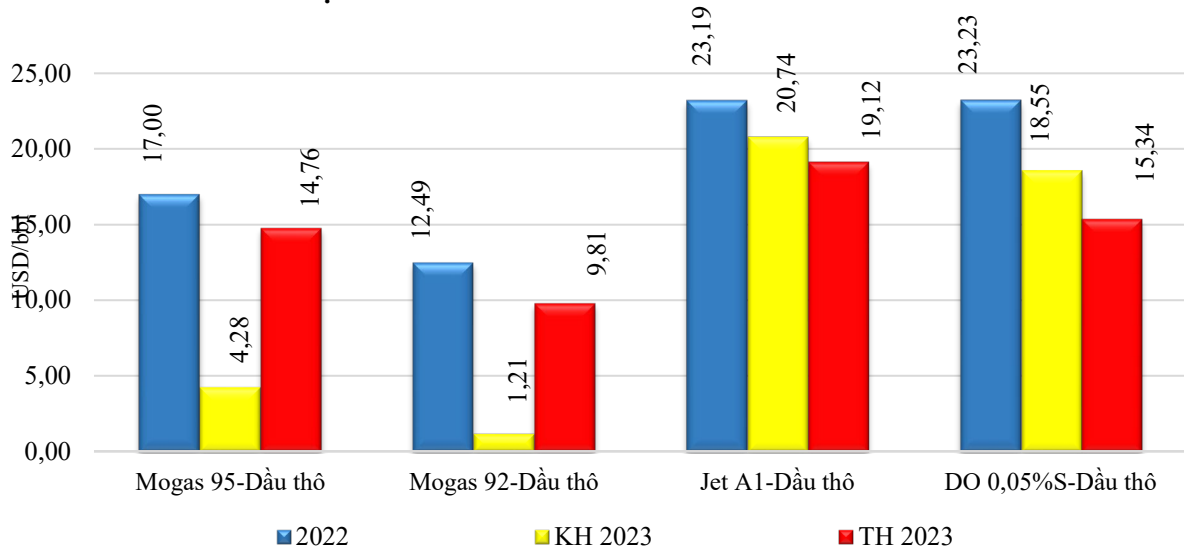
DIỄN BIẾN GIÁ DẦU THÔ & SẢN PHẨM NĂM 2023



DIỄN BIẾN CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM & DẦU THÔ NĂM 2023



CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM VÀ DẦU THÔ NĂM 2022 VÀ 2023



**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DẦU THÔ, GIÁ SẢN PHẨM BÌNH QUÂN NĂM 2022
VÀ KHOẢNG CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM VỚI GIÁ DẦU THÔ THỰC
HIỆN NĂM 2023 SO VỚI KẾ HOẠCH**

Đơn vị tính: USD/thùng

Stt	Nội dung	2022	2023		Chênh lệch	
			KH	TH	TH23/TH22	TH23/KH23
1	Dầu thô	108,01	78,10	90,75	-16,0%	16,2%
2	Mogas 95	125,01	82,38	105,51	-15,6%	28,1%
3	Mogas 92	120,50	79,31	100,56	-16,5%	26,8%
4	Jet A1	131,20	98,84	109,87	-16,3%	11,2%
5	DO 0,05%S	131,24	96,65	106,09	-19,2%	9,8%
6	Mogas 95-Dầu thô	17,00	4,28	14,76	-13,2%	244,9%
7	Mogas 92-Dầu thô	12,49	1,21	9,81	-21,4%	710,2%
8	Jet A1-Dầu thô	23,19	20,74	19,12	-17,6%	-7,8%
9	DO 0,05%S-Dầu thô	23,23	18,55	15,34	-34,0%	-17,3%

Ghi chú: Giá dầu thô được tính trên cơ sở giá dầu Dtd Brent + Premium + các chi phí khác có liên quan.

I.1.2. Khó khăn

a) Các khó khăn, vướng mắc liên quan đến Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021, Nghị định số 69/2018/NĐ-CP, Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Thông tư số 38/2014/TT-BTC chưa tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động SXKD của Công ty.

b) Một số khách hàng nhỏ lẻ không còn đủ điều kiện tiêu thụ sản phẩm của NMLD Dung Quất.

I.2. Kết quả hoạt động SXKD năm 2023

I.2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Stt	Nội dung	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023		
				Kế hoạch ⁽¹⁾	Kế hoạch điều chỉnh ⁽²⁾	Thực hiện
I	Chỉ tiêu sản lượng					
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	7.010.828	5.624.734	6.765.415	7.367.305
2	Sản lượng tiêu thụ		7.003.079	5.624.734	6.765.415	7.340.677
II	Chỉ tiêu tài chính (hợp nhất)					
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	168.963,8	95.644,8	145.102,4	150.116,0
2	Nộp NSNN		19.040,7	9.825,3	15.703,3	17.419,9
3	Lợi nhuận trước thuế		15.585,8	1.820,6	5.428,3	9.639,3
4	Lợi nhuận sau thuế		14.669,3	1.628,4	4.867,7	8.592,6
III	Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ					
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	168.898,0	95.370,8	145.013,8	150.073,2
2	Nộp NSNN		19.027,5	9.812,8	15.692,3	17.409,0
3	Lợi nhuận trước thuế		15.750,5	1.912,7	5.586,8	9.800,5
4	Lợi nhuận sau thuế		14.836,2	1.721,5	5.028,1	8.755,1

⁽¹⁾ Theo Nghị quyết số 2676/NQ-BSR của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

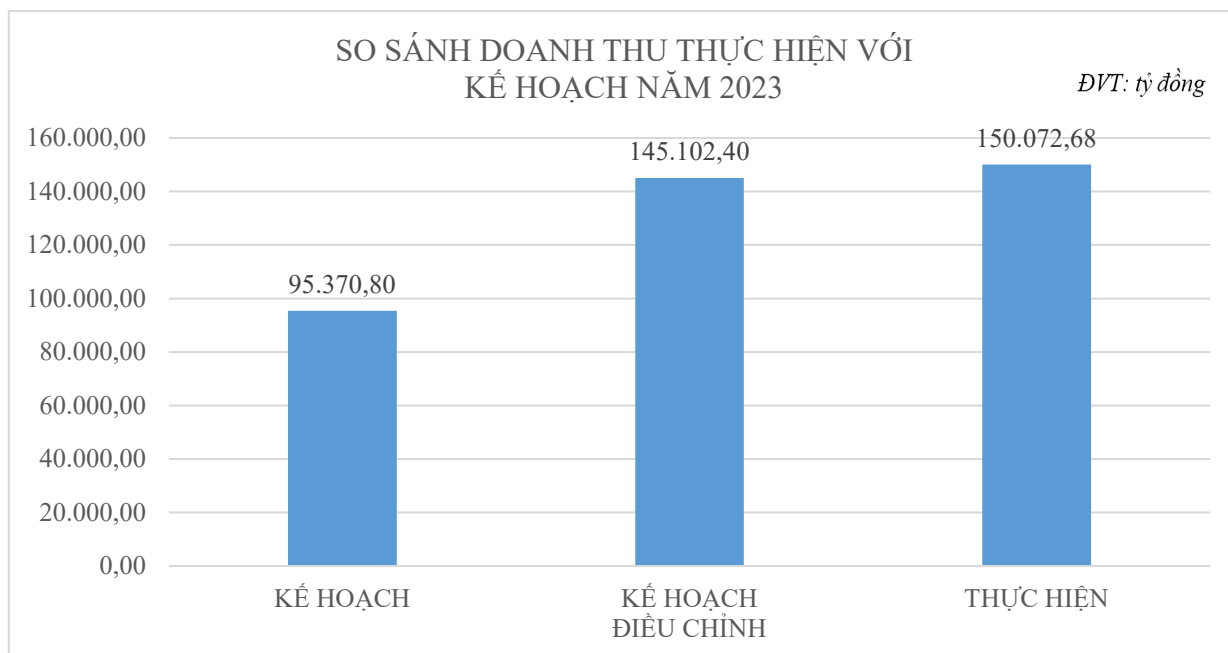
⁽²⁾ Theo Nghị quyết số 7234/NQ-BSR của HĐQT Công ty (phê duyệt theo ủy quyền của ĐHĐCĐ).



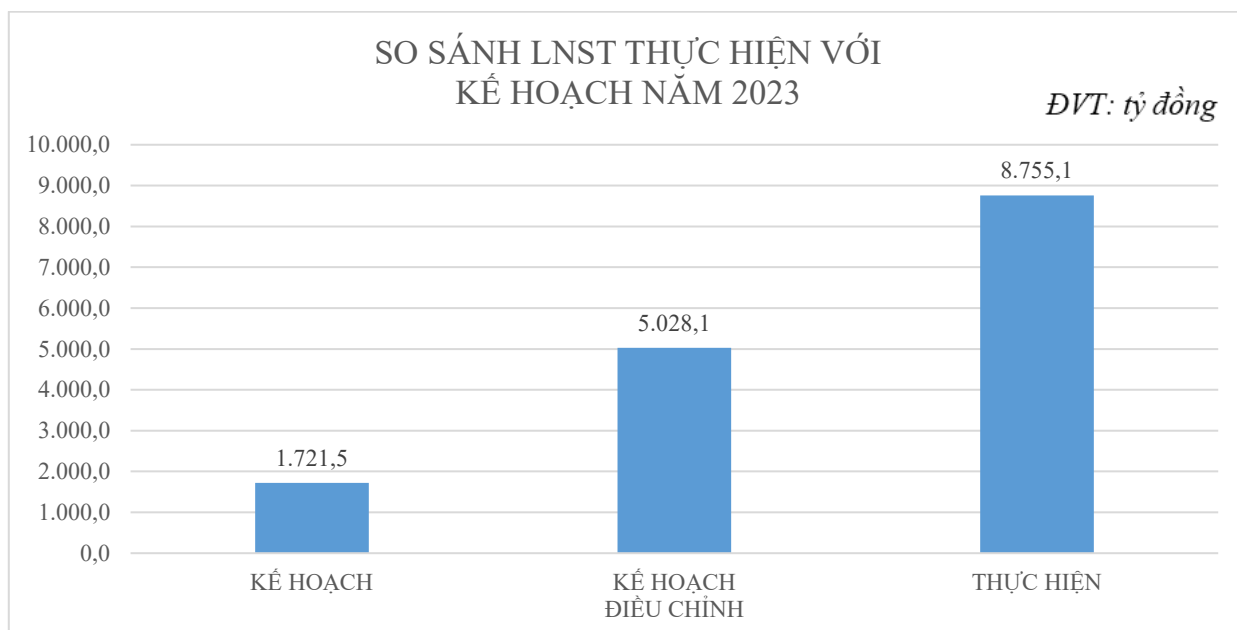
So với Kế hoạch SXKD năm 2023, tất cả các chỉ tiêu SXKD của BSR đều vượt xa kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua tại NQ số 2676/NQ-BSR (NQ2676) và vượt Kế hoạch điều chỉnh theo ủy quyền của ĐHĐCĐ cho HĐQT phê duyệt tại NQ số 7324/NQ-BSR (NQ7324), cụ thể như sau:

– Sản lượng sản xuất đạt 131% KH tại NQ2676 và đạt 109% KH điều chỉnh tại NQ7324.

– Tổng doanh thu Công ty mẹ đạt 157% KH tại NQ2676 và 103% so với KH điều chỉnh tại NQ7324.

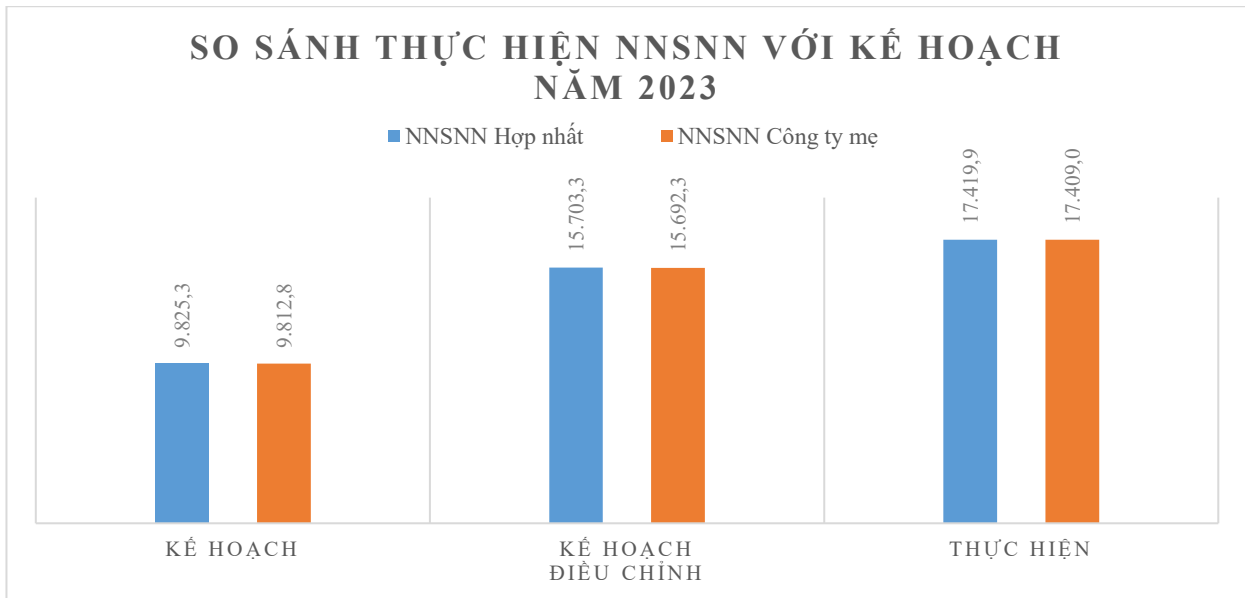


– Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ đạt 509% KH tại NQ2676 và 174% so với KH điều chỉnh tại NQ7324.



– Chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước Công ty mẹ đạt 177% kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 2676/NQ-BSR và 111% so với kế hoạch điều chỉnh.





I.2.2. Công tác an ninh, an toàn, môi trường và phòng chống cháy nổ

Năm 2023, công tác An ninh, an toàn, môi trường và phòng chống cháy nổ (ATSKMT) đã được thực hiện tốt, đảm bảo không có sự cố mất an ninh, không có sự cố cháy nổ, không có sự cố môi trường và không có sự cố mất ngày công lao động.

Tính đến 31/12/2023, BSR đạt được 42,2 triệu giờ công an toàn không có tai nạn lao động mất ngày công (LTI).

I.2.3. Công tác vận hành và bảo dưỡng sửa chữa

I.2.3.1. Công tác vận hành

– Trong năm 2023, BSR đã tổ chức vận hành nhà máy an toàn, ổn định, liên tục và hiệu quả ở công suất tối ưu (công suất vận hành trung bình của Nhà máy và các phân xưởng công nghệ chính CDU/CCR/RFCC/PP tương ứng đạt là 111% và 110%/110%/101%/115% công suất thiết kế), cơ cấu sản phẩm tối ưu phù hợp với kế hoạch sản xuất được duyệt, với nhu cầu thị trường cũng như góp phần mang lại hiệu quả tối đa cho BSR.

– Thực hiện nhận diện từ sớm, xử lý từ xa mọi mối nguy, giảm thiểu khả năng dừng không có kế hoạch/mất ổn định Nhà máy/phân xưởng.

I.2.3.2. Bảo dưỡng sửa chữa

Trong năm 2023, BSR đã tổ chức triển khai công tác BDSC theo đúng kế hoạch đề ra đảm bảo nhà máy vận hành an toàn, ổn định và tin cậy. Các kết quả đạt được điển hình như sau:

– Hoàn thành công tác đánh giá tối ưu thời điểm TA5 làm cơ sở để cấp thẩm quyền quyết định điều chỉnh thời điểm thực hiện TA5 từ tháng 6/2023 sang tháng 3/2024. Hoàn thành công tác tổ chức đánh giá lựa chọn nhà thầu các gói thầu chính TA5, thực hiện kiểm soát tốt công tác kế hoạch và tiến độ triển khai công việc chuẩn bị TA5.

– Cung cấp 37 nhân sự chất lượng cao cho Nhà thầu để triển khai công tác BDTT của Tổ hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn, góp phần tăng doanh thu cho BSR hơn 10 tỉ đồng.

– Thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, làm sạch và gia công vượt tiến độ, gia công



mới nhiều hạng mục, chi tiết thiết bị như công trình biển, van an toàn, thiết bị cơ khí tĩnh, quay, thiết bị điện và công tác chế tạo cho các dự án cải hoán như hoàn thành công việc chế tạo khẩn theo các MOC.

I.2.4. Công tác tối ưu hóa

Trong năm 2023, BSR đã thực hiện hiệu quả công tác tối ưu hóa sản xuất, tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, cụ thể như sau:

I.2.4.1. Tối ưu hóa năng lượng

–Giám sát chặt chẽ quá trình sản xuất để tối ưu tiêu thụ năng lượng của các khu vực trong Nhà máy. Chỉ số năng lượng EII trung bình năm 2023 là 104,6% (thấp hơn mục tiêu EII năm 2023 tối đa đạt 105%).

–Triển khai áp dụng các giải pháp tối ưu năng lượng như lắp đặt biển tần cho các động cơ điện chạy non tải, giảm tốc độ của quạt cấp gió nồi hơi, v.v...

–Hoàn thành các dự án tối ưu hóa năng lượng lắp đặt thiết bị trao đổi nhiệt tại phân xưởng U-32 và CDU.

I.2.4.2. Tối ưu hóa công nghệ

–Nghiên cứu và tổ chức vận hành khai thác tối đa công suất khả dụng các phân xưởng nhằm tăng sản lượng sản xuất và tiết giảm chi phí sản xuất: CDU 114%, NHT 137%, CCR 112%, KTU 135%, SRU2 110% công suất thiết kế.

–Nghiên cứu, sản xuất và xuất bán thành công 3 sản phẩm mới: BOPP, RFCC Naphtha, MixC4.

–Đa dạng hóa nguồn dầu thô, nguyên liệu trung gian như chế biến VGO, LSFO tại RFCC với tỷ lệ lên đến 10%, chế biến thành công 2 chủng loại dầu thô mới là Palanca và Bertam với tỉ lệ chế biến lên trên 35 %vol, nâng tỉ lệ chế biến dầu Bu Attifel lên 40%vol.

–Nghiên cứu và triển khai thử nghiệm các chủng loại HPXT và phụ gia mới nhằm đa dạng nhà cung cấp, tăng tính cạnh tranh. Đã đánh giá và thử nghiệm, góp phần giảm 9 HPXT và phụ gia độc quyền.

–Thực hiện các giải pháp tối đa chỉ số RON của RFCC Naphtha, Reformate và Isomerate để tăng sản lượng xăng Mogas 95 góp phần tăng tỷ trọng sản lượng xăng Mogas 95/Mogas 92 trên 70%/30%.

–Hoàn thành bộ tiêu chuẩn kỹ thuật và giải pháp để sẵn sàng nhập nguyên liệu và cấu tử góp phần khai thác tối đa công suất khả dụng các phân xưởng công nghệ và phối trộn với các sản phẩm của Nhà máy.

–Tối ưu hoá cơ cấu sản phẩm nhằm tăng sản lượng sản phẩm có giá trị (xăng Mogas 95, Propylene, Jet A1, Diesel) và giảm sản phẩm ít giá trị (LPG, FO).

–Thực hiện thành công nhiều giải pháp cải tiến lớn, mang lại hiệu quả cao cho nhà máy như: Trích 1 phần Naphtha (18 m³/h) từ TPA của phân xưởng CDU sang bể chứa nguyên liệu phân xưởng NHT (TK-5112) giúp tăng khả năng chế biến dầu nhẹ và tăng công suất Nhà máy, giảm lưu lượng dòng DCO xuống 22 m³/hr.



–Hoàn thành nghiên cứu, đánh giá về thiết kế, kỹ thuật công nghệ của nhà máy làm cơ sở quyết định tối ưu thời điểm TA5 từ tháng 6/2023 sang tháng 03/2024.

–Triển khai thực hiện đúng tiến độ và chất lượng 62 dự án, giải pháp cải tiến thực hiện trong TA5.

–Nghiên cứu và triển khai các dự án đầu tư hạ tầng để tăng khả năng lưu trữ, vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm của nhà máy nhằm tăng độ linh động và đảm bảo an toàn vận hành.

–Nghiên cứu về chuyên dịch năng lượng, giải pháp công nghệ để tăng tỷ trọng hóa dầu, hóa chất cho nhà máy trong tương lai.

I.2.4.3. Công tác chuyển đổi số

Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số theo lộ trình, từng bước chuyển đổi phương thức làm việc, hoạt động. Gia tăng hiệu quả khai thác và các giải pháp bổ trợ-tích hợp với hệ thống ERP đảm bảo toàn bộ các nghiệp vụ sản xuất kinh doanh tài chính của Công ty hoạt động quản trị trên nền tảng số. Dùng chuyển đổi số thúc đẩy tạo các giá trị mới, văn hóa chuyển đổi/linh hoạt thích ứng cho Công ty/nhà máy, định hướng tới nhà máy sản xuất thông minh. Kết quả thực hiện chuyển đổi số năm 2023 như sau:

–Đã triển khai và đưa vào khai thác giải pháp quản lý An toàn-Sức khỏe-Môi trường tích hợp; quản lý mua sắm điện tử D-procure; văn phòng điện tử mở rộng giải pháp ký điện tử với các đối tác, ký hợp đồng điện tử, quản lý công việc; phân hệ quản lý thanh toán đồng bộ từ hóa đơn-đề nghị thanh toán-ủy nhiệm chi, kết nối ngân hàng; lập lịch trình sản xuất (PSS) tích hợp với giải pháp lập kế hoạch sản xuất (LP) và tối ưu phối trộn dầu thô, tối ưu phối trộn sản phẩm; v.v...

–Đang triển khai số hóa, xây dựng hệ thống báo cáo thông minh theo thời gian thực toàn Công ty.

–Hoàn thành nâng cấp một số hệ thống MIS/MES đã lỗi thời và không đáp ứng yêu cầu của BSR như: LIMS, RBI.

–Đang triển khai giải pháp quản lý vào ra bằng nhận diện khuôn mặt kết hợp giám sát phân tích hình ảnh phục vụ công tác an ninh an toàn.

–Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng và điều kiện các phòng máy chủ để đảm bảo tính tin cậy sẵn sàng của hệ thống CNTT.

–Tiếp tục hoàn thiện các giải pháp/công nghệ, quy trình kiểm soát, con người đảm bảo an toàn an ninh mạng và an toàn dữ liệu.

I.2.4.4. Công tác nghiên cứu khoa học

Trong năm 2023, BSR đã triển khai và hoàn thành nhiệm vụ KHCN trong Kế hoạch hoạt động KHCN, cụ thể như sau:

–10 sáng kiến đạt giải thưởng tại Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 13 (2022-2023): 01 giải nhất, 02 giải nhì, 05 giải ba, 02 giải khuyến khích.



–Gửi hồ sơ đăng ký sáng kiến cấp Tập đoàn PVN (06 sáng kiến), tham dự giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam năm 2023 (06 sáng kiến), tham dự hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn quốc (07 sáng kiến).

–Công nhận 328 ý tưởng khả thi để áp dụng vào thực tế và 423 cải tiến thành công đang được áp dụng vào hoạt động SXKD của Công ty.

–Chương trình “01 triệu sáng kiến - nỗ lực vượt khó, sáng tạo, quyết tâm chiến thắng đại dịch Covid-19”: Bằng khen của Ban chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cho tập thể và 02 cá nhân tiêu biểu xuất sắc của BSR; Bằng khen của Công đoàn Dầu khí Việt Nam cho 19 cá nhân tiêu biểu xuất sắc của BSR.

–Nghiên cứu tối ưu quá trình trao đổi nhiệt tại vùng đối lưu H-1101 thông qua việc tăng sản xuất hơi thấp áp quá nhiệt và đem thay thế MPS đang dùng tại thiết bị reboiler E-2316 (DIH T-2303).

–Nghiên cứu ảnh hưởng của amin tiềm ẩn trong dầu thô đến khả năng vận hành của phân xưởng chưng cất dầu thô (CDU).

–Nghiên cứu sản xuất thử nghiệm hạt nhựa PP sử dụng làm nguyên liệu sản xuất màng BOPP, sợi thừng và vải không dệt.

–Nghiên cứu ứng dụng sơn Nano bảo vệ thiết bị và đường ống NMLD Dung Quất.

–Nghiên cứu các giải pháp giảm lượng hao hụt trong quá trình sản xuất tại phân xưởng PP.

–Nghiên cứu ứng dụng hệ thống thu hồi khí nhiên liệu từ dòng khí xả ra được đốt chính (Flare Gas Recovery Project).

I.2.5. Cung ứng dầu thô và tiêu thụ sản phẩm

I.2.5.1. Cung cấp dầu thô

Năm 2023, BSR mua khoảng 7,97 triệu tấn dầu thô trong nước và nhập khẩu trong đó khối lượng dầu Việt Nam (Bạch Hổ, Đại Hùng, Tê Giác Trắng, Sư Tử Đen, Ruby, Chim Sáo, Rạng Đông, Hải Thạch) là 5,6 triệu tấn, khối lượng dầu thô nhập khẩu các loại (Azeri, WTI Midland, Kimanis, Bu Attifel, Rabi) là 2,14 triệu tấn. Nguyên liệu trung gian là 202 nghìn tấn.

I.2.5.2. Tình hình tiêu thụ sản phẩm

Khối lượng sản phẩm tiêu thụ trong năm 2023 thể hiện ở bảng sau:

Stt	Sản phẩm	ĐVT	Năm 2023			So sánh	
			KH	KHĐC	Thực hiện	TH/KH	TH/KHĐC
1	Polypropylene	Tấn	135.106	163.164	177.297	131%	109%
2	LPG	Tấn	396.532	437.286	475.114	120%	109%
3	Xăng E5 RON 92	Tấn	38.270	25.968	26.261	69%	101%
4	Xăng RON 92	Tấn	788.786	905.906	979.794	124%	108%
5	Xăng RON 95	Tấn	1.382.587	1.762.823	1.946.475	141%	110%



Stt	Sản phẩm	ĐVT	Năm 2023			So sánh	
			KH	KHĐC	Thực hiện	TH/KH	TH/KHĐC
6	Jet A1	Tấn	428.020	520.874	560.718	131%	108%
7	Diesel Oil	Tấn	2.362.009	2.768.318	3.032.533	128%	110%
8	FO/MFO	Tấn	91.373	177.802	138.902	152%	78%
9	Lưu huỳnh	Tấn	2.052	3.274	3.582	175%	109%
	TỔNG	Tấn	5.624.734	6.765.415	7.340.677	131%	109%

–**Xăng dầu:** Năm 2023, BSR ký kết hợp đồng term/miniterm với 22 khách hàng, tổng khối lượng xăng dầu BSR đã xuất bán ra thị trường trong năm là 6.684 nghìn tấn đã bao gồm các sản phẩm nhiên liệu quốc phòng là (Xăng Ron 83, Jet A1-K và Diesel Oil L-62) vượt 31% KH theo NQ2676 và vượt 8% so với KH điều chỉnh theo NQ7324.

–**LPG:** Tổng khối lượng LPG xuất bán trong năm 2023 là 475,1 nghìn tấn vượt 20% KH theo NQ2676 và vượt 9% so với KH điều chỉnh theo NQ7324.

–**Polypropylene (PP):** Trong năm 2023, tổng sản lượng PP tiêu thụ là 177,29 nghìn tấn vượt 31% KH theo NQ2676 và vượt 9% so với KH điều chỉnh theo NQ7324.

I.2.6. Tình hình tồn kho vật tư thiết bị dự phòng, hóa phẩm xúc tác

I.2.6.1. Vật tư thiết bị dự phòng, hóa phẩm xúc tác

STT	Kho	ĐVT	Số tồn ngày 31/12/2023
1	Kho vật tư, phụ tùng	Tỷ đồng	2.230,7
2	Kho dầu mỡ bôi trơn	Tỷ đồng	5,9
3	Kho xúc tác hóa phẩm	Tỷ đồng	233,1
4	Kho hóa chất thí nghiệm	Tỷ đồng	5,9

I.2.6.2. Dầu thô, sản phẩm

Khối lượng lưu kho tại Nhà máy tồn cuối năm 2023 là 279,7 nghìn tấn dầu thô và 110,67 nghìn tấn sản phẩm các loại.

I.2.7. Công tác cơ cấu lại

BSR đã rà soát, cập nhật/bổ sung và ban hành sơ đồ tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Ban/chi nhánh; bổ nhiệm/tái bổ nhiệm các vị trí quản lý cấp trung phù hợp với tình hình SXKD và nhu cầu phát triển BSR trong thời gian đến.

Đồng thời, BSR đã hoàn thành các thủ tục thành lập và đưa vào hoạt động Chi nhánh Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn tại TP Hà Nội (Chi nhánh Hà Nội) để triển khai thực hiện các hoạt động kinh doanh, thương mại, marketing, quảng bá thương hiệu và mở rộng quan hệ với các đối tác kinh doanh; các hoạt động phát triển hệ thống phân phối tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ, xúc tiến đầu tư của Công ty; công tác văn phòng và hỗ trợ các hoạt động khác của Công ty.



I.3. Triển khai vốn đầu tư

I.3.1. Tình hình thực hiện các Dự án đầu tư

Năm 2023, BSR đã tích cực triển khai các dự án đầu tư theo tiến độ được duyệt, tuy nhiên do các quy định pháp luật về đầu tư có xu hướng ngày càng chặt chẽ đòi hỏi BSR phải thực hiện thêm nhiều yêu cầu bổ sung dẫn đến tiến độ triển khai đầu tư Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất (Dự án điều chỉnh) không đạt tiến độ theo kỳ vọng. Kết quả cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu đầu tư	ĐVT	KH 2023	KHĐC 2023	TH năm 2023	%TH so với KH	%TH so với KHĐC
I	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	1.622,5	387,4	196,4	12%	51%
1	Dự án NCMR NMLD	Tỷ đồng	954,8	83,77	38,02	4%	45%
2	Các dự án đầu tư khác	Tỷ đồng	89,1	11,8	4,04	5%	34%
2.1	Dự án thực hiện trong năm	Tỷ đồng	47,9	10,5	3,27	7%	31%
2.2	Dự án chuẩn bị đầu tư	Tỷ đồng	41,2	1,3	0,77	2%	59%
3	Mua sắm TSCĐ	Tỷ đồng	578,6	291,8	154,31	27%	53%
II	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	1.622,5	387,4	217,93	13%	56%
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.622,5	387,4	217,93	13%	56%
2	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	-	-	-	-	-

I.3.2. Tình hình thực hiện các dự án

I.3.2.1. Dự án NCMR NMLD Dung Quất:

–**Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án (FS):** Ngày 20/03/2024, Bộ Công Thương đã có Công văn số 1730/BCT-DKT về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh Dự án Nâng cấp, mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất. Ngày 28/03/2024, HĐQT BSR đã ban hành Quyết định số 968/QĐ-BSR về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất. BSR đang tích cực triển khai các công việc tiếp theo của Dự án.

–**Bản quyền công nghệ:** BSR/DQRE đang làm việc với các nhà bản quyền công nghệ để hoàn thiện các thủ tục ký kết hợp đồng và triển khai các bước tiếp theo trong thời gian tới.

–**Công tác thu xếp vốn:** BSR đang báo cáo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xem xét, trình cấp thẩm quyền phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ của BSR từ 31 lên 50 nghìn tỷ (trả cổ tức bằng cổ phiếu) tại công văn 009/BSR-NĐD ngày 01/02/2024 (sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ của BSR, BSR đảm bảo đủ nguồn vốn chủ từ 40%-60% Tổng mức đầu tư của dự án này). Phần vốn vay (dự kiến khoảng 40%-60%) sẽ được thu xếp từ nguồn vay ECA, thương mại trong nước và quốc tế, trái phiếu xanh cũng như các nguồn vốn phù hợp, khả thi khác..

– **Tiểu Dự án:** Tiếp tục phối hợp, đôn đốc Ban Quản lý KKT Dung Quất & các KCN Quảng Ngãi (DEZA) hoàn thành việc xử lý các vướng mắc, tồn đọng và công tác thanh quyết toán Tiểu Dự án theo thông báo kết luận cuộc họp số 494/TB-BQL ngày 28/02/2024 của DEZA.

I.3.2.2. Các Dự án đầu tư xây dựng khác

Năm 2023, BSR tổ chức triển khai các dự án nhằm nâng cao độ tin cậy, linh động vận hành; tối ưu hóa năng lượng; v.v... Hiện các dự án đang triển khai theo đúng quy định pháp luật về đầu tư và tiến độ được duyệt.

Giá trị thực hiện so với kế hoạch thấp vì các lý do sau:

– Đối với các Dự án trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Mặc dù các Hợp đồng được ký kết theo đúng kế hoạch, tuy nhiên do yêu cầu mở bảo lãnh để nhận tạm ứng nên các Nhà thầu lựa chọn phương án không tạm ứng (thanh toán sau khi hoàn thành Báo cáo NCKT/KTKT). Đồng thời, Dự án đầu tư xây dựng 01 bể chứa dầu thô (kế hoạch là 23,2 tỷ), nhà thầu thực hiện chậm hơn tiến độ quy định của hợp đồng nên phần thanh toán chuyển sang năm 2024; dự án đầu tư Trung tâm NCPT và tòa nhà văn phòng tại Đà Nẵng (kế hoạch 2,6 tỷ đồng – đang xin ý kiến của Tập đoàn về vị trí xây dựng); một số dự án sau khi đánh giá lại cơ hội đầu tư không còn khả thi như Dự án đầu tư bổ sung bể chứa xăng (kế hoạch 7,3 tỷ đồng), lắp đặt hệ thống điện mặt trời, xây dựng mái che cho hệ thống FM-200.

– Đối với các Dự án trong giai đoạn thực hiện đầu tư: Công tác lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng vào thời điểm cuối năm 2023 nên các mốc thanh toán chuyển qua năm 2024.

I.3.2.3. Đầu tư mua sắm TTB/TSCĐ

Theo kế hoạch, BSR xây dựng kế hoạch mua các TTB/TSCĐ để sử dụng/lắp đặt trong TA5. Tuy nhiên, do TA5 được tối ưu hóa thời điểm triển khai từ năm 2023 sang 2024, nên BSR đã chủ động chuyển một số hạng mục có chi phí lớn như hệ thống ICS lỗi thời, v.v... từ mua năm 2023 sang năm 2024 để tối ưu hóa dòng tiền.

I.4. Phân tích, đánh giá

Các yếu tố chính góp phần để BSR hoàn thành vượt mức kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua cũng như kế hoạch điều chỉnh đã được HĐQT phê duyệt (theo ủy quyền của ĐHĐCĐ), bao gồm: việc tối ưu hóa thời điểm TA5 từ 2023 sang 2024 (cho phép BSR gia tăng sản lượng sản xuất thêm 50 ngày dự kiến dừng cho TA5 và tận dụng được lợi thế thuế nhập khẩu xăng 5%); tăng sản lượng sản xuất nhờ khai thác tối ưu công suất Nhà máy/phân xưởng; tối ưu hóa cơ cấu sản phẩm (tăng tối đa sản lượng Mogas 95 và các sản phẩm có giá trị khác), tối ưu hóa nguồn nguyên liệu đầu vào (dầu thô và cấu tử trung gian) theo hướng mở rộng nguồn với hiệu quả cao hơn; sản xuất các sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao hơn, đặc biệt là các chủng loại sản phẩm PP; crack margin sản phẩm tốt hơn so với kế hoạch; việc tối ưu hóa dòng tiền để gia tăng doanh thu và lợi nhuận tài chính; tiết kiệm tiết giảm chi phí; v.v....



PHẦN II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

II.1. Dự báo các nhân tố tác động đến hoạt động SXKD của BSR

II.1.1. Dự báo các nhân tố tác động trực và gián tiếp đến hoạt động SXKD và đầu tư năm 2024

– Căng thẳng địa chính trị tại nhiều khu vực trên thế giới (như cuộc chiến giữa Israel và Hamas, cuộc chiến giữa Nga – Ukraine, căng thẳng tại biển đỏ vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, các lệnh trừng phạt của Mỹ đối với Venezuela và Iran) gây tiềm ẩn nhiều rủi ro và có thể giảm nguồn cung cục bộ/ngắn hạn.

– OPEC+ có vai trò quan trọng trong việc định hướng thị trường dầu thô và sẽ tiếp tục can thiệp thị trường nếu cần thiết. Việc cắt giảm tự nguyện dự kiến kéo dài đến hết năm 2024 khiến cân bằng cung cầu dầu thô toàn cầu có xu hướng tăng thâm hụt nguồn cung (nửa đầu năm 2024 thấp hơn nửa cuối năm 2024), đặc biệt vào mùa cao điểm đi lại. .

– Việc tiêu thụ sản phẩm xăng dầu từ năm 2024 chịu sự chi phối bởi Nghị định số 126/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 (thuế nhập khẩu xăng áp cho khu vực ASEAN điều chỉnh 0% từ năm 2024) và Quyết định 53/2012/TTg-QĐ ngày 22/11/2012 (thị trường tiêu thụ E5RON 92 thay vì Mogas 92).

– Kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi tăng trưởng nhưng chưa bền vững; sự chuyển dịch năng lượng; sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật; diễn biến địa chính trị; chính sách của các nước sản xuất dầu mỏ lớn trên thế giới; các quy định liên quan đến chống biến đổi khí hậu; v.v... tiếp tục làm cho thị trường dầu thô và sản phẩm biến động mạnh và khó tiên đoán.

– Nhà máy sẽ thực hiện Bảo dưỡng tổng thể lần 5 (TA5) trong năm 2024 dẫn đến tổng sản lượng sản xuất và xuất bán thấp hơn các năm không có TA, tuy nhiên BSR đã rút ngắn thời gian TA và đưa vào vận hành sớm các phân xưởng và nhập cấu tử phối trộn để gia tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ năm 2024 của BSR so với kế hoạch.

II.1.2. Dự báo các khó khăn, thách thức trong năm 2024

II.1.2.1. Thách thức

– Chưa có cơ chế đặc thù cho việc mua bán dầu thô trong nước để BSR được quyền ưu tiên mua các dầu nội địa phù hợp góp phần đảm bảo nguồn cung dầu thô cho Nhà máy, đặc biệt cho việc gia tăng công suất vận hành góp phần gia tăng lợi nhuận và nguồn cung cho thị trường.

– Diễn biến thị trường dầu thô và sản phẩm tiếp tục phức tạp và khó tiên đoán, đòi hỏi BSR phải thường xuyên bám sát thị trường, phân tích, đánh giá và xây dựng các giải pháp tận dụng cơ hội và quản trị rủi ro hiệu quả.

– Nhiều quy định mới ban hành còn tồn tại các bất cập và chưa phù hợp với đặc thù của ngành công nghiệp lọc hóa dầu gây khó khăn cho hoạt động SXKD cũng như đầu tư của BSR. Tuy nhiên, BSR sẽ tiếp tục kiến nghị các cấp thẩm quyền để được hỗ trợ và từng bước tháo gỡ các khó khăn/bất cập nêu trên.



II.1.2.2. Cơ hội

– BSR luôn nhận được chỉ đạo sát sao, kịp thời từ các cấp lãnh đạo, sự ủng hộ của các Bộ/ngành và sự phối hợp, hỗ trợ của các đơn vị trong ngành trong việc tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động SXKD.

– Ban lãnh đạo Công ty đoàn kết, nhạy bén, linh hoạt và chủ động tổ chức xây dựng và thường xuyên cập nhật các giải pháp ứng phó diễn biến thị trường phức tạp nhằm giảm thiểu tổn thất cũng như bắt lấy cơ hội khi thị trường có dấu hiệu tích cực. Đội ngũ lao động lành nghề, tích lũy nhiều kinh nghiệm, tập thể đoàn kết, thống nhất.

– Hệ thống quản trị của Công ty ngày càng hoàn thiện, công tác chuyển đổi số được triển khai đồng bộ và sâu rộng góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo quản lý điều hành BSR theo hướng ngày càng linh hoạt, kịp thời, sát với thực tế SXKD và chặt chẽ/tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ, quy chế/quy trình của BSR, theo đó, góp phần nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động và hoạt động SXKD.

– BSR đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm về quản lý, điều hành và vận hành bảo dưỡng NMLD. Đội ngũ lao động có chuyên môn và được đào tạo từ cơ bản đến chuyên sâu đồng thời đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tiễn sau gần 15 năm vận hành Nhà máy.

– Tình hình chính trị - xã hội trong nước ổn định, kinh tế đang dần phục hồi và phát triển, theo đó nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu nội địa vẫn duy trì ở mức cao.

– Dự báo chênh lệch giá dầu thô và sản phẩm vẫn ở mức sản xuất có lợi nhuận tốt. Ngoài ra, dự địa để tiếp tục gia tăng công suất; tối ưu hóa dầu thô, năng lượng, phụ trợ và chi phí SXKD còn khả quan. Vì vậy, còn cơ hội để BSR tiếp tục gia tăng lợi nhuận trong năm 2024.

– BSR đã tối ưu hoá chu kỳ bảo dưỡng tổng thể của NMLD Dung Quất từ 3 lên 4 năm/lần góp phần giảm chi phí phân bổ TA và gia tăng tổng sản lượng sản xuất giữa 2 kỳ TA.

– BSR đã hoàn thành phương án tăng vốn điều lệ để tăng từ 31 lên 50 nghìn tỷ và đang trình cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Việc phê duyệt tăng vốn điều lệ BSR của cấp thẩm quyền sẽ tạo điều kiện cho BSR có đủ nguồn vốn chủ phục vụ các dự án đầu tư phát triển trong tương lai.

II.2. Nhiệm vụ trọng tâm

1. Tập trung vận hành Nhà máy lọc dầu Dung Quất (NMLD) an toàn, ổn định, liên tục ở công suất tối ưu, cơ cấu sản phẩm phù hợp với nhu cầu và tình hình thị trường, tối đa hoá hiệu quả sản xuất kinh doanh (SXKD) của BSR. Đồng thời nghiêm túc thực hiện tốt công tác an toàn – sức khỏe - môi trường, phòng chống cháy nổ tại Nhà máy.

2. Tập trung nguồn lực để thực hiện công tác Bảo dưỡng tổng thể lần 5 (TA5) đảm bảo an toàn, chất lượng, tối ưu chi phí và tiến độ so với kế hoạch được duyệt. Đồng thời, phát huy tối đa việc tự chủ, nguồn nhân sự của BSR/các đơn vị trong ngành/trong nước



cho quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa đảm bảo tiết giảm chi phí và hiệu quả công tác bảo dưỡng.

3. Chủ động, linh hoạt trong công tác mua dầu thô, đảm bảo nguồn dầu thô cung cấp cho vận hành Nhà máy.

4. Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá thông tin dự báo giá dầu thô và sản phẩm, chi phí vận chuyển/bảo hiểm, thông tin cung - cầu của thị trường trong nước và ngoài nước, rủi ro địa chính trị tại khu vực và quốc tế, ... để xây dựng và cập nhật các kịch bản, giải pháp điều hành SXKD phù hợp, linh hoạt và kịp thời nhằm tận dụng tối đa cơ hội và giảm thiểu rủi ro đến hoạt động SXKD của BSR.

5. Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm các loại nguyên liệu (dầu thô và/hoặc các cấu tử trung gian) mới để không ngừng mở rộng giỏ dầu thô/ cấu tử trung gian cho Nhà máy, nâng cao sản lượng và hiệu quả SXKD.

6. Nghiên cứu, xem xét cơ hội hợp tác với các đối tác có tiềm năng và năng lực để có các giải pháp phù hợp nhằm đa dạng và phát triển thị trường sản phẩm hóa dầu.

7. Thường xuyên nghiên cứu và tối ưu hóa: (i) cơ cấu sản phẩm phù hợp với đặc tính của các hỗn hợp dầu thô chế biến, nhu cầu thị trường và công suất vận hành của các phân xưởng; (ii) tiêu thụ HPXT, vật tư tiêu hao, vật tư phụ tùng thay thế (spare parts), v.v... (gắn liền với công tác kiểm soát và cập nhật bộ định mức); (iii) năng lượng, tổn thất và mất mát, v.v... để góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.

8. Tập trung nguồn lực đẩy mạnh triển khai Dự án NCMR NMLD Dung Quất (Dự án điều chỉnh) đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả đầu tư Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.

9. Tiếp tục bám sát Ủy Ban quản lý vốn Nhà Nước (UBQLVNN) và cơ quan chức năng có liên quan để làm rõ/giải trình/cung cấp hồ sơ (nếu cần thiết) nhằm sớm đạt được phê duyệt công tác quyết toán cổ phần hóa BSR trong năm 2024.

10. Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số nhằm thúc đẩy các định hướng của BSR theo chiến lược phát triển Công ty; quản trị rủi ro, mô hình sản xuất/nhà máy thông minh và đảm bảo hiệu quả các nghiệp vụ cốt lõi của doanh nghiệp, cải tiến, biến đổi hoạt động của doanh nghiệp bằng cách tạo ra các quy trình kinh doanh mới, trải nghiệm khách hàng, văn hóa số và văn hóa Công ty. Đồng thời, hoàn thiện tích hợp hệ thống ERP của BSR với Cổ đông chi phối nhằm đảm bảo dữ liệu, báo cáo được thông suốt, hiệu quả.

11. Thực hiện công tác An sinh xã hội (ASXH), Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp theo đúng các Chỉ thị, Quy định của Cổ đông chi phối, trên cơ sở đảm bảo phù hợp và hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh.

12. Thực hiện các công việc khác được Cổ đông chi phối và Đại hội đồng cổ đông giao.



II.3. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2024

II.3.1. Chỉ tiêu sản lượng sản xuất và tiêu thụ

STT	SẢN PHẨM	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2024	
			Sản xuất	Tiêu thụ
1.	Polypropylene	Tấn	134.485	134.485
2.	LPG	Tấn	382.703	382.703
3.	Xăng E5 RON 92	Tấn	37.388	37.388
4.	Xăng RON 91/92	Tấn	588.013	588.013
5.	Xăng RON 95	Tấn	1.731.823	1.731.823
6.	Jet A1	Tấn	417.652	417.652
7.	Diesel Oil	Tấn	2.281.113	2.281.113
8.	Fuel Oil	Tấn	151.557	84.466
9.	Lưu huỳnh	Tấn	3.000	3.000
	TỔNG	Tấn	5.727.735	5.660.644

II.3.2. Kế hoạch tài chính toàn Công ty (hợp nhất)

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2024	Ghi chú
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	95.274,4	
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.291,3	
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.148,2	
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	10.597,6	
5	Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)	Tỷ đồng/ người/ tháng	4,2	

II.3.3. Kế hoạch Công ty mẹ

II.3.3.1. Kế hoạch tài chính

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	56.302,6
+	<i>Trong đó: -Vốn điều lệ cuối kỳ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>31.005,0</i>
+	<i>Tỷ lệ tham gia của Tập đoàn</i>	<i>%</i>	<i>92,12%</i>
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	95.079,8
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.420,9
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.278,8
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	%	2,3%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	4,1%

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024
7	Hệ số nợ/vốn điều lệ	Lần	<3
8	Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ	%	3,0%
9	Cổ tức/ lợi nhuận nộp Tập đoàn	Tỷ đồng	856,9
10	Nộp NSNN	Tỷ đồng	10.585,6

Ghi chú: Kế hoạch tài chính nêu trên được lập theo phương án giá dầu là 70USD/thùng.

II.3.3.2. Kế hoạch vốn đầu tư

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
1	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	1.336,7
1.1	Đầu tư XD CB	Tỷ đồng	994,3
1.2	Mua sắm TTB/TSCĐ	Tỷ đồng	342,4
2	Nguồn vốn	Tỷ đồng	1.336,7
-	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.336,7
-	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	

Ghi chú: Việc triển khai công tác ĐTXD, mua sắm TTB/TSCĐ chỉ thực hiện trên cơ sở tối ưu hóa chi phí và danh mục đầu tư; đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và bố trí đủ nguồn vốn.

II.3.3.3. Kế hoạch giá thành sản phẩm

Stt	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
I	Giá thành xuất xưởng		
1	Polypropylene	Triệu đồng/tấn	27,52
2	LPG	Triệu đồng/tấn	14,00
3	Xăng E5 RON 92	Triệu đồng/tấn	17,60
4	Xăng RON 91/92	Triệu đồng/tấn	17,17
5	Xăng RON 95	Triệu đồng/tấn	17,46
6	Jet A1	Triệu đồng/tấn	15,43
7	Diesel Oil	Triệu đồng/tấn	14,64
8	Fuel Oil	Triệu đồng/tấn	9,68
II	Giá thành tiêu thụ (bao gồm cả chi phí bán hàng và chi phí quản lý)		
1	Polypropylene	Triệu đồng/tấn	27,84
2	LPG	Triệu đồng/tấn	14,23
3	Xăng E5 RON 92	Triệu đồng/tấn	17,83
4	Xăng RON 91/92	Triệu đồng/tấn	17,39
5	Xăng RON 95	Triệu đồng/tấn	17,68
6	Jet A1	Triệu đồng/tấn	15,66



Stt	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
7	Diesel Oil	Triệu đồng/tấn	14,85
8	Fuel Oil	Triệu đồng/tấn	9,82

II.4. Giải pháp thực hiện

Để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 như trên, BSR sẽ triển khai đồng bộ các giải pháp như sau:

II.4.1. Giải pháp chung

– Duy trì sự đoàn kết, thống nhất về ý chí và hành động trong Đảng bộ, giữa HĐQT và Ban TGD để đảm bảo các chỉ đạo xuyên suốt, nhất quán, kịp thời và hiệu quả.

– Kịp thời báo cáo những khó khăn vướng mắc và đề xuất giải pháp tới các cấp Lãnh đạo, các cơ quan chức năng của tỉnh và các Bộ/Ngành liên quan.

II.4.2. Nhóm giải pháp về văn hóa doanh nghiệp

– Chú trọng triển khai Đề án xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp BSR gắn liền với Hệ giá trị cốt lõi của Petrovietnam, tập trung triển khai phổ biến, tuyên truyền Sổ tay văn hóa, hệ giá trị cốt lõi của BSR đến toàn thể CBCNV.

– Thúc đẩy động lực văn hóa trên tinh thần “Một đội ngũ, một mục tiêu” để chuẩn hóa và nâng tầm văn hóa BSR, đó là: văn hóa về sự tuân thủ pháp luật, văn hóa về sự đoàn kết, văn hóa về sự phối hợp, kết hợp giữa các đơn vị/tập thể trong hệ sinh thái, văn hóa về sự tăng trưởng,... làm nền tảng thống nhất nhận thức vai trò của văn hóa doanh nghiệp đến từng người lao động Dầu khí.

– Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị và cơ sở dữ liệu đào tạo để nâng cao hiệu quả đào tạo, đảm bảo năng lực cho từng vị trí chức danh, chú trọng đào tạo chuyên sâu, đào tạo quản lý và thực hiện đào tạo theo kế hoạch đã được phê duyệt và định hướng phát triển chiến lược của Công ty.

– Hoàn thiện và vận hành hiệu quả hệ thống quản trị tài năng nhằm gìn giữ và phát triển đội ngũ nhân lực chất lượng cao, nhân sự tiềm năng, đặc biệt đối với Khối trực tiếp sản xuất.

II.4.3. Nhóm giải pháp về vận hành sản xuất

– Đảm bảo Nhà máy vận hành an toàn, ổn định, liên tục và hiệu quả góp phần hoàn thành đạt và vượt kế hoạch đã giao.

– Thường xuyên kiểm tra tình trạng và độ tin cậy của thiết bị để xây dựng kế hoạch bảo dưỡng ngăn ngừa/dự đoán nhằm nâng cao độ tin cậy thiết bị/hệ thống/nhà máy góp phần bảo đảm Nhà máy vận hành an toàn, ổn định, liên tục và hiệu quả.

– Linh hoạt, tối ưu hóa trong việc điều chỉnh công suất Nhà máy, cơ cấu sản phẩm theo nhu cầu thị trường và giá sản phẩm.

– Công tác tối ưu hóa năng lượng:

+ Tiếp tục theo dõi, giám sát sự tiêu thụ/sử dụng năng lượng của Nhà máy



- + Tiếp tục triển khai các giải pháp tối ưu hóa năng lượng.
- Công tác tối ưu hóa sản xuất:
 - + Tiếp tục tìm kiếm, đánh giá và chế biến thử nghiệm dầu thô mới.
 - + Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và triển khai thử nghiệm tăng công suất phân xưởng công nghệ.
 - + Tiếp tục nghiên cứu, triển khai sản xuất sản phẩm mới theo nhu cầu thị trường.
- Tập trung mọi nguồn lực để thực hiện thành công TA5 đảm bảo an toàn, chất lượng, tiết kiệm chi phí và phấn đấu rút ngắn thời gian triển khai so với kế hoạch được duyệt nhằm sớm đưa nhà máy vào vận hành trở lại góp phần gia tăng sản lượng sản xuất và lợi nhuận cho công ty. Phát huy tối đa việc sử dụng các nguồn lực tại chỗ (BSR, các đơn vị trong ngành, tại Việt Nam) trong quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa, giảm thiểu việc sử dụng các dịch vụ kỹ thuật bên ngoài để tiết giảm chi phí.

II.4.4. Nhóm giải pháp về quản trị doanh nghiệp

- Triển khai các phương thức quản trị mới: quản trị biến động, quản trị chuỗi giá trị, quản trị hệ sinh thái trong và ngoài BSR dựa trên nền tảng số. Tiếp tục xây dựng và phát huy tối đa hiệu quả của chuỗi giá trị liên kết giữa các đơn vị trong và ngoài Tập đoàn.

- Tập trung nguồn lực tổ chức đảm bảo chất lượng, tiến độ từng nhiệm vụ cụ thể trong Đề án/ Kế hoạch cơ cấu lại Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đến năm 2025 đã được phê duyệt. Tập trung công tác đào tạo, phát triển cán bộ của BSR, đảm bảo đủ nguồn lực cho sự phát triển của BSR ở mọi giai đoạn. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách lương, thưởng tốt nhất cho CBCNV, Người lao động BSR phù hợp với quy định hiện hành.

- Quán triệt phương châm “làm mới động lực cũ, bổ sung động lực mới” để sẵn sàng chuyển dịch mô hình kinh doanh phù hợp với xu thế chuyển đổi, phát triển năng lượng toàn cầu hiện đại. Tận dụng tối đa công tác đối ngoại, phát triển sản phẩm mới, đẩy mạnh triển khai công tác marketing, phát triển thị trường, đặc biệt quảng bá các sản phẩm mới gắn với thương hiệu BSR.

- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị biến động, thường xuyên theo dõi, phân tích dự báo giá dầu mỏ, căng thẳng địa chính trị, triển vọng kinh tế thế giới, cung/cầu thị trường trong và ngoài nước để xây dựng/ cập nhật các kịch bản SXKD và có các giải pháp thích ứng, linh hoạt nhằm kiểm soát hiệu quả các rủi ro và nâng cao hiệu quả SXKD.

- Thường xuyên rà soát, phân tích và nghiên cứu các giải pháp để tiếp tục tối ưu chi phí SXKD nhằm góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền và có cơ chế giám sát việc thực hiện phân cấp, phân quyền. Không ngừng nâng cao ý thức trách nhiệm cá nhân; năng lực, hiệu quả hoạt động của Bộ máy điều hành; ý thức trách nhiệm về việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn Công ty (Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại các Ban chức năng/Văn phòng, Chi nhánh và các Công ty con.



Kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi gây ra thất thoát, lãng phí, làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các tập thể và các cá nhân trong Công ty).

– Tích cực triển khai ứng dụng giải pháp quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) và đẩy mạnh công tác chuyển đổi số nhằm thúc đẩy các định hướng của BSR theo chiến lược phát triển Công ty. Quản trị rủi ro, mô hình sản xuất/nhà máy thông minh và đảm bảo hiệu quả các nghiệp vụ cốt lõi của doanh nghiệp, cải tiến, biến đổi hoạt động của doanh nghiệp bằng cách tạo ra các quy trình kinh doanh mới, trải nghiệm khách hàng, văn hóa số và văn hóa Công ty.

– Không ngừng củng cố/hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao nhận thức về rủi ro, sớm nhận diện, đánh giá và có giải pháp chủ động để kiểm soát các rủi ro nhằm đạt được các mục tiêu, kế hoạch năm 2024.

– Sớm cập nhật Chiến lược phát triển BSR đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo chỉ đạo của Tập đoàn để trình Tập đoàn xem xét, phê duyệt. Chủ động xây dựng lộ trình/giải pháp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ/kế hoạch trong Chiến lược phát triển.

– Tiếp tục rà soát, cập nhật, bổ sung và ban hành sửa đổi/bổ sung các Quy chế, Quy trình đảm bảo tuân thủ pháp luật, tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với kế hoạch/lộ trình Chuyển đổi số và Chiến lược phát triển Công ty.

– Tiếp tục đôn đốc Người đại diện của BSR tại BSR-BF chỉ đạo BSR-BF sớm hoàn thiện các thủ tục liên quan theo Nghị quyết số 01/NQ-BSR ngày 08/02/2023 của Hội đồng quản trị BSR.

– Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của BSR tại PVBuilding sớm hoàn thiện Chiến lược phát triển PVBuilding đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 phù hợp với Chiến lược phát triển của BSR để trình BSR thông qua và ĐHCĐ phê duyệt làm cơ sở triển khai.

– Tiếp tục nghiên cứu và chuẩn bị các thủ tục để cơ cấu lại PMS, PVOS theo Đề án được duyệt trong thời gian sớm nhất, khi điều kiện cho phép, phù hợp với quy định.

– Tiếp tục bám sát UBQLVNN và cơ quan chức năng có liên quan để làm rõ/giải trình/cung cấp hồ sơ (nếu cần thiết) nhằm sớm đạt được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa BSR trong năm 2024.

– Đẩy mạnh triển khai công tác chuỗi liên kết giá trị, liên kết các nguồn lực, phát triển hệ sinh thái BSR để tăng khả năng ứng phó với tác động tiêu cực từ bên ngoài, biến thách thức thành cơ hội, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

II.4.5. Nhóm giải pháp Tài chính

– Bám sát diễn biến thị trường tài chính, biến động lãi suất, tỷ giá, lạm phát, các chính sách tài chính của Nhà nước... để duy trì cơ cấu tài chính lành mạnh, ổn định thực hiện tốt các mục tiêu kế hoạch tài chính đề ra.

– Tăng cường quản trị dòng tiền, vốn bằng tiền đảm bảo an toàn và hiệu quả sử dụng vốn, đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động SXKD. Thường xuyên cập nhật tình hình cân đối



dòng tiền, nguồn vốn trong trung hạn và dài hạn để đưa ra các dự báo, biện pháp ứng phó kịp thời nhằm đảm bảo hoạt động SXKD liên tục, thông suốt.

–Quản lý chặt chẽ các khoản phải thu, thúc đẩy công tác thanh toán nợ, chủ động áp dụng, tích cực tìm kiếm các biện pháp phù hợp, hiệu quả để khẩn trương thu hồi các khoản công nợ đến hạn. Xác định nguyên nhân khoản nợ quá hạn, nợ tồn đọng lâu ngày (nếu có), nợ không có khả năng thu hồi và có biện pháp xử lý.

–Tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính của Công ty và các công ty con thông qua việc tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế giám sát tài chính, kiểm toán nội bộ để thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng các nguồn lực tài chính của Công ty và các công ty con đúng mục đích và có hiệu quả. Rà soát, có các giải pháp phù hợp để đẩy mạnh công tác tiết kiệm/ giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.

–Chú trọng kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện triệt để các kết luận kiểm tra, thanh tra của cấp có thẩm quyền cũng như của Tập đoàn.

–Rà soát các nghĩa vụ tài chính dự kiến sẽ phát sinh đối với BSR trong quá trình thực hiện các dự án, thỏa thuận cam kết để có kế hoạch chủ động về phương án xử lý nguồn tài chính, bảo đảm an toàn tài chính doanh nghiệp.

–Thực hiện huy động vốn, vay vốn trong và ngoài nước theo quy định, bảo đảm nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển.

–Quản trị các khoản đầu tư đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển Công ty, nhận diện được các cơ hội, rủi ro và có các giải pháp kịp thời để nâng cao hiệu quả đầu tư.

–Xây dựng lộ trình và thực hiện áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

II.4.6. Nhóm giải pháp về đầu tư

–Đẩy mạnh công tác đầu tư, song song củng cố/hoàn thiện hệ thống quản trị danh mục đầu tư, đẩy nhanh các thủ tục đầu tư và tăng cường phân cấp/phần quyền trong công tác đầu tư. Chủ động, kịp thời xử lý các tồn tại/vướng mắc bảo đảm tiến độ, hiệu quả các Dự án Đầu tư xây dựng, đặc biệt là Dự án NCMR NMLD Dung Quất (Dự án điều chỉnh). Nghiên cứu các dự án mới để tạo ra các sản phẩm mới phù hợp với xu thế chuyển dịch năng lượng góp phần nâng cao chuỗi giá trị dầu khí tạo đà cho tăng trưởng bền vững của BSR. Khẩn trương, chủ động tổ chức công tác chuẩn bị đầu tư nhanh và hiệu quả.

–Thực hiện thành công, hiệu quả Dự án NCMR NMLD Dung Quất thông qua việc kiểm soát tiến độ, ngân sách, chất lượng, kiểm soát rủi ro, phát sinh, v.v...

–Hoàn thành phương án sơ bộ cho Tổ hợp lọc hóa dầu Long Sơn để báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

–Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác có kinh nghiệm, có thế mạnh về kỹ thuật, công nghệ, có tiềm lực tài chính, quản trị doanh nghiệp tốt, ... để thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển.



–Xây dựng Chiến lược triển khai Dự án NCMR NMLD Dung Quất đảm bảo kế hoạch/chiến lược khả thi, hiệu quả, tránh để Dự án bị chậm thêm nữa. Đồng thời, xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết đối với từng dự án, đặc biệt đẩy nhanh các dự án đã hoàn thành nghiên cứu cơ hội đầu tư và có hiệu quả nhằm đạt được kế hoạch đầu tư được duyệt.

II.4.7. Nhóm giải pháp về thị trường

–Thường xuyên theo dõi, phân tích dự báo giá dầu mỏ, cung/cầu thị trường trong nước để xây dựng các kịch bản kinh doanh và có các giải pháp ứng phó phù hợp nhằm kiểm soát hiệu quả các rủi ro (nếu có) và nâng cao hiệu quả SXKD.

–Điều hành linh hoạt trong công tác tiêu thụ sản phẩm, bám sát diễn biến thị trường, khối lượng hàng tồn kho và tiến độ nhận hàng của khách hàng để ứng phó kịp thời khi thị trường phát sinh tình huống bất lợi.

–Đa dạng hóa nguồn nguyên liệu, tối đa tiêu thụ dầu thô, nguyên liệu trung gian trong nước để tăng lợi ích của chuỗi liên kết trong ngành.

–Nghiên cứu và ứng dụng chuyển đổi số trong kinh doanh.

–Tiếp tục tìm kiếm các đối tác cung cấp dầu thô và tiêu thụ sản phẩm để không ngừng mở rộng mạng lưới và có quan hệ tốt với các nhà cung cấp và khách hàng tiềm năng, giúp BSR ổn định nguồn cung dầu thô và đầu ra sản phẩm.

–Nghiên cứu xem xét cơ hội hợp tác với các đối tác có năng lực để có giải pháp phù hợp nhằm làm tốt và phát triển thị trường sản phẩm hóa dầu.

–Đẩy mạnh triển khai công tác marketing, phát triển thị trường, đặc biệt quảng bá các sản phẩm mới gắn với thương hiệu BSR.

II.4.8. Nhóm giải pháp về khoa học công nghệ, đào tạo, an toàn môi trường và phát triển bền vững.

–Ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến và ứng dụng quản trị hiện đại dựa trên nền tảng công nghệ thông tin phù hợp với điều kiện cụ thể của Công ty trong công tác quản trị, điều hành. Triển khai đồng bộ công tác chuyển đổi số và ứng dụng các nền tảng số trong toàn Công ty. Xây dựng và thực hiện Chiến lược Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo theo hướng tập trung nguồn lực nhiều hơn cho phổ biến, chuyển giao ứng dụng ngay các công nghệ, tri thức mới, tiên tiến có sẵn của thế giới vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty.

–Sử dụng hiệu quả Quỹ nghiên cứu khoa học, khuyến khích nghiên cứu, phát triển, đầu tư, thử nghiệm chuyển đổi và ứng dụng các công nghệ mới, đào tạo nguồn nhân lực phù hợp, tiến tới làm chủ các công nghệ tiên tiến, hiện đại. Chú trọng công tác xét duyệt các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng chế để có được các sản phẩm mới có tính ứng dụng cao vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

–Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, hiện đại, kỹ thuật mới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, năng suất lao động và khả năng cạnh tranh của Công ty.



– Nghiên cứu triển khai các giải pháp chuyển dịch năng lượng, tiết kiệm năng lượng, nguyên nhiên liệu trong hoạt động sản xuất... nhằm góp phần đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 theo cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP 26.

– Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường. Phát triển hệ thống quản lý và xử lý chất thải trong lĩnh vực lọc hóa dầu với công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện Việt Nam. Tăng cường đầu tư trang thiết bị để nâng cao năng lực ứng cứu các tình huống khẩn cấp trong Công ty.

– Phát triển và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về lĩnh vực chuyên môn, về năng lực quản trị, ... để đáp ứng yêu cầu Công ty trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và phù hợp với tình hình mới. Tăng cường các biện pháp nhằm gắn kết chặt chẽ hơn nữa giữa nghiên cứu khoa học với đào tạo và ứng dụng.

– Tranh thủ và tăng cường hợp tác quốc tế với các đối tác và với các công ty dầu khí trên thế giới để học hỏi kinh nghiệm, tiếp thu và từng bước làm chủ, cải tiến, tiến tới sáng tạo công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

– Không ngừng cải thiện điều kiện lao động, môi trường lao động và đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

– Xây dựng và thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách khác đặc thù áp dụng cho các hoạt động dầu khí.

II.5. Đề xuất kiến nghị

Với các nội dung báo cáo nêu trên, HĐQT kiến nghị ĐHĐCĐ xem xét, chấp thuận những đề xuất kiến nghị sau:

– Thông qua kế hoạch SXKD năm 2024;

– ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xem xét, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2024 của Công ty (nếu cần thiết) phù hợp với tình hình hoạt động SXKD thực tế và báo cáo ĐHĐCĐ kết quả thực hiện ủy quyền, thực hiện công bố thông tin theo quy định.



Phụ lục 03 – Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024

I. Hoạt động trong năm 2023 của Hội đồng quản trị (HĐQT)

1. Hoạt động của HĐQT

– HĐQT đã chủ động chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành (BDH) đề ra các kịch bản, giải pháp đồng bộ, linh hoạt để hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2023 trước tình hình thị trường trong nước và thế giới có nhiều biến động do ảnh hưởng của chiến tranh giữa Nga-Ukraine, Israel-Hamas, biến động tỷ giá đồng USD, biến động của giá dầu mỏ... Bên cạnh sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, sự hỗ trợ của Cổ đông lớn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cùng với xu hướng tích cực của thị trường, với tinh thần đoàn kết, chia sẻ và trách nhiệm trong quản lý, điều hành, BSR đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận trong năm 2023.

– HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng đại diện các chủ sở hữu trong việc chỉ đạo, giám sát hoạt động điều hành của BDH, định hướng phù hợp và kịp thời, đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực để hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua, trên cơ sở tuân thủ các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định có liên quan.

– Với tinh thần trách nhiệm cao, HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ một cách cẩn trọng, trung thực vì lợi ích của các cổ đông và Công ty. Kết quả năm 2023, Công ty đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu nhiệm vụ được ĐHCĐ giao. Công ty tiếp tục vận hành an toàn, ổn định Nhà máy lọc dầu Dung Quất (Nhà máy); mở rộng nguồn dầu thô, nguyên liệu trung gian đầu vào (để linh hoạt trong chế biến; cũng như đa dạng hóa sản phẩm khi sản xuất và xuất bán.

– Các hoạt động chủ động, tích cực, hiệu quả, kịp thời và có tầm chiến lược của HĐQT, phù hợp với các quy định của pháp luật và BSR, với phương châm “Chính trực – Chuyên nghiệp – Đoàn kết – Sáng tạo – Hiệu quả”, triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp, trong đó tập trung vào vào các nhóm giải pháp cốt lõi, đột phá “về con người, thị trường và cơ chế chính sách” góp phần giúp BSR tiếp tục đạt được nhiều thành công trong năm 2023, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng từ các yếu tố khách quan bất lợi (cụ thể như được trình bày tại “Báo cáo kết quả SXKD năm 2023, kế hoạch SXKD năm 2024”), tạo thuận lợi để BSR đạt được các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021 – 2025 và Chiến lược phát triển dài hạn.

Một số hoạt động nổi bật của HĐQT như sau:

- Chiến lược, kế hoạch:

HĐQT chỉ đạo cập nhật Định hướng Chiến lược phát triển đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045; triển khai Kế hoạch 5 năm 2021 – 2025, từng bước hiện thực hóa Chiến lược phát triển; định hướng các mục tiêu phát triển trong dài hạn để chủ động trong kinh doanh; chỉ đạo xây dựng Chiến lược tiêu thụ sản phẩm, Chiến lược thương hiệu và truyền thông,...

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, BSR đã tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm: vận hành Nhà máy lọc dầu Dung Quất đảm bảo an toàn, ổn định ở công suất tối ưu phù hợp với nhu cầu thị trường; nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm thành công



các loại dầu mới để mở rộng giỏ dầu thô cho Nhà máy; tiếp tục triển khai đàm phán việc cung cấp dầu thô dài hạn; đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và tối ưu hóa sản xuất; triển khai Dự án nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất sau khi điều chỉnh chủ trương đầu tư; xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro của BSR để tích hợp với chiến lược phát triển của BSR đến 2030, tầm nhìn đến 2045; tiếp tục thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp; Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số để nâng cao độ chính xác và kịp thời của thông tin báo cáo góp phần nâng cao hiệu quả quản trị công ty, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) sau khi Go-live; triển khai thực hiện đồng bộ văn hóa doanh nghiệp trong toàn Công ty.

– HĐQT xác định các vấn đề, nội dung trong hoạt động của BSR cần được ưu tiên thực hiện trong từng năm, từng giai đoạn để BSR luôn chủ động, tận dụng thời cơ, đón đầu xu hướng và cũng làm cơ sở để BSR phân bổ nguồn lực thực hiện phù hợp.

– Để góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, tạo chủ động và đột phá cho hoạt động SXKD phù hợp với cơ chế thị trường, HĐQT chỉ đạo thực hiện giải pháp về cơ chế chính sách. Trong đó: ban hành các Quy chế trả lương, trả thưởng, Quy chế thưởng an toàn; rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các Quy chế quản lý hoạt động kinh doanh dầu thô, sản phẩm, Quy chế quản lý tài chính, các Quy định phân cấp đầu tư và quản lý đầu thầu... cũng như các quy định pháp luật, chỉ đạo điều hành của các cơ quan quản lý Nhà nước.

– Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các chỉ đạo, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

– Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ tại Nghị quyết số 2676/NQ-BSR ngày 13/04/2023 và kết quả hoạt động SXKD năm 2023, HĐQT đã quyết định điều chỉnh Kế hoạch SXKD năm 2023 tại Nghị quyết số 7324/NQ-BSR ngày 28/12/2023.

– Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ tại Nghị quyết số 1189/NQ-BSR ngày 22/04/2022, HĐQT đã ban hành Quyết định số 968/QĐ-BSR ngày 28/03/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

– Ngoài ra, phù hợp với phân cấp, thẩm quyền, HĐQT còn thực hiện nhiều hoạt động/chương trình khác để chỉ đạo, định hướng, quản trị hoạt động SXKD của BSR.

– Công tác niêm yết cổ phiếu BSR tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE): Trong năm 2023, Công ty đã tiến hành thuê đơn vị tư vấn niêm yết chứng khoán theo quy định và tích cực tổ chức triển khai các công việc chuẩn bị để đăng ký niêm yết chứng khoán tại HOSE. Tuy nhiên, BSR chưa đáp ứng được điều kiện niêm yết cổ phiếu theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Do đó, BSR sẽ tiếp tục triển khai công tác chuyển sà, đăng ký niêm yết chứng khoán tại HOSE khi đủ điều kiện.

2. Hoạt động của từng thành viên HĐQT

2.1. Ông Nguyễn Văn Hội – Chủ tịch HĐQT

– Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành viên/Chủ tịch HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác.

– Lĩnh vực phụ trách: Chiến lược phát triển, Công tác tái cấu trúc Công ty; Phụ trách hoạt động của Văn phòng Hội đồng quản trị.



– Nhận xét: Ông Nguyễn Văn Hội thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Thành viên/Chủ tịch HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực phụ trách nêu trên.

2.2. Ông Bùi Ngọc Dương – Thành viên HĐQT/ TGD

– Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác

– Lĩnh vực phụ trách: Công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và lĩnh vực Tài chính Kế toán của Công ty.

– Giám sát hoạt động: Bộ máy cơ quan điều hành.

– Nhận xét: Ông Bùi Ngọc Dương thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT/TGD theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực phụ trách nêu trên.

2.3. Ông Hà Đồng – Thành viên HĐQT

– Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác

– Lĩnh vực phụ trách: Giám sát công tác Bảo dưỡng tổng thể lần 5 (TA5); Lĩnh vực tiến độ triển khai Dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất (NCOMR); Công ty dự báo, phân tích thị trường phục vụ sản xuất kinh doanh; Giám sát Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí (PMS).

– Nhận xét: Ông Hà Đồng thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực phụ trách nêu trên.

2.4. Ông Khương Lê Thành – Thành viên HĐQT

– Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác.

– Lĩnh vực phụ trách: Công tác an ninh, an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng cháy chữa cháy và quản lý chất lượng; Công tác quản trị nhân lực, tiền lương, chế độ chính sách và đào tạo; Công tác chuyên đổi số; Truyền thông, văn hóa doanh nghiệp, an sinh xã hội; Công tác mua sắm hàng hóa, thương mại dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Công tác pháp chế, quản trị rủi ro, bảo hiểm; Lĩnh vực công nghệ Dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất; Lĩnh vực khoa học công nghệ Công ty; Giám sát Công ty cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF);

– Nhận xét: Ông Khương Lê Thành thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực phụ trách nêu trên.

2.5. Ông Hạng Anh Minh – Thành viên độc lập HĐQT

– Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác.

– Lĩnh vực phụ trách: Công tác Đầu tư, mua sắm tài sản cố định; Lĩnh vực kinh doanh dầu thô và sản phẩm; Công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh; Kiểm soát, kiểm toán nội bộ; Quan hệ cổ đông; truyền thông liên quan đến công tác quan hệ cổ đông; Công tác nhượng bán, thanh lý tài sản; Lĩnh vực pháp lý Dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất; Phụ trách hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ; Giám sát Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building) và Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS);

– Nhận xét: Ông Hạng Anh Minh thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Thành viên độc lập HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực phụ trách nêu trên.

II. Đánh giá của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động trong năm 2023 của Hội đồng quản trị

HĐQT hoàn thành tốt các chức năng, nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định khác có liên quan; làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và minh bạch trong công tác quản trị công ty đại chúng; tạo điều kiện thuận lợi để Thành viên độc lập HĐQT thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

III. Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành BSR trong năm 2023 của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò quản lý, điều hành BSR trong năm 2023, cụ thể:

– Triển khai, chỉ đạo các ban, văn phòng, đơn vị thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của ĐHĐCĐ, HĐQT.

– Quản lý, điều hành hoạt động SXKD chuyên nghiệp, sát sao, trung thực, cẩn trọng với tinh thần trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn, không ngừng nâng cao năng lực quản trị theo thông lệ tốt, hiện đại để hoàn thành công việc, nhiệm vụ được giao vì lợi ích hợp pháp, tối đa của BSR và các cổ đông.

– Quản lý, điều hành hoạt động SXKD theo đúng phân cấp thẩm quyền giữa HĐQT và Tổng Giám đốc.

– Báo cáo đầy đủ theo quy định trong quá trình triển khai thực hiện các chỉ đạo của HĐQT/ĐHĐCĐ và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT khi phát sinh vấn đề vượt phân cấp thẩm quyền, quyết định của Tổng giám đốc.

– Làm việc thường xuyên với các Ban, Văn phòng, Đơn vị để rà soát, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động SXKD cũng như chấn chỉnh những tồn tại (nếu có).

– Tuân thủ, chấp hành đúng các quy định trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty.



Cùng với ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã quản lý, điều hành hoạt động SXKD của BSR đáp ứng kỳ vọng của HĐQT, ĐHĐCĐ trong năm 2023 cũng như tạo nền tảng để đạt được các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021 – 2025 và Chiến lược phát triển BSR.

IV. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã tổ chức 09 cuộc họp HĐQT định kỳ, chuyên đề (hình thức trực tiếp) và thường xuyên lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản để xem xét, kịp thời chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên quan đến chiến lược, cơ chế, chính sách, công tác sản xuất, kinh doanh, đầu tư xây dựng, tài chính kế toán, tổ chức nhân sự, tái cơ cấu, chuyển dịch năng lượng, chuyển đổi số, hợp tác phát triển, an sinh xã hội,... của BSR và các đơn vị. Bao gồm một số nội dung chính như: công tác điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất (Quyết định số 482/QĐ-TTg ngày 05/05/2023); văn kiện trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023; các chính sách, giải pháp ứng phó với ảnh hưởng của chiến sự Nga và Ukraine đối với thị trường dầu thô và hoạt động SXKD của Công ty; giám sát chặt chẽ việc triển khai công tác Bảo dưỡng tổng thể Nhà máy lọc dầu Dung Quất lần thứ 5; Công tác tái cơ cấu công ty và kế hoạch 5 năm 2021-2025; phương án xử lý tiếp theo đối với Dự án Nhiên liệu sinh học Dung Quất – Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí miền Trung; công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu, phát triển thị trường; Công tác chuẩn bị đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024... Các Thành viên HĐQT tham gia tất cả cuộc họp HĐQT.
- Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 vào ngày 13/04/2023 và 100% Thành viên HĐQT trực tiếp tham gia cuộc họp.
- Xem xét các báo cáo, đánh giá của các Đoàn kiểm tra của các Bộ Ngành, của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát nội bộ, Đoàn kiểm tra, giám sát nội bộ về hoạt động SXKD của BSR và các đơn vị; cũng như tổ chức Chương trình giám sát do HĐQT chủ trì và chỉ đạo thực hiện các kết luận (nếu có).
- Trao đổi, chất vấn, giám sát Ban Tổng giám đốc về triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT, ĐHĐCĐ; về quản lý, điều hành hoạt động SXKD của BSR.
- Tham gia các buổi họp, buổi làm việc, hội nghị, hội thảo... cùng Ban Tổng giám đốc để tìm giải pháp, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc hoạt động SXKD của BSR và các đơn vị.

2. Các Nghị quyết, Quyết định và Văn bản chỉ đạo của Hội đồng quản trị

HĐQT ban hành trên 170 Nghị quyết, Quyết định và trên 200 Văn bản đề quản trị, chỉ đạo về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 đối với những vấn đề thuộc phân cấp, thẩm quyền quyết định của HĐQT; tập trung vào các vấn đề như nêu tại Mục IV.1; trong đó có 12 Nghị quyết/Quyết định/Văn bản liên quan đến các vấn đề phải công bố thông tin theo quy định của Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính. Chi tiết như tại Báo cáo số 79/BC-BSR ngày 04/01/2024 về Báo cáo tình hình quản trị năm 2023 đã được công bố thông tin.



V. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng Thành viên Hội đồng quản trị

Chi tiết thù lao của HĐQT được tổng hợp và thể hiện trong Tờ trình thông qua báo cáo thực hiện tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của HĐQT và Ban kiểm soát, Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán và Báo cáo thường niên năm 2023.

Các chi phí hành chính và chi phí liên quan đến hoạt động của HĐQT tuân thủ Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế Quản lý tài chính và các định mức chi tiêu nội bộ của BSR.

VI. Báo cáo về các giao dịch giữa BSR với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của Thành viên đó; giao dịch giữa BSR với công ty trong đó Thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

Trong năm 2023, BSR có giao dịch với Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL). Ông Hạng Anh Minh – Thành viên độc lập HĐQT BSR đã từng là Thành viên HĐQT PVOIL từ tháng 08/2018- đến tháng 04/2023. *(Chi tiết như tại Báo cáo số 79/BC-BSR ngày 04/01/2024 về Báo cáo tình hình quản trị năm 2023 đã được công bố thông tin)*

Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2023 của BSR, đã được công bố thông tin.

VII. Phương hướng hoạt động trong năm 2024 của Hội đồng quản trị

Năm 2024, bên cạnh những tác động từ tình hình kinh tế, chính trị thế giới thì nội tại BSR phải đối diện và giải quyết các vấn đề về: giá dầu mỏ tiếp tục biến động khó lường; xu thế chuyển đổi số, chuyển dịch năng lượng; suy giảm nguồn dầu thô nội địa, thay thế là các nguồn nhập khẩu với chi phí cao; đối thủ mạnh cạnh tranh trong kinh doanh xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu; chi phí bảo dưỡng sửa chữa ngày càng tăng theo số năm vận hành Nhà máy lọc dầu Dung Quất; chi phí đầu tư cao hơn, thủ tục, quy định về đầu tư phức tạp hơn so với trước đây;... Vì vậy, để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, HĐQT xác định những nhiệm vụ chính cần thực hiện như sau:

- Tiếp tục tổ chức bộ máy HĐQT, cơ quan giúp việc cho HĐQT làm việc chuyên nghiệp, sắc bén với tinh thần trách nhiệm cao.
- Duy trì các phiên họp định kỳ theo quy định, tổ chức họp bất thường khi cần thiết, linh hoạt áp dụng hình thức làm việc trực tiếp tại văn phòng BSR hoặc làm việc từ xa (tùy thuộc tình hình thực tế) để kịp thời chỉ đạo, giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền, phân cấp của HĐQT.
- Tiếp tục xem xét, quyết định, chỉ đạo: công tác xây dựng, thực hiện Chiến lược; xác định các vấn đề, công việc trong hoạt động SXKD của BSR cần được ưu tiên thực hiện; xây dựng, kiến nghị, phê duyệt các vấn đề về cơ chế chính sách; kiểm tra, giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành BSR, thực hiện các chỉ đạo, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các cấp có thẩm quyền; tổ chức thực hiện các ủy quyền của ĐHĐCĐ (nếu có).

Đồng thời chỉ đạo:

- Triển khai các nhiệm vụ hoạt động SXKD gắn liền Quyết định số 1243/QĐ-TTg phê duyệt “Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) giai đoạn đến hết năm 2025”; Kế hoạch 5 năm 2021-2025 của BSR làm cơ sở để BSR phát triển bền vững.
- Tập trung vận hành Nhà máy lọc dầu Dung Quất an toàn, ổn định, liên tục ở công suất, cơ cấu sản phẩm tối ưu phù hợp với nhu cầu và tình hình thị trường, tối đa hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh của BSR.
- Giám sát chặt chẽ công tác Bảo dưỡng tổng thể Nhà máy lọc dầu Dung Quất lần 5 đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ và tối ưu chi phí với kế hoạch được duyệt.
- Đảm bảo nguồn cung dầu thô cung cấp cho vận hành an toàn, ổn định, hiệu quả Nhà máy lọc dầu Dung Quất.
- Chỉ đạo, nghiên cứu xem xét cơ hội hợp tác với đối tác tiềm năng nhằm đa dạng và phát triển thị trường sản phẩm hóa dầu.
- Chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ quyết toán cổ phần hóa BSR trong năm 2024.
- Đẩy mạnh triển khai Dự án NCMR NMLD Dung Quất (Dự án điều chỉnh) đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả đầu tư Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.
- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, đồng thời tích hợp hệ thống ERP với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để hệ thống ERP được thông suốt, hiệu quả.
- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ phù hợp với các quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của hoạt động SXKD Công ty, thích ứng với cơ chế thị trường.
- Thực hiện công tác tái cấu trúc theo Đề án đã được phê duyệt; Rà soát, sắp xếp công tác tổ chức, cơ cấu, chức năng nhiệm vụ, định biên các Ban, Chi nhánh Công ty đảm bảo hiệu quả, phù hợp với hoạt động SXKD của BSR từng giai đoạn.
- Triển khai công tác truyền thông, an sinh xã hội phù hợp với điều kiện hoạt động SXKD của Công ty.
- Phân đấu đăng ký thủ tục chuyển sàn niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) khi đủ điều kiện.
- Thực hiện các công việc khác do Đại hội đồng cổ đông giao.



Phụ lục 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023 VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2024

Phần A: Báo cáo kết quả hoạt động, kết quả công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát (BKS):

1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động năm 2023 và kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR, thẩm định báo cáo tài chính sau kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Deloitte Việt Nam), Ban Kiểm soát kính báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của BSR trong năm 2023 được thể hiện ở một số chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Năm 2023, Nhà máy hoạt động ổn định với công suất cao và bình quân trên 100% công suất thiết kế. Tình hình diễn biến địa chính trị trên thế giới phức tạp do chiến dịch đặc biệt Nga – Ukraina, tình hình ở giải Gaza, giá dầu thô tiếp tục khó dự báo, lạm phát toàn cầu đã giảm, nhưng lạm phát cơ bản vẫn ở mức cao ... Với tình hình như vậy, nhưng BSR đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong tâm và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra cụ thể như: Lợi nhuận sau thuế đạt **8.755** tỷ đồng, vượt kế hoạch năm 2023 là 174%. Nộp ngân sách nhà nước 17.409 tỷ đồng, vượt kế hoạch năm 111%. Đối với sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ cũng vượt kế hoạch cụ thể như sau: sản lượng sản xuất: **7.367.305** tấn đạt 109%, sản lượng tiêu thụ: **7.340.677** tấn đạt 109% so với kế hoạch 2023.

Stt	Nội dung	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023		
				KH (trước khi điều chỉnh) (*)	Kế hoạch điều chỉnh (**)	Thực hiện
I	Chỉ tiêu sản lượng					
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	7.010.828	5.624.734	6.765.415	7.367.305
2	Sản lượng tiêu thụ		7.003.079	5.624.734	6.765.415	7.340.677
II	Chỉ tiêu tài chính (hợp nhất)					
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	167.126	95.644,8	145.102	150.116
2	Nộp NSNN		19.041	9.825,3	15.703	17.420
3	Lợi nhuận trước thuế		15.586	1.820,6	5.428	9.639
4	Lợi nhuận sau thuế		14.669	1.628,4	4.868	8.593
III	Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ					
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	167.058	95.370,8	145.014	150.073
2	Nộp NSNN		19.027	9.812,8	15.692	17.409
3	Lợi nhuận trước thuế		15.750	1.912,7	5.587	9.800
4	Lợi nhuận sau thuế		14.836	1.721,5	5.028	8.755

- (*), (**) là kế hoạch theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 2676/NQ-BSR ngày 13/4/2023 và Nghị quyết của HĐQT số 7324/NQ-BSR ngày 28/12/2023.

Các chỉ số tài chính:

Các hệ số về khả năng thanh toán, các chỉ tiêu về cân đối nợ, sự phù hợp của cơ cấu tài sản, nguồn vốn được thể hiện trong bảng sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	BCTC riêng công ty mẹ		BCTC hợp nhất	
			2022	2023	2022	2023
A	Tình hình tài sản, nguồn vốn					
I	Tổng tài sản	Tỷ đồng	77.226	85.421	78.488	86.595
1	Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	58.273	68.488	58.471	68.681
2	Tiền và các khoản tương đương tiền	Tỷ đồng	22.818	16.943	22.853	17.001
3	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Tỷ đồng	2.102	21.052	2.172	21.122
4	Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	16.496	14.916	16.553	14.955
5	Hàng tồn kho	Tỷ đồng	16.778	15.510	16.809	15.531
6	Tài sản ngắn hạn khác	Tỷ đồng	78	67	84	73
7	Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	18.954	16.933	20.017	17.914
II	Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	77.226	85.421	78.488	86.595
1	Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	24.517	26.859	26.015	28.442
2	Nợ dài hạn	Tỷ đồng	1.272	874	1.282	884
3	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	51.438	57.689	51.190	57.269
B	Hệ số khả năng thanh toán					
1	Hệ số thanh toán hiện hành	lần	2,38	2,55	2,25	2,41
2	Hệ số thanh toán nhanh hiện hành	lần	1,69	1,97	1,60	1,86
3	Hệ số nợ/Tổng tài sản	lần	0,33	0,32	0,35	0,34
4	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,50	0,48	0,53	0,51

Nhìn chung các chỉ số tài chính của BSR là tốt, nằm trong khoảng an toàn.

Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Về bảo toàn và phát triển vốn: Năm 2023, BSR lãi sau thuế là 8.755 tỷ đồng nên Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn với hệ số là 1,12

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	BCTC riêng công ty mẹ		BCTC hợp nhất	
		2022	2023	2022	2023
1. Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	51.438	57.689	51.190	57.269
2. Tổng tài sản		77.226	85.421	78.488	86.595
3. Lợi nhuận sau thuế		14.836	8.755	14.669	8.593
4. Hiệu quả sử dụng vốn					
- Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	%	29	15	29	15
- Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	%	19	10	19	10
- Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1,37	1,12	1,36	1,12

Công tác đầu tư tài chính:

Tại thời điểm 31/12/2023, BSR có 01 đơn vị hạch toán phụ thuộc là Ban quản lý dự án nâng cấp mở rộng nhà máy và BSR tham gia góp vốn tại 04 doanh nghiệp gồm:

- Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF) với tỷ lệ tham gia góp vốn là 65,54% vốn điều lệ. Các Ngân hàng đã kiện BSR-BF lên Tòa án



để yêu cầu thanh toán các khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng. Ngày 26/09/2023, Tòa án đã tuyên án Theo Bản án sơ thẩm số 08/2023/KDTM-ST ngày 26/9/2023 cơ bản chấp nhận tất cả các yêu cầu khởi kiện của các Ngân hàng, đồng thời yêu cầu BSR-BF thanh toán các khoản nợ gốc, lãi phát sinh. Trong trường hợp BSR-BF không thể thanh toán thì các Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Ngày 10/10/2023, BSR-BF đã nộp đơn kháng cáo với một số nội dung của bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/KDTM-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi. Đến ngày 22/2/2024, BSR-BF đã nộp hồ sơ mở thủ tục phá sản lên tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Năm 2023, BSR-BF ước lỗ lũy kế là 1.611,26 tỷ đồng và âm vốn chủ sở hữu khoảng 478,89 tỷ đồng. Tại thời điểm 31/12/2023, BSR đang trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào BSR-BF là gần 205,78 tỷ đồng (trích lập thêm trong kỳ: 0 VND và không bao gồm khoản 536 tỷ đồng BSR đã trích lập cho giai đoạn trước 30/6/2018).

- Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building): tỷ lệ cổ phần nắm giữ của BSR tại PVBuilding là 83,26% vốn điều lệ. Năm 2023, PV Building đạt tổng doanh thu 727 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 16,7 tỷ đồng.

- Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa công trình Dầu khí (PMS) với tỷ lệ vốn thực góp là 7 tỷ đồng, chiếm 8,75% vốn điều lệ. Năm 2023, PMS đạt tổng doanh thu 252 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 6,4 tỷ đồng.

- Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS) với tỷ lệ vốn thực góp là 4,24 tỷ đồng, chiếm 5,77% vốn điều lệ. Năm 2023, PVOS lỗ 3,1 tỷ đồng. Vì đang trong giai đoạn đầu tư, tiến độ đầu tư kéo dài do các vướng mắc về cơ chế/chính sách nên chưa hiệu quả. Trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty TNHH Kho ngầm xăng dầu Dầu khí Việt Nam là 1.492.777.634 VND (trong đó: trích lập thêm trong kỳ: 206.555.700 VND).

Hiện tại, BSR đang thực hiện phương án tái cơ cấu các khoản góp vốn tại 04 công ty trên theo phương án thoái vốn tại PMS, PVOS, thực hiện phá sản đối với BSR-BF và tiếp tục giữ nguyên phần vốn PV Building.

Vấn đề ngoại trừ và nhấn mạnh trong BCTC 2023 của BSR:

Trong BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2023 của BSR, Kiểm toán Deloitte đã lưu ý vấn đề cần nhấn mạnh và không có yếu tố ngoại trừ, cụ thể:

Ý kiến nhấn mạnh trên BCTC riêng:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ý kiến nhấn mạnh trên BCTC hợp nhất:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 26/9/2023, Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi đã ban hành Bản án sơ thẩm chấp thuận một phần yêu cầu khởi kiện của các ngân hàng và buộc Công ty



Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF - công ty con của Công ty) tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho các ngân hàng. Ngày 22 tháng 02 năm 2024, BSR-BF cũng đã nộp đơn đến Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với BSR-BF. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, BSR-BF đang chờ quyết định thụ lý của tòa án về việc mở thủ tục phá sản.

Ban Kiểm soát cho rằng ý kiến nhấn mạnh của Kiểm toán Deloitte là phù hợp, khách quan và đúng với tình hình thực tế hoạt động của BSR.

Công tác quản trị doanh nghiệp

Trong giai đoạn biến động của thị trường trong nước và quốc tế thời gian qua, Ban Lãnh đạo Công ty đã tập trung và có các giải pháp về quản trị biến động, điều hành linh hoạt để ứng phó với các tình huống về thị trường và biến động trên thế giới. Tăng cường áp dụng các hệ thống quản trị hiện đại, chuyển đổi số, xây dựng chiến lược phát triển và văn hóa doanh nghiệp để tạo môi trường và động lực phát triển bền vững. Cụ thể:

- Hoàn thiện Hệ thống quản trị rủi ro và triển khai áp dụng vào thực tiễn quản lý điều hành; Xây dựng Chiến lược phát triển BSR đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 để làm lộ trình đầu tư phát triển bền vững cho Công ty.

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các Quy chế, quy định và quy trình để phù hợp với thực tế SXKD và tuân thủ các quy định pháp luật, chỉ đạo điều hành của các cơ quan quản lý Nhà nước.

- Áp dụng hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và giám sát các hoạt động thường xuyên của Công ty. Đây mạnh công tác chuyển đổi số để nâng cao độ chính xác và kịp thời của báo cáo quản trị công ty, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) sau khi Go-live;

- Thực hiện theo phương án tái cơ cấu đảm bảo ổn định tổ chức, phù hợp với đặc thù, thực tế của từng giai đoạn và cho những năm tiếp theo của Công ty.

- Triển khai thực hiện đồng bộ văn hóa doanh nghiệp của công ty để tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững.

2. Kết quả giám sát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Trong năm 2023, HĐQT BSR đã hoàn thành tốt các chức năng, nhiệm vụ được giao và đưa ra các chỉ đạo định hướng, quyết định, nghị quyết kịp thời để Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu đã được ĐHĐCĐ thông qua. Báo cáo của HĐQT và TGDĐ đã phản ánh đầy đủ, trung thực tình hình hoạt động năm 2023 của Công ty, cụ thể:

Hội đồng quản trị:

- HĐQT hoàn thành tốt các chức năng, nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ BSR, Quy chế hoạt động và các quy định khác có liên quan; làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, minh bạch và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được giao.

- HĐQT đã ban hành quyết định phân công nhiệm vụ trong Hội đồng quản trị theo lĩnh vực (chi tiết như báo cáo của HĐQT) bên cạnh các nhiệm vụ và trách nhiệm của Thành viên HĐQT theo quy định pháp luật và Điều lệ BSR để tối ưu hóa và nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo và giám sát các hoạt động của Công ty.



- HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền, phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

- Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cẩn trọng, trung thực vì lợi ích của cổ đông và Công ty; đã thực hiện tốt vai trò giám sát, chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Tổng Giám đốc thực hiện công tác điều hành hoạt động SXKD.

- HĐQT đã chỉ đạo, tạo điều kiện và đồng hành cùng Tổng Giám đốc trong việc xử lý các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động SXKD, đặc biệt là triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp, trong đó tập trung vào các nhóm giải pháp cốt lõi, đột phá “về con người, thị trường và cơ chế chính sách” góp phần giúp BSR đạt được thành công trong năm 2023.

Tổng Giám đốc

- TGD đã chỉ đạo các ban chức năng nghiêm túc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của HĐQT và ĐHĐCĐ.

- Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động SXKD chuyên nghiệp, trung thực, cẩn trọng với tinh thần trách nhiệm cao và không ngừng nâng cao năng lực quản trị theo thông lệ tốt, hiện đại để tối ưu hóa nâng cao hiệu quả SXKD.

- Quản lý, điều hành hoạt động SXKD đúng phân cấp giữa HĐQT và Tổng Giám đốc. Thực hiện báo cáo đầy đủ theo quy định trong quá trình triển khai thực hiện các chỉ đạo của HĐQT.

- Luôn nỗ lực nghiên cứu và sáng tạo để có các giải pháp trong quản lý điều hành và SXKD cũng như tối ưu hóa, tiết giảm chi phí.

- Tuân thủ, chấp hành đúng các quy định trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty.

HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã quản lý, điều hành hoạt động SXKD của BSR đáp ứng kỳ vọng và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ của ĐHĐCĐ trong năm 2023. Với kết quả đạt được trong năm 2022, 2023 đã tạo nền tảng vững chắc và động lực cho sự phát triển bền vững của BSR trong những năm tiếp theo.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT:

Ban Kiểm soát đã xem xét và cho rằng các báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị Công ty là đầy đủ, hợp pháp và trung thực, đáng tin cậy. Các báo cáo đã nêu được những nỗ lực, sáng tạo và chuyên nghiệp của HĐQT/TGD trong công tác quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, TGD dựa trên nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, tuân thủ các quy định pháp luật nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông.

HĐQT và TGD đã phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong công tác kiểm tra, giám sát và thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng của



BKS. Thường xuyên trao đổi và cung cấp đầy đủ thông tin, mời tham gia các cuộc họp và thực hiện các khuyến nghị của BKS đưa ra.

Trong năm 2023, BKS không nhận được yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông về việc thực hiện kiểm tra một nội dung/vụ việc nào theo quy định tại Điểm 6, Điều 170- Quyền và nghĩa vụ của BKS- của Luật Doanh nghiệp 2020.

5. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Trong năm 2023 BSR có giao dịch với Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL). Ông Hạng Anh Minh – Thành viên độc lập HĐQT BSR đã từng là Thành viên HĐQT PVOIL từ tháng 08/2018- đến tháng 04/2023 (*Chi tiết như tại Báo cáo số 79/BC-BSR ngày 04/01/2024 về Báo cáo tình hình quản trị năm 2023 đã được công bố thông tin*)

Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2023 của BSR, đã được công bố thông tin.

6. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2023, ĐHĐCĐ quyết định tiếp tục bầu chức danh Thành viên Ban kiểm soát đối với ông Hoàng Ngọc Xuân sau khi đã hết nhiệm kỳ 5 năm và quyết định giữ nguyên vị trí Trưởng Ban kiểm soát đối với ông Hoàng Đình Nhật và bà Vũ Lan Phương chức danh Thành viên (kiêm nhiệm) Ban kiểm soát Công ty.

Hoạt động của BKS được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; các thành viên BKS cùng chịu trách nhiệm chung đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của BKS. Đồng thời BKS cũng phân công các Thành viên trong BKS thực hiện công tác theo dõi, giám sát theo lĩnh vực phù hợp với năng lực và sở trường của từng thành viên để nâng cao hiệu quả giám sát.

Ban kiểm soát BSR hiện nay gồm có 03 thành viên, các Thành viên ban kiểm soát thực hiện chức trách, nhiệm vụ dựa trên sự phân công công việc cụ thể như sau:

- Ông Hoàng Đình Nhật - Trưởng BKS

- Phụ trách chung trong việc điều hành hoạt động của BKS.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát trong năm và tổ chức triển khai thực hiện.
- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định Nhà nước, điều lệ Công ty, việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định và tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty.
- Kiểm tra, giám sát công tác và đánh giá hiệu lực, hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro của Công ty.
- Xem xét, đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC hàng năm trình ĐHĐCĐ phê duyệt.



- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
- **Ông Hoàng Ngọc Xuân – Thành viên BKS:**
 - Kiểm tra các hoạt động liên quan đến công tác tài chính, định mức kinh tế và các hoạt động của Ban Tài chính Kế toán Công ty.
 - Xem xét, thẩm định các báo cáo tài chính.
 - Giám sát việc sử dụng, quản lý và bảo toàn vốn tại Công ty
 - Tham gia xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát trong năm.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
- **Bà Vũ Lan Phương – Thành viên BKS không chuyên trách**
 - Giám sát công tác triển khai dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất.
 - Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm.
 - Giám sát công tác liên quan đến chế độ, chính sách, tiền lương và thù lao của Công ty
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Trong năm 2023, BKS đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dựa trên kế hoạch hoạt động đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, tập trung chủ yếu vào các vấn đề sau:

- Việc chấp hành điều lệ Công ty, các Nghị Quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định của Công ty;
- Công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro của Công ty.
- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023; tình hình sử dụng và bảo toàn vốn; việc thực hiện biện pháp tiết kiệm/tiết giảm chi phí; công tác quản trị danh mục đầu tư; thẩm định các báo cáo tài chính.
- Kiểm tra, giám sát hoạt động của các công ty con, công ty liên kết và việc bảo toàn vốn đầu tư của Công ty Công tác đầu tư vốn của Công ty tại các công ty này.
- Phối hợp với các đoàn kiểm tra giám sát của Nhà nước và các bên liên quan trong công tác giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thông qua việc xem xét, đánh giá các báo cáo thường xuyên, định kỳ và đột xuất của các đơn vị, phòng ban về hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty; kiểm tra trực tiếp theo chuyên đề đối với các hoạt động của các đơn vị/phòng ban; phối hợp giám sát cùng các đoàn kiểm tra thanh tra, kiểm tra, của đơn vị cấp trên; tham gia các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác của Công ty, Qua đó, BKS đã có những trao đổi, đề xuất, kiến nghị đề HĐQT, TGD Công ty xem xét triển khai thực hiện nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan và tối đa lợi ích của Công ty. Các nội dung, ý kiến, kiến nghị của các thành viên trong BKS được gửi cho Ban điều hành Công ty thông qua các cuộc họp, trao đổi hàng ngày, báo cáo hàng quý và báo cáo thẩm định báo cáo tài chính để xem xét triển khai thực hiện.



Đánh giá: Các thành viên của BKS đã cơ bản thực hiện tốt vai trò chức trách của mình theo quy định và đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ đã phân công, cụ thể như sau:

1	Ông: Hoàng Đình Nhật	Trưởng Ban Kiểm soát	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
2	Ông: Hoàng Ngọc Xuân	Thành viên Ban Kiểm soát	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
3	Bà: Vũ Lan Phương	Thành viên Ban Kiểm soát (Kiêm nhiệm)	Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Tổng kết các cuộc họp và các kết luận, kiến nghị Ban kiểm soát trong năm 2023

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp để thống nhất trao đổi các nội dung liên quan đến phân công nhiệm vụ, công tác giám sát và một số điểm lưu ý trong hoạt động SXKD của Công ty, cụ thể nội dung chính như sau:

- Công tác kiểm tra giám sát phải được thực hiện có trọng tâm và dựa trên các hạng mục công việc quan trọng, các rủi ro trọng yếu và việc tuân thủ các quy định liên quan trong quá trình hoạt động của Công ty;

- Xem xét một số nội dung liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ do ĐHĐCĐ đã giao và cập nhật công tác kiểm tra giám sát và thực hiện kế hoạch giám sát năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua; Ban KS thực hiện giám sát, theo dõi, đôn đốc việc xây dựng hệ thống quản lý rủi ro; xây dựng chiến lược phát triển công ty đến 2030 và tầm nhìn 2045; hoàn thiện hệ thống ERP...

- Đôn đốc việc thực hiện công tác quyết toán cổ phần hóa; việc cập nhật một số nội dung trong quy chế kinh doanh sản phẩm để phù hợp với thực tế SXKD; tối ưu công tác quản trị dòng tiền, thu hồi công nợ...

- Tình hình thực hiện chuẩn hóa, cập nhật quy chế của Công ty để phù hợp với tình hình thực tế và các thay đổi của quy định pháp luật; Chuẩn bị báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch 2024 báo cáo cổ đông.

Một số kết luận và kiến nghị trong năm 2023:

Trên cơ sở chương trình thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên/chuyên đề và tham gia các cuộc họp của Công ty, Ban KS đã đưa ra các ý kiến, kiến nghị trực tiếp cũng như gián tiếp thông qua các cuộc họp, trao đổi, báo cáo giám sát với HĐQT/TGD, trong đó có một số điểm chính như sau:

- Trong năm 2023, tình hình thế giới tiếp tục là một năm biến động khó lường về kinh tế cũng như địa chính trị phức tạp dẫn đến giá dầu, mức chênh lệch giữa giá sản phẩm và giá dầu thô thay đổi khó dự báo, Công ty cần tiếp tục linh hoạt trong điều hành và đổi mới sáng tạo trong phương án kinh doanh để tiếp tục nâng cao hiệu quả cao nhất trong SXKD;

- HĐQT đã có Quyết định số 2563/QĐ-BSR ngày 04/04/2023 về việc tối ưu thời điểm thực hiện bảo dưỡng tổng thể lần 5 Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Ban TGD cần triển khai các giải pháp quản trị rủi ro đảm bảo an toàn vận hành nhà máy. Bên cạnh đó cần rà soát lại phương án triển khai TA5 phù hợp với tình hình cụ thể theo thực tế thời gian tối ưu và phạm vi công việc sau khi tối ưu. Hoàn thiện công tác mua sắm và lựa chọn nhà thầu thực hiện TA5 sớm để chủ động triển khai TA5 khi dừng theo kế hoạch hoặc dừng bất thường;



- Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án NCMR tại Quyết định số 482/QĐ-TTg ngày 05/05/2023 với dự kiến đưa dự án đi vào vận hành trong Quý I năm 2028, đây là mốc tiến độ rất thách thức trong khi các bước triển khai dự án phức tạp, vì vậy HĐQT/TGD cần có các phương án, giải pháp và bố trí nguồn lực phù hợp để triển khai đầy nhanh tiến độ.

- Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm 2.735 tỷ đồng là tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi đang bị tạm dừng giao dịch. Công ty cần tiếp tục làm việc với các cơ quan thẩm quyền để giải tỏa khoản để tăng khả năng thanh khoản cũng như phục vụ cho các dự án quan trọng của Công ty.

- Tiếp tục có các giải pháp quyết liệt để đẩy nhanh và triển khai các dự án đầu tư bao gồm cả dự án Nâng cấp mở rộng và các dự án khác nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như đảm bảo an ninh, an toàn Nhà máy.

- Hoàn thiện việc xây dựng hệ thống quản lý rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) để áp dụng trực tiếp vào thực tế quản lý điều hành; đẩy nhanh việc thực hiện xây dựng chiến lược phát triển công ty đến 2030 và tầm nhìn 2045 để làm định hướng cho việc triển khai các công việc liên quan.

- Chỉ đạo người đại diện tại BSR-BF khẩn trương hoàn thiện các thủ tục liên quan theo quy định để thực hiện tuyên bố phá sản đối với Công ty cổ phần nhiên liệu dầu sinh học dầu khí Miền Trung (BSR-BF).

- Ngoài ra còn một số khuyến nghị, trao đổi khác liên quan đến các hoạt động thường ngày và khuyến nghị thông qua các đợt kiểm tra chuyên đề, Ban KS đã trao đổi trực tiếp với HĐQT/TGD để xem xét chỉ đạo các bộ phận/phòng ban liên quan tiếp tục cải tiến hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro ... đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan và tối ưu hóa trong quá trình SXKD.

Đánh giá chung: Đối với các kiến nghị của Ban Kiểm soát, HĐQT/TGD đã tiếp thu và có các giải pháp để xử lý các kiến nghị đã nêu trong các báo cáo hàng tháng/quý và theo yêu cầu.

7. Thù lao, chi phí hoạt động, các lợi ích khác của BKS và của từng thành viên trong BKS

Các thành viên BKS làm việc tại Công ty, được sử dụng cơ sở vật chất, phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và thực hiện các chế độ công tác, đào tạo... theo các quy định hiện hành của Công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, chế độ công tác phí,... Chi phí hoạt động của BKS được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Công ty.

Chi tiết thù lao của Ban KS được tổng hợp và thể hiện trong Tờ trình thông qua báo cáo thực hiện tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của HĐQT và Ban kiểm soát, Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán và Báo cáo thường niên năm 2023.

Phần B: Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2024

Trên cơ sở tình hình hoạt động năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của Công ty, Ban kiểm soát kính trình kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát như sau:



BKS tiếp tục thực hiện công tác giám sát, kiểm tra định kỳ có trọng tâm và dựa trên rủi ro trọng yếu trong các hoạt động của Công ty. Phối hợp, trao đổi giữa BKS với HĐQT, Ban TGD và các phòng/ban liên quan đảm bảo việc tiếp nhận và xử lý thông tin giữa các bên hiệu quả nhất. Kế hoạch hoạt động trong năm 2024 chủ yếu tập trung vào các nội dung:

- Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ: Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, pháp luật Nhà nước...;
- Kiểm tra/giám sát, đánh giá: Tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024; Tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; Bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai kế hoạch SXKD hàng quý trong đó tập trung vào việc kiểm soát các điểm quan trọng như: quản lý chi phí, doanh thu, tài sản, lợi nhuận, tồn kho, công tác thoái vốn tại các đơn vị, công tác tái cấu trúc...
- Kiểm tra, đánh giá công tác xây dựng và vận hành các hệ thống quản lý như: đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả của Hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro và việc triển khai xây dựng kiểm toán nội bộ của Công ty.
- Tập trung kiểm tra, giám sát các lĩnh vực/hoạt động có nguy cơ tiềm ẩn rủi ro cao như: công tác đầu tư, công tác mua sắm, kinh doanh dầu thô, sản phẩm và các rủi ro cao thuộc rủi ro cấp công ty dựa trên kết quả đánh giá của hệ thống Quản lý rủi ro Công ty.
- Phối hợp với các đoàn kiểm tra giám sát của Nhà nước và các bên liên quan trong công tác giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo dõi giám sát việc thực hiện các khuyến nghị, lưu ý của các đoàn kiểm tra.
- Kiểm tra, xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT và công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan.
- Kiểm tra công tác thực hiện và tuân thủ các Quy chế, Điều lệ, Quy định của Công ty, trong đó tập trung vào các quy chế quan trọng như: quy chế quản lý nhân sự, quy chế quản lý tài chính, quy chế quản trị danh mục đầu tư...
- Thẩm định báo cáo tài chính sau kiểm toán 6 tháng và năm 2024.
- Đề xuất đại hội đồng cổ đông lựa chọn công ty kiểm toán độc lập.
- Thực hiện các công việc khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông giao.



Phụ lục 05 - Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2023 và phương án quỹ tiền lương, thù lao năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ về việc quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn,

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện tiền lương, thù lao năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn như sau:

I. Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 của HĐQT, BKS

Căn cứ kế hoạch tiền lương, thù lao và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023, Công ty đã thực hiện chi trả tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023 như sau:

STT	Chức danh	Kế hoạch		Thực hiện	
		Số người BQ	Số tiền (đồng)	Số người BQ	Số tiền (đồng)
I	Chuyên trách	7,38	10.857.900.000	7,38	12.486.500.000
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1,00	1.671.000.000	1,00	1.921.600.000
2	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1,00	1.650.100.000	1,00	1.897.600.000
3	Thành viên Hội đồng quản trị	3,38	4.946.800.000	3,38	5.688.800.000
4	Trưởng Ban kiểm soát	1,00	1.420.300.000	1,00	1.633.400.000
5	Thành viên Ban Kiểm soát	1,00	1.169.700.000	1,00	1.345.100.000
II	Không chuyên trách (*)	1,00	233.800.000	1,00	269.000.000
1	Thành viên Ban Kiểm soát	1,00	233.800.000	1,00	269.000.000
	Tổng cộng	8,38	11.091.700.000	8,38	12.755.500.000

(*) Ghi chú: Thực tế trong năm 2023, BSR có 01 Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách (bà Vũ Lan Phương).

II. Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2024 của HĐQT, BKS

Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2024 của HĐQT và BKS sẽ được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước (Thông tư số 28/2016/TTBLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.



Phụ lục số 06 - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Quyết định số 2710/QĐ-BSR ngày 17/04/2023 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (Công ty) xem xét thông qua Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 (bao gồm báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 đã được công bố thông tin theo quy định và đăng tải lên website của Công ty (www.bsr.com.vn) bao gồm:

- Báo cáo của kiểm toán độc lập.
- Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.
- Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.
- Thuyết minh Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2023 cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Ngoài ra, trên BCTC riêng và hợp nhất, Kiểm toán nêu ý kiến nhấn mạnh như sau:

Ý kiến nhấn mạnh trên BCTC riêng:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ý kiến nhấn mạnh trên BCTC hợp nhất:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 26 tháng 9 năm 2023, Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi đã ban hành Bản án sơ thẩm chấp thuận một phần yêu cầu khởi kiện của các ngân hàng và buộc Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (“BSR-BF” – công ty con của Công ty) tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho các ngân hàng. Ngày 22 tháng 02 năm 2024, BSR-BF cũng đã nộp đơn đến Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với BSR-BF. Tại ngày lập



báo cáo tài chính hợp nhất này, BSR-BF đang chờ quyết định thụ lý của tòa án về việc mở thủ tục phá sản.

Giải trình của Công ty về ý kiến nhấn mạnh:

- Về quyết toán cổ phần hóa: BSR đã hoàn thành công tác xử lý tài chính và quyết toán các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước với cơ quan thuế. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- Về Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung: Trong năm 2021, các ngân hàng cấp tín dụng cho BSR-BF bao gồm Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương, Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đã khởi kiện Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung lên Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi liên quan đến các khoản vay quá hạn thanh toán hợp đồng tín dụng xây dựng Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Dung Quất. Được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị BSR-BF, ngày 22 tháng 02 năm 2024, BSR-BF đã nộp đơn đến Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với BSR-BF. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, BSR-BF đang chờ quyết định thụ lý của tòa án về việc mở thủ tục phá sản.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn xem xét, thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán như trên.

Trân trọng.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2023.
- Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2023.

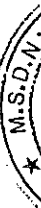
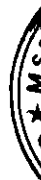


CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 44

VIỆT NAM
KIỂM
ĐẾ
VI
CÔNG

200
CÔ
CỔ
Đ
B
NH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch
Ông Bùi Ngọc Dương	Thành viên
Ông Hà Đồng	Thành viên
Ông Khương Lê Thành	Thành viên
Ông Hạng Anh Minh	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Bá Phước	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Hải Âu	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Ngọc Dương	Tổng Giám đốc
Ông Nghiêm Đức Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Tuấn Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thái Bảo	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2023)
Ông Trần Đoàn Thịnh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2023)
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 7 năm 2023)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

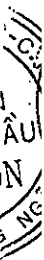
Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Ngọc Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2024



Số: 0516/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 26 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã ban hành Bản án sơ thẩm chấp thuận một phần yêu cầu khởi kiện của các ngân hàng và buộc Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (“BSR-BF” – công ty con của Công ty) tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho các ngân hàng. Ngày 22 tháng 02 năm 2024, BSR-BF cũng đã nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với BSR-BF. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, BSR-BF đang chờ quyết định thụ lý của tòa án về việc mở thủ tục phá sản.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Trần Xuân Ánh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 3 năm 2024
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1924-2023-001-1



107
D
107
107

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

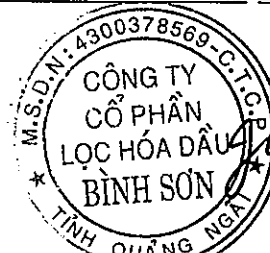
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		29.325.965.248.034	27.297.582.189.790
I. Nợ ngắn hạn	310		28.442.061.214.665	26.015.466.987.812
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	14.616.088.750.645	14.835.754.454.021
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	246.761.832.957	37.919.613.984
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.613.751.641.098	1.396.349.250.098
4. Phải trả người lao động	314		231.737.932.390	225.004.801.795
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	592.093.387.612	429.137.692.810
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		964.004.965	144.071.146
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	56.503.530.792	32.684.869.220
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	10.970.334.445.963	8.954.405.974.915
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		113.825.688.243	104.066.259.823
II. Nợ dài hạn	330		883.904.033.369	1.282.115.201.978
1. Phải trả dài hạn khác	337		66.000.000	100.000.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		10.288.601.446	10.288.601.446
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	20	873.549.431.923	1.271.726.600.532
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		57.268.695.746.376	51.190.346.872.060
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	57.268.695.746.376	51.190.346.872.060
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.004.996.160.000	31.004.996.160.000
1. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.047.967.778.589	5.598.760.740.080
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		106.709.914	106.709.914
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.340.184.316.581	14.651.541.651.825
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		7.691.912.833.228	(73.126.542.757)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		8.648.271.483.353	14.724.668.194.582
4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		(124.559.218.708)	(65.058.389.759)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		86.594.660.994.410	78.487.929.061.850




Lê Thị Hồng Trâm
Người lập biểu



Bạch Đức Long
Kế toán trưởng




Bùi Ngọc Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	147.423.365.943.576	167.126.456.807.653
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	-	2.744.021.629
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	147.423.365.943.576	167.123.712.786.024
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	137.663.837.918.959	151.027.307.397.420
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		9.759.528.024.617	16.096.405.388.604
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	2.652.368.561.043	1.750.275.299.515
7. Chi phí tài chính	22	28	1.154.774.797.936	923.195.487.108
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		287.654.759.616	252.789.589.546
8. Chi phí bán hàng	25	29	1.032.111.954.829	908.980.731.417
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	623.486.470.367	514.762.438.322
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		9.601.523.362.528	15.499.742.031.272
11. Thu nhập khác	31	30	40.237.225.748	87.017.979.405
12. Chi phí khác	32		2.425.566.035	951.863.559
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		37.811.659.713	86.066.115.846
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.639.335.022.241	15.585.808.147.118
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	1.036.943.196.170	890.394.134.163
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	32	9.812.854.060	26.077.223.876
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		8.592.578.972.011	14.669.336.789.079
Trong đó:				
17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		8.649.771.483.353	14.725.833.852.993
17.2. (Lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(57.192.511.342)	(56.497.063.914)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	2.789	4.641

Dram

Bach Đức Long



Lê Thị Hồng Trâm
Người lập biểu

Bạch Đức Long
Kế toán trưởng

Bùi Ngọc Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.639.335.022.241	15.585.808.147.118
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.270.282.119.116	2.192.063.673.295
Các khoản dự phòng	03	(18.013.539.001)	126.438.049.579
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(870.017.280.597)	(321.219.537.870)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.601.232.707.839)	(907.169.854.145)
Chi phí lãi vay	06	287.654.759.616	252.789.589.546
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.708.008.373.536	16.928.710.067.523
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	1.891.888.380.800	(2.943.376.644.415)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	1.299.332.535.413	(6.577.350.250.612)
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	585.397.290.797	882.945.737.345
Giảm chi phí trả trước	12	35.558.203.646	183.896.616.339
Tiền lãi vay đã trả	14	(233.996.226.319)	(199.126.404.950)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(886.536.010.557)	(917.746.993.486)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.023.000.000	728.860.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(727.342.206.159)	(270.921.657.661)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.673.333.341.157	7.087.759.330.083
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(229.573.163.895)	(219.560.369.638)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.468.818.182	95.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(29.789.400.000.000)	(7.826.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.840.000.000.000	9.843.402.830.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.303.447.256.983	897.428.499.937
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.874.057.088.730)	2.695.266.414.844

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CHỖ CHỮ KÝ
 CHỖ CHỮ ĐÓNG
 CHỖ CHỮ ĐÓNG



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	95.396.377.675.905	77.968.652.009.029
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(93.407.413.272.657)	(79.886.258.019.843)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.165.547.068.085)	(1.346.931.938.679)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(176.582.664.837)	(3.264.537.949.493)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(6.377.306.412.410)	6.518.487.795.434
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	22.853.096.476.348	16.345.674.140.133
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	524.831.182.798	(11.065.459.219)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	17.000.621.246.736	22.853.096.476.348

Lê Thị Hồng Trâm
Người lập biểu

Bạch Đức Long
Kế toán trưởng



Bùi Ngọc Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (là công ty con do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3404000189 ngày 05 tháng 6 năm 2008).

Công ty thực hiện chuyển đổi mô hình thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn. Công ty hoàn thành bán cổ phần lần đầu ra công chúng vào ngày 17 tháng 01 năm 2018 và chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn UPCOM với mã chứng khoán BSR. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 01 tháng 3 năm 2018.

Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 với vốn điều lệ là 31.004.996.160.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 01 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp và các giấy chứng nhận thay đổi.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.855 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: là 1.836).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong ngành lọc - hóa dầu;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát lắp đặt thiết bị công trình, hoàn thiện hệ thống đường ống dầu khí, kho chứa dầu khí;
- Đào tạo nguồn nhân lực, thuê và cung cấp chuyên gia về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu và cảng biển, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, vật tư máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Cung cấp các dịch vụ phân tích, dầu thô, sản phẩm dầu mỏ và các hoá chất, phụ gia, xúc tác, nhiên liệu sinh học liên quan đến lĩnh vực lọc - hóa dầu;
- Dịch vụ hải cảng, cảng biển liên quan đến ngành lọc - hóa dầu;
- Đầu tư và phát triển các dự án lọc - hóa dầu, nhiên liệu sinh học trong và ngoài nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính hợp nhất

Theo Quyết định số 7330/QĐ-BSR ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn tại Hà Nội với ngành nghề kinh doanh chính là bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

Chi nhánh chính thức hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2024 theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 4300378569-002 ngày 04 tháng 01 năm 2024.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 01 đơn vị hạch toán phụ thuộc là Ban quản lý Dự án Nâng cấp Mở rộng Nhà máy Lộc dầu Dung Quất có địa chỉ tại Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Thuận và Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, với chức năng chính là đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lộc dầu Dung Quất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 02 công ty con sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Quảng Ngãi	83,26%	83,26%	Sản xuất bao bì Quản lý nhà ở và kinh doanh dịch vụ khu dân cư, khu đô thị
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	65,54%	61,00%	Sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm nhiên liệu sinh học

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (“BSR-BF” – công ty con của Công ty đã tạm ghi tăng nguyên giá các tài sản cố định của dự án Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất (“Nhà máy”) trong năm 2014 và hiện nay, Nhà máy đang tạm dừng hoạt động sản xuất. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, BSR-BF đang trong quá trình thực hiện các thủ tục quyết toán chi phí đầu tư xây dựng. Giá trị quyết toán Nhà máy sẽ được điều chỉnh khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền.

Trong năm 2021, các ngân hàng tài trợ cấp tín dụng cho Công ty (bao gồm: Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương, Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam) đã khởi kiện BSR-BF lên Tòa án nhân dân Thành phố Quảng Ngãi (“Tòa án”) liên quan đến các khoản vay quá hạn thanh toán và biện pháp thu hồi nợ và lãi vay hợp đồng tín dụng xây dựng Nhà máy. Ngày 26 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã ban hành Bản án số 08/2023/KDTM-ST chấp thuận một phần yêu cầu khởi kiện của các ngân hàng và buộc BSR-BF có nghĩa vụ thanh toán cho các ngân hàng tính đến ngày 18 tháng 9 năm 2023 tổng cộng số tiền khoảng 58,7 triệu USD và khoảng 140,9 tỷ VND và tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận với ngân hàng kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2023 đến khi BSR-BF thanh toán xong các khoản nợ. Báo cáo tài chính của BSR-BF cho thấy

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng giá trị nợ gốc và lãi vay là khoảng 1.572,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: khoảng 1.472,5 tỷ VND), trong đó, nợ quá hạn thanh toán là khoảng 1.566,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng năm 2022: khoảng 1.466,9 tỷ VND); giá trị ghi sổ còn lại của toàn bộ tài sản cố định hữu hình dùng làm thế chấp cho các khoản vay trên là khoảng 1.074,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: khoảng 1.146,1 tỷ VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nợ ngắn hạn của BSR-BF vượt quá tài sản ngắn hạn là khoảng 1.532,3 tỷ VND, lỗ lũy kế của BSR-BF là khoảng 1.588 tỷ VND và nợ quá hạn thanh toán là khoảng 1.566,7 tỷ VND. BSR-BF đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chủ yếu bao gồm (1) số dư nợ phải trả chi phí lãi vay khoảng 439,6 tỷ VND, (2) số dư gốc vay khoảng 1.127,1 tỷ VND. Ngày 22 tháng 02 năm 2024, BSR-BF đã nộp đơn đến Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu mở thủ tục phá sản. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, BSR-BF đang chờ quyết định thụ lý của Tòa án về việc mở thủ tục phá sản.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con trong năm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Hoạt động kinh doanh bị lỗ	Hoạt động kinh doanh bị lỗ

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Quyết toán cổ phần hóa

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

0112
ÔNG
TNI
EM
LO
ET
ĐA

16/11
11/11



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung ("BSR-BF" – công ty con của Công ty) đã nộp đơn đến Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu mở thủ tục phá sản và đang chờ quyết định của Tòa án thụ lý việc này. Theo đó, cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính theo luật định, Ban Giám đốc của BSR-BF đã lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của BSR-BF theo cơ sở kế toán không đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Tuy nhiên, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục nên báo cáo tài chính của BSR-BF được sử dụng để hợp nhất đã được điều chỉnh lại theo cơ sở hoạt động liên tục.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

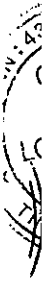
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên giá trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.



Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá thành sản xuất của từng loại sản phẩm xăng, dầu hàng tháng được xác định như sau: Chi phí nguyên vật liệu của từng sản phẩm được xác định theo mức tiêu hao nguyên vật liệu thực tế đối với từng sản phẩm; chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung được phân bổ theo chi phí nguyên vật liệu của từng sản phẩm.

Giá trị các sản phẩm dở dang tại thời điểm cuối tháng được xác định theo mức độ hoàn thành của các sản phẩm dở dang.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của các sản phẩm lọc hóa dầu và dầu thô tồn kho được Công ty xác định như sau:

- Thành phẩm lọc hóa dầu: Công ty xác định giá trị thuần có thể thực hiện được trên cơ sở giá bán ước tính trừ đi các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.
- Sản phẩm lọc hóa dầu dở dang: Công ty xác định giá trị thuần có thể thực hiện được trên cơ sở quy đổi về thành phẩm tương đương và giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.
- Dầu thô: Theo hướng dẫn tại Công văn số 2801/BTC-CDKT ngày 02 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hạch toán hàng tồn kho, dầu thô tồn kho của Công ty tại thời điểm trích lập dự phòng có giá gốc trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và giá bán sản phẩm được sản xuất từ dầu thô bị giảm giá thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với dầu thô trên cơ sở giá trị thuần có thể thực hiện được của dầu thô (giá bán ước tính của dầu thô).

M.S.D.

37
ĐNG
Ổ P
CH
INF
/QC



Theo Công văn số 18327/BTC-CDKT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hạch toán hàng tồn kho, cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty được tính giá trị hàng tồn kho cố định theo giá trị ghi sổ kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào nguyên giá tài sản cố định. Đồng thời, số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập đến năm 2016 sẽ được hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định. Về mức khấu hao và thời điểm trích khấu hao, Công ty trích khấu hao của dây chuyền nhà máy trên cơ sở giá trị đã bao gồm giá trị hàng tồn kho cố định trong đường ống được xác định như trên từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 theo thời gian sử dụng ước tính còn lại của tài sản cố định (nhóm máy móc và thiết bị ngành lọc hóa dầu).

Căn cứ vào khối lượng hàng tồn kho cố định là dầu thô, sản phẩm trung gian, thành phẩm tồn cố định trong đường ống, thiết bị và bể chứa của Công ty theo Chứng thư giám định khối lượng hàng tồn kho cố định số 17631001 ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam, Công ty đã xác định giá trị hàng tồn kho cố định được hạch toán tăng nguyên giá tài sản cố định theo giá trị ghi sổ kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền khoảng 1.007 tỷ VND và đã ghi giảm giá trị hàng tồn kho với số tiền tương ứng. Việc điều chỉnh giá trị và hạch toán hàng tồn kho như trên đã được Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH MTV Lộc hóa dầu Bình Sơn phê duyệt tại Quyết định số 905/QĐ-BSR ngày 17 tháng 3 năm 2017. Công ty kế thừa và tiếp tục theo dõi giá trị hàng tồn kho cố định nêu trên.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Bản quyền, bằng sáng chế	15
Phần mềm máy tính	3
Tài sản cố định vô hình khác	6

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

NGAI



Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay phải trả và một số chi phí trích trước khác chưa chi nhưng được ước tính và ghi nhận vào chi phí trong năm.

Chi phí lãi vay được ghi nhận trên cơ sở gốc vay và lãi suất vay.

Các khoản khác là các chi phí khác đã phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% từ thu thập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được hình thành từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo các nghị quyết phân phối lợi nhuận hàng năm được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ và thực hiện các dự án đầu tư phát triển phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

12
NG
NH
41
O
T
DA
L
TIA



Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có các khoản ưu đãi thuế như sau:

- Theo Quyết định 952/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26 tháng 7 năm 2012, Công ty mẹ được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 30 năm từ năm 2010 đến năm 2039; được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong thời gian 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ Dự án Nhà máy Lộc dầu Dung Quất. Năm 2023, Công ty đã hết thời gian được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF) được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm tính từ ngày dự án Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Năm 2023, BSR-BF đã hết thời gian được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

30/01/2024
CỔ Đ
C H
BÌNH
/01



- Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PVBuilding) được thừa kế và hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với dự án cho thời gian còn lại của dự án Nhà máy sản xuất bao bì Polypropylene. Dự án được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời hạn 15 năm kể từ ngày dự án đầu tư bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế năm 2011 và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Năm 2023 là năm thứ 9 (chín) PVBuilding được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam với một số ưu đãi cho Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đầu tư số 13/ƯĐĐT ngày 15 tháng 02 năm 2006 của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, cụ thể: được miễn nộp tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án; được miễn nộp tiền sử dụng đất; được miễn nộp thuế sử dụng đất trong suốt thời gian thực hiện dự án; được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện và bán thành phẩm mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất không đạt tiêu chuẩn chất lượng trong 05 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất; được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu chất lượng.

Theo Công văn số 520/CT-TTHT của Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi ngày 05 tháng 3 năm 2018, Công ty TNHH MTV Lộc hóa dầu Bình Sơn (nay là Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn) đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn (khu Kinh tế Dung Quất) thì thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi (bao gồm cả khoản chênh lệch lãi tiền gửi ngân hàng lớn hơn lãi tiền vay, thu nhập từ cung cấp dịch vụ tại cảng biển, và các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi).

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

78.
G T
H A
A I
S C
N G



4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	907.310.211	831.979.979
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	672.911.559.566	253.262.119.410
Các khoản tương đương tiền (*)	16.326.802.376.959	22.599.002.376.959
	17.000.621.246.736	22.853.096.476.348

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có khoản tiền gửi kỳ hạn 03 tháng với số tiền là 2.734.629.695.509 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.734.629.695.509 VND) tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương – Chi nhánh Quảng Ngãi (“Oceanbank”). Thực hiện chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”), Oceanbank đang tạm dừng chi trả tiền cho khách hàng là tổ chức đang gửi tiền tại Oceanbank. Ngày 14 tháng 12 năm 2022, Công ty đã gửi Công văn số 7063/BSR-TCKT đến NHNN và Oceanbank về việc giải tỏa khoản tiền gửi nêu trên. Ngày 27 tháng 12 năm 2022, Oceanbank có Công văn số 5003/2022/CV-OCEANBANK.01.01 phúc đáp Công văn số 7063/BSR-TCKT của Công ty, theo đó, Oceanbank sẽ thực hiện chi trả khi có chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Ngày 12 tháng 12 năm 2023, Công ty tiếp tục gửi Công văn số 7669/BSR-TCKT đến NHNN và Oceanbank về việc giải tỏa khoản tiền gửi nêu trên, tuy nhiên, Oceanbank vẫn chưa phản hồi Công văn trên. Do Oceanbank là đơn vị được NHNN sở hữu 100% vốn nên Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng khoản tiền gửi trên sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của NHNN.

))

M.S.A

NGP



5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	21.121.666.010.000	21.121.666.010.000	2.172.266.010.000	2.172.266.010.000
	21.121.666.010.000	21.121.666.010.000	2.172.266.010.000	2.172.266.010.000

Đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi của Công ty tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm 2.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.000.000.000 VND) là tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi ("Oceanbank"). Thực hiện chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN"), Oceanbank đang tạm dừng chi trả tiền cho khách hàng là tổ chức đang gửi tiền tại Oceanbank. Như trình bày tại Thuyết minh số 4, Công ty đã có các công văn gửi Oceanbank và đánh giá rằng khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của NHNN.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Tỷ lệ góp vốn	Giá gốc	Tỷ lệ góp vốn
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	7.000.000.000	8,52%	-	8,75%
Công ty TNHH Kho ngậm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	4.244.000.000	5,03%	(1.492.777.634)	5,03%
	11.244.000.000		(1.492.777.634)	

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các công ty nhận đầu tư của Công ty đều là các công ty chưa niêm yết và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty này.



6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	5.414.100.168.895	4.499.349.732.716
Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	594.293.949.892	693.062.241.996
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội	538.464.576.455	440.452.914.745
Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	423.154.934.245	635.261.008.679
Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	400.719.751.518	302.193.361.989
Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	265.105.762.035	450.784.915.653
Cục Xăng dầu - Tổng cục Hậu cần	255.697.104.970	261.404.266.502
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Hòa Khánh	169.498.481.174	250.827.499.325
Công ty Cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	160.417.129.679	163.302.675.333
Công ty TNHH Vận tải thủy bộ Hải Hà	-	1.048.186.574.589
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng	-	193.684.627.856
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	-	167.219.805.803
Các khách hàng khác	1.085.023.590.992	1.710.067.008.651
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	4.679.693.458.726	5.282.015.738.424
	13.986.168.908.581	16.097.812.372.261

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	539.957.065.465	350.150.147.510
a1. Trả trước cho người bán ngắn hạn ngoài bên liên quan	272.846.488.197	246.093.247.180
EXTAP A Division of ExxonMobil Asia Pacific Pte Ltd.	50.912.987.426	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Năng lượng	49.675.476.132	8.662.133.689
Công ty TNHH Boilermaster Việt Nam	19.463.971.486	3.351.714.000
Remosa SRL	10.749.879.563	6.866.018.897
SOCAR Trading Singapore Pte Ltd	-	104.110.692.473
Honeywell International Sdn Bhd	671.302.953	34.374.861.787
Các đối tượng khác	141.372.870.637	88.727.826.334
a2. Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	267.110.577.268	104.056.900.330
	267.110.577.268	104.056.900.330
b. Trả trước cho người bán dài hạn	548.106.960.657	533.509.547.749
Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất (*)	548.106.960.657	533.509.547.749
	1.088.064.026.122	883.659.695.259

(*) Phản ánh khoản tiền Công ty ứng trước cho Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất để thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng cho Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy Lộc dầu Dung Quất.

011
 ĐƠN
 TÍN
 ẨM
 LO
 ỆT
 ĐA
 300378
 CÔNG
 CỔ P
 ỘC H
 BÌNH
 TỈNH Q



8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn khác	431.901.998.970	105.438.184.824
a1. Phải thu ngắn hạn khác ngoài bên liên quan	406.390.422.355	102.400.612.841
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	393.319.928.932	94.936.028.826
Phải thu về cổ phần hóa	5.831.672.688	5.701.672.688
Tạm ứng cho nhân viên	3.058.840.906	422.297.449
Phải thu khác	4.179.979.829	1.340.613.878
a2. Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	25.511.576.615	3.037.571.983
	25.511.576.615	3.037.571.983
b. Phải thu dài hạn khác	526.000.000	526.000.000
Ký cược, ký quỹ	526.000.000	526.000.000
	432.427.998.970	105.964.184.824

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	6.002.961.899.100	-	7.548.846.630.556	(2.612.985.350)
Nguyên liệu, vật liệu	4.882.087.403.721	(4.565.273.109)	3.931.925.426.124	(24.853.260.527)
Công cụ, dụng cụ	2.203.656.114.285	(15.247.782.807)	1.767.219.787.499	(14.928.380.588)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.191.303.209.647	(26.160.906.250)	1.522.384.532.641	(35.832.422.276)
Thành phẩm	1.374.594.442.190	(77.762.151.801)	2.181.174.035.827	(66.679.159.927)
Hàng hoá	-	-	2.385.191.709	-
	15.654.603.068.943	(123.736.113.967)	16.953.935.604.356	(144.906.208.668)

Trong năm 2023, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 21.170.094.701 VND (năm 2022: trích lập 126.563.725.184 VND) đối với hàng tồn kho bị giảm giá, chậm luân chuyển, kém phẩm chất và có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc của các hàng tồn-kho này.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	66.459.619.637	78.264.384.464
Bảo hiểm con người, bảo hiểm rủi ro tài sản	49.146.092.449	49.983.334.084
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	17.313.527.188	28.281.050.380
b. Dài hạn	79.385.540.579	103.138.979.398
Chi phí hóa chất xuất dùng	64.864.183.491	89.221.618.650
Chi phí sửa chữa tài sản	1.866.904.021	2.282.458.625
Chi phí trả trước dài hạn khác	12.654.453.067	11.634.902.123
	145.845.160.216	181.403.363.862

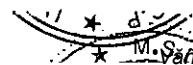
CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	6.949.725.749.197	39.424.812.063.157	201.148.026.137	568.572.301.835	406.645.128.413	47.550.903.268.739
Mua trong năm	-	85.552.678.153	14.918.332.118	16.094.158.932	186.000.000	116.751.169.203
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.553.100.378	15.456.500.000	-	-	-	18.009.600.378
Phân loại lại	-	(2.654.000.000)	2.654.000.000	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(7.787.183.636)	-	-	(7.787.183.636)
Số dư cuối năm	6.952.278.849.575	39.523.167.241.310	210.933.174.619	584.666.460.767	406.831.128.413	47.677.876.854.684
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	3.535.440.574.252	25.348.841.431.728	149.017.026.858	486.925.490.097	145.518.895.303	29.665.743.418.238
Khấu hao trong năm	217.987.671.389	1.911.933.662.612	11.743.253.029	34.858.673.152	16.265.319.794	2.192.788.579.976
Tăng khác	-	-	-	66.260.316	-	66.260.316
Phân loại lại	-	(2.495.100.000)	2.495.100.000	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(7.627.763.945)	-	-	(7.627.763.945)
Số dư cuối năm	3.753.428.245.641	27.258.279.994.340	155.627.615.942	521.850.423.565	161.784.215.097	31.850.970.494.585
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	3.414.285.174.945	14.075.970.631.429	52.130.999.279	81.646.811.738	261.126.233.110	17.885.159.850.501
Tại ngày cuối năm	3.198.850.603.934	12.264.887.246.970	55.305.558.677	62.816.037.202	245.046.913.316	15.826.906.360.099

Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (Công ty con) đã thế chấp toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và các tài sản cố định hữu hình khác hình thành từ Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiên liệu sinh học Bio-Ethanol Dung Quất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là khoảng 1.074,6 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: khoảng 1.146,1 tỷ VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng (Thuyết minh số 19).

Nguyên giá của các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là khoảng 4.302 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: khoảng 4.162,8 tỷ VND).



12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	438.606.719.617	370.977.979.000	32.703.172.505	842.287.871.122
Mua trong năm	-	30.872.291.001	-	30.872.291.001
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	101.418.075.011	-	101.418.075.011
Số dư cuối năm	438.606.719.617	503.268.345.012	32.703.172.505	974.578.237.134
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	323.916.411.295	299.064.478.644	29.116.758.456	652.097.648.395
Khấu hao trong năm	15.481.495.021	61.532.541.874	479.502.245	77.493.539.140
Tăng khác	-	479.386.289	-	479.386.289
Số dư cuối năm	339.397.906.316	361.076.406.807	29.596.260.701	730.070.573.824
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	114.690.308.322	71.913.500.356	3.586.414.049	190.190.222.727
Tại ngày cuối năm	99.208.813.301	142.191.938.205	3.106.911.804	244.507.663.310

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 426,2 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 349,6 tỷ VND).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy Lộc dầu Dung Quất (*)	1.150.516.054.349	1.125.719.428.132
Dự án triển khai hệ thống ERP - Giai đoạn I	-	101.418.075.011
Các công trình khác	44.691.095.776	47.414.490.414
	1.195.207.150.125	1.274.551.993.557

(*) Theo Quyết định số 482/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất của Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn, Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất hiện hữu ("Dự án") được điều chỉnh để nâng công suất chế biến của nhà máy từ 148.000 thùng/ngày lên 171.000 thùng/ngày; sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn Euro V; đáp ứng tiêu chuẩn môi trường theo lộ trình bắt buộc áp dụng của Chính phủ; nâng cao độ linh động lựa chọn dầu thô, đảm bảo nguồn dầu thô cung cấp lâu dài và có hiệu quả cho Nhà máy; nâng cao hiệu quả đầu tư Nhà máy Lọc dầu Dung Quất; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội của cả nước, đặc biệt khu vực Trung Bộ.

Tổng vốn đầu tư điều chỉnh thành 31.255 tỷ VND, tương đương 1,257 tỷ USD, theo cơ cấu vốn chủ sở hữu/vốn vay là 40/60 (cơ cấu này được xem xét điều chỉnh cho phù hợp với thực tế khả năng cân đối nguồn và đem lại hiệu quả cao hơn). Dự án được đưa vào vận hành dự kiến trong năm 2028. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đã trình báo cáo nghiên cứu khả thi và các cơ quan có thẩm quyền đang trong quá trình thẩm định báo cáo này.



14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Novel Energy Trading Pte Ltd.	2.029.287.334.325	2.029.287.334.325	-	-
Công ty Liên doanh điều hành Cửu Long	1.214.427.432.270	1.214.427.432.270	1.883.840.970.478	1.883.840.970.478
Công ty Điều hành chung Hoàng Long	1.050.987.900.855	1.050.987.900.855	507.041.790.209	507.041.790.209
Công ty TNHH Dầu khí Việt Nhật	844.776.948.044	844.776.948.044	-	-
BCP Trading Pte. Ltd.	602.312.809.408	602.312.809.408	-	-
SOCAR Trading Singapore Pte. Ltd.	-	-	4.614.980.523.717	4.614.980.523.717
Gunvor Singapore Pte. Ltd.	-	-	2.146.259.652.741	2.146.259.652.741
Vietsea Company Pte. Ltd.	-	-	830.026.300.223	830.026.300.223
Các đối tượng khác	1.282.490.486.542	1.282.490.486.542	651.832.497.715	651.832.497.715
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
(Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	7.591.805.839.201	7.591.805.839.201	4.201.772.718.938	4.201.772.718.938
	14.616.088.750.645	14.616.088.750.645	14.835.754.454.021	14.835.754.454.021

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu tư Phát triển Trường An	171.048.855.259		-	
Công ty Cổ phần Anh Phát Petro	33.251.657.619		-	
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Hoà Khánh	15.272.029.167		19.346.007.708	
Tổng công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP	14.087.418.501		-	
Công ty cổ phần Tập đoàn Dương Đông	6.822.110.776		4.710.428.122	
Công ty TNHH Vận tải thủy bộ Hải Hà	-		7.458.546.106	
Các khách hàng khác	6.279.761.635		6.404.632.048	
	246.761.832.957		37.919.613.984	



16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.153.596.211	-	-	3.153.596.211
Thuế thu nhập cá nhân	278.829.044	50.946.603	-	227.882.441
Thuế nhà thầu	2.076.535.352	16.183.259.228	16.391.403.477	2.284.679.601
- Thuế GTGT nộp thay nhà thầu	2.076.535.352	16.183.259.228	16.183.259.228	2.076.535.352
- Thuế TNDN nộp thay nhà thầu	-	-	208.144.249	208.144.249
Tiền thuê đất	136.685.414	847.240.053	1.243.470.619	532.915.980
	5.645.646.021	17.081.445.884	17.634.874.096	6.199.074.233
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	619.059.931.275	9.690.780.999.704	9.684.238.244.950	625.602.686.029
- Thuế GTGT đầu ra	619.059.931.262	5.641.804.513.240	5.635.261.758.486	625.602.686.016
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	13	4.048.976.486.464	4.048.976.486.464	13
Thuế xuất, nhập khẩu	-	54.915.650.931	54.915.650.931	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	586.085.496.439	6.284.957.207.902	6.220.845.829.544	650.196.874.797
Thuế thu nhập doanh nghiệp	138.997.620.343	1.049.745.846.170	886.536.010.557	302.207.455.956
Thuế thu nhập cá nhân	12.718.068.729	114.146.367.289	117.312.748.270	9.551.687.748
Thuế nhà thầu	42.621.012	10.600.750.420	10.643.371.432	-
- Thuế TNDN nộp thay nhà thầu	42.621.012	10.600.750.420	10.643.371.432	-
Tiền thuê đất	-	572.567.430	32.195.862	540.371.568
Thuế bảo vệ môi trường	39.445.512.300	195.442.663.880	209.235.611.180	25.652.565.000
Các loại thuế khác	-	1.665.171.649	1.665.171.649	-
	1.396.349.250.098	17.402.827.225.375	17.185.424.834.375	1.613.751.641.098

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay phải trả	450.398.215.529	387.064.322.774
Phải trả chi phí nhãn hiệu	97.424.413.726	-
Phải trả chi phí, vật tư vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định	22.767.520.097	2.938.896.648
Phải trả chi phí vận chuyển	2.693.862.440	5.403.024.216
Phải trả về mua dầu thô	-	32.036.227.432
Phải trả khác	18.809.375.820	1.695.221.740
	592.093.387.612	429.137.692.810

KIỂM ĐỀ VI NG
 10/03/2024



18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14.867.494.879	12.879.181.499
Phải trả tiền bán cổ phần (i)	9.211.487.795	9.211.577.795
Cổ tức phải trả cho chủ sở hữu (ii)	7.995.956.115	-
Phải trả ngắn hạn khác	24.428.592.003	10.594.109.926
	<u>56.503.530.792</u>	<u>32.684.869.220</u>

Trong đó:

Phải trả khác cho các bên liên quan
(chi tiết tại Thuyết minh số 35)

	2.425.396.642	2.249.496.642
--	---------------	---------------

- (i) Phải trả tiền bán cổ phần phản ánh số tiền Công ty giữ lại tương ứng dự toán chi phí cổ phần hóa từ tiền thu được khi thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng và khoản lãi tiền gửi ngân hàng từ ngày 02 tháng 02 năm 2018 đến ngày 09 tháng 02 năm 2018 (lãi tiền gửi trước khi tất toán tài khoản phong tỏa). Khoản phải trả về cổ phần hóa này sẽ được quyết toán và có thể được điều chỉnh khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.
- (ii) Phản ánh khoản cổ tức phải trả cho cổ đông không lưu ký theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 2676/NQ-BSR ngày 13 tháng 4 năm 2023.

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)	6.882.000.000.000	6.882.000.000.000	95.396.377.675.905	92.435.212.992.657	9.843.164.683.248	9.843.164.683.248
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	-	-	24.215.593.651.273	19.200.593.651.273	5.015.000.000.000	5.015.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	31.418.784.024.632	31.698.619.341.384	1.720.164.683.248	1.720.164.683.248
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hà Nội	2.910.000.000.000	2.910.000.000.000	29.800.000.000.000	31.310.000.000.000	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Hà Nội	-	-	1.492.000.000.000	697.000.000.000	795.000.000.000	795.000.000.000
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Hà Nội	700.000.000.000	700.000.000.000	6.640.000.000.000	6.670.000.000.000	670.000.000.000	670.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	1.250.000.000.000	1.250.000.000.000	243.000.000.000	1.250.000.000.000	243.000.000.000	243.000.000.000
Ngân hàng CitiBank - Chi nhánh Hà Nội	-	-	1.570.000.000.000	1.570.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	22.000.000.000	22.000.000.000	17.000.000.000	39.000.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.072.405.974.915	974.698.760.000	29.462.547.800	974.698.760.000	1.127.169.762.715	-
Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (ii)	974.698.760.000	974.698.760.000	-	974.698.760.000	-	-
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (iii)	1.097.707.214.915	(*)	29.462.547.800	-	1.127.169.762.715	(*)
	8.954.405.974.915	7.856.698.760.000	95.425.840.223.705	93.409.911.752.657	10.970.334.445.963	9.843.164.683.248

- (i) Các khoản vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ các ngân hàng thương mại dưới hình thức tín dụng thư. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam theo từng hạn mức tín dụng ký kết với các ngân hàng. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất cố định quy định theo từng lần nhận nợ. Trong năm 2023, các khoản vay ngắn hạn của Công ty chịu lãi suất vay từ 2,4%/năm đến 5,9%/năm. Các khoản vay này dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty.
- (ii) Trong năm, Công ty đã tất toán hết khoản vay tín chấp bằng Đô la Mỹ (USD) tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi. Khoản vay này chịu lãi suất 3,6%/năm, dùng để đầu tư xây dựng Nhà máy Lộc dầu Dung Quất.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(iii) Chi tiết các khoản vay dài hạn đến hạn trả tại Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung theo ngân hàng như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Nợ dài hạn đến hạn trả	Giá trị	Nợ dài hạn đến hạn trả
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	543.688.607.403	543.688.607.403	528.561.058.941	528.561.058.941
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi	359.565.587.434	359.565.587.434	350.510.930.101	350.510.930.101
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất	223.915.567.878	223.915.567.878	218.635.225.873	218.635.225.873
	1.127.169.762.715	1.127.169.762.715	1.097.707.214.915	1.097.707.214.915

Các khoản vay dài hạn này được dùng để đầu tư dự án Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất. Lãi suất trong năm là từ 9,72%/năm đến 14,58%/năm (bao gồm cả lãi quá hạn) đối với đồng Việt Nam và từ 3,2%/năm đến 4,8%/năm đối với Đô la Mỹ.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư gốc vay đã quá hạn, chưa được thanh toán là 68.277.000.000 VND và 43.973.952 USD, tổng cộng tương đương khoảng 1.127,1 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 68.277.000.000 VND và 43.973.952 USD, tổng cộng tương đương khoảng 1.097,7 tỷ VND).



Các khoản vay dài hạn được phân loại theo đồng tiền vay, hình thức bảo đảm, và lãi suất vay như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Vay bằng USD	1.127.169.762.715	2.004.128.974.915
Vay bằng VND	-	68.277.000.000
	<u>1.127.169.762.715</u>	<u>2.072.405.974.915</u>
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Vay có đảm bảo bằng tài sản (Thuyết minh số 11)	1.127.169.762.715	1.097.707.214.915
Vay tín chấp	-	974.698.760.000
	<u>1.127.169.762.715</u>	<u>2.072.405.974.915</u>
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Vay theo lãi suất thả nổi	1.127.169.762.715	1.097.707.214.915
Vay theo lãi suất cố định	-	974.698.760.000
	<u>1.127.169.762.715</u>	<u>2.072.405.974.915</u>

20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.271.726.600.532	1.338.485.323.433
Giảm trong năm	(398.177.168.609)	(66.758.722.901)
- Sử dụng quỹ	(35.877.168.609)	(66.758.722.901)
- Điều chỉnh quỹ (*)	(362.300.000.000)	-
Số dư cuối năm	<u>873.549.431.923</u>	<u>1.271.726.600.532</u>

(*) Trong năm, Công ty thực hiện điều chỉnh Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã được trích trong giai đoạn trước cổ phần hóa với số tiền là 362.300.000.000 VND theo Kết luận của Thanh tra Chính phủ số 1538/KL-TTCP ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Công Thương và đã nộp số tiền này về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

TÀI KHOẢN



21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	31.004.996.160.000	2.440.434.975	106.709.914	6.562.173.821.168	(5.912.133.946)	37.563.804.992.111
Lợi nhuận/(Lỗ) trong năm	-	-	-	14.725.833.852.993	(56.497.063.914)	14.669.336.789.079
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2021	-	-	-	(108.830.174.021)	(399.879.371)	(109.230.053.392)
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2022	-	-	-	(1.165.658.410)	(234.341.528)	(1.399.999.938)
Trích Quỹ Đầu tư Phát triển	-	5.596.320.305.105	-	(5.596.320.305.105)	-	-
Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	(930.149.884.800)	(2.014.971.000)	(932.164.855.800)
Số dư đầu năm nay	31.004.996.160.000	5.598.760.740.080	106.709.914	14.651.541.651.825	(65.058.389.759)	51.190.346.872.060
Lợi nhuận/(Lỗ) trong năm	-	-	-	8.649.771.483.353	(57.192.511.342)	8.592.578.972.011
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban Điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 (*)	-	-	-	(336.194.361.790)	(529.144.333)	(336.723.506.123)
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023	-	-	-	(1.248.919.726)	(251.080.274)	(1.500.000.000)
Trích Quỹ Đầu tư Phát triển (*)	-	4.450.872.238.509	-	(4.450.872.238.509)	-	-
Chia cổ tức năm 2022 (*)	-	-	-	(2.170.349.731.200)	(1.528.093.000)	(2.171.877.824.200)
Khác	-	(1.665.200.000)	-	(2.463.567.372)	-	(4.128.767.372)
Số dư cuối năm nay	31.004.996.160.000	10.047.967.778.589	106.709.914	16.340.184.316.581	(124.559.218.708)	57.268.695.746.376

(*) Phân phối lợi nhuận trong năm 2023 bao gồm:

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 2676/NQ-BSR ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 330.828.300.000 VND; trích Quỹ thưởng ban điều hành: 2.734.000.000 VND; trích Quỹ Đầu tư phát triển: 4.450.872.238.509 VND và chia cổ tức bằng tiền tương ứng 7% vốn điều lệ với số tiền là 2.170.349.731.200 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022.
- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-PVBLD ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí ("PVBuilding"), PVBuilding thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 4.239.165.970 VND (PVBuilding đã tạm trích trong năm 2022 số tiền 1.400.000.000 VND nên trích bổ sung trong năm này là 2.839.165.970 VND), trích Quỹ thưởng Cán bộ quản lý: 322.040.153 VND, chia cổ tức bằng tiền: 9.129.109.964 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 12 tháng 9 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 31.004.996.160.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	28.563.802.470.000	92,13%	28.563.802.470.000	92,13%
Các cổ đông khác	2.441.193.690.000	7,87%	2.441.193.690.000	7,87%
	31.004.996.160.000	100%	31.004.996.160.000	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.100.499.616	3.100.499.616
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.100.499.616	3.100.499.616
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.100.499.616	3.100.499.616
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.100.499.616	3.100.499.616
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	5.054.962,33	1.642.565,01
Euro (EUR)	1,56	1,56
Nợ khó đòi đã xử lý		
Xóa nợ phải thu khó đòi (VND)	504.814.246	504.814.246



23. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận được lập cho mục đích quản trị doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty có 02 công ty con. Hoạt động của Công ty mẹ và các công ty con là cơ sở để hình thành nên báo cáo bộ phận của Công ty do lĩnh vực kinh doanh tương đối khác nhau:

- Công ty mẹ: thực hiện hoạt động lọc hóa dầu và kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu;
- Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building): quản lý nhà ở, kinh doanh dịch vụ khu dân cư, khu đô thị và các hoạt động thương mại;
- Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF): thực hiện sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhiên liệu sinh học.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chỉ tiêu	Sản phẩm	Nhiên liệu	Sản xuất bao bì và	Loại trừ nội bộ	Tổng
	lọc hóa dầu	sinh học	thương mại dịch vụ		
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	85.421.319.129.328	1.130.041.137.450	294.689.132.722	(251.388.405.090)	86.594.660.994.410
Tổng Tài sản hợp nhất	85.421.319.129.328	1.130.041.137.450	294.689.132.722	(251.388.405.090)	86.594.660.994.410
Nguồn vốn					
Nợ phải trả bộ phận	27.732.559.430.766	1.585.713.378.912	102.899.396.635	(95.206.958.279)	29.325.965.248.034
Vốn chủ sở hữu bộ phận	57.688.759.698.562	(455.672.241.462)	191.789.736.087	(156.181.446.811)	57.268.695.746.376
Tổng Nguồn vốn hợp nhất	85.421.319.129.328	1.130.041.137.450	294.689.132.722	(251.388.405.090)	86.594.660.994.410

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chỉ tiêu	Sản phẩm	Nhiên liệu	Sản xuất bao bì và	Loại trừ nội bộ	Tổng
	lọc hóa dầu	sinh học	thương mại dịch vụ		
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	77.226.459.874.251	1.202.069.108.072	300.402.597.274	(241.002.517.747)	78.487.929.061.850
Tổng Tài sản hợp nhất	77.226.459.874.251	1.202.069.108.072	300.402.597.274	(241.002.517.747)	78.487.929.061.850
Nguồn vốn					
Nợ phải trả bộ phận	25.788.902.614.117	1.483.670.428.488	109.830.218.121	(84.821.070.936)	27.297.582.189.790
Vốn chủ sở hữu bộ phận	51.437.557.260.134	(281.601.320.416)	190.572.379.153	(156.181.446.811)	51.190.346.872.060
Tổng Nguồn vốn hợp nhất	77.226.459.874.251	1.202.069.108.072	300.402.597.274	(241.002.517.747)	78.487.929.061.850



CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chỉ tiêu	Sản phẩm	Nhiên liệu	Sản xuất bao bì và	Loại trừ nội bộ	Tổng
	lọc hóa dầu	sinh học	thương mại dịch vụ		
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	147.381.684.099.848	3.528.942.281	727.301.689.547	(689.148.788.100)	147.423.365.943.576
Chi phí sản xuất kinh doanh	139.216.861.744.533	75.934.325.498	715.392.681.943	(688.752.407.819)	139.319.436.344.155
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	137.565.521.429.176	73.578.136.886	688.821.117.741	(664.082.764.844)	137.663.837.918.959
- Chi phí bán hàng	1.027.620.437.609	-	4.491.517.220	-	1.032.111.954.829
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	623.719.877.748	2.356.188.612	22.080.046.982	(24.669.642.975)	623.486.470.367
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.164.822.355.315	(72.405.383.217)	11.909.007.604	(396.380.281)	8.103.929.599.421
Doanh thu hoạt động tài chính					2.652.368.561.043
Chi phí tài chính					1.154.774.797.936
Lợi nhuận khác					37.811.659.713
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp					9.639.335.022.241
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					1.036.943.196.170
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					9.812.854.060
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					8.592.578.972.011

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chỉ tiêu	Sản phẩm	Nhiên liệu	Sản xuất bao bì và	Loại trừ nội bộ	Tổng
	lọc hóa dầu	sinh học	thương mại dịch vụ		
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	167.054.762.206.990	6.256.712.127	819.324.211.238	(756.630.344.331)	167.123.712.786.024
Chi phí sản xuất kinh doanh	152.321.189.388.915	78.135.065.487	808.725.823.800	(756.999.711.043)	152.451.050.567.159
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	150.890.770.221.298	76.308.271.769	786.290.808.977	(726.061.904.624)	151.027.307.397.420
- Chi phí bán hàng	914.030.757.052	-	4.266.354.163	(9.316.379.798)	908.980.731.417
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	516.388.410.565	1.826.793.718	18.168.660.660	(21.621.426.621)	514.762.438.322
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	14.733.572.818.075	(71.878.353.360)	10.598.387.438	369.366.712	14.672.662.218.865
Doanh thu hoạt động tài chính					1.750.275.299.515
Chi phí tài chính					923.195.487.108
Lợi nhuận khác					86.066.115.846
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp					15.585.808.147.118
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					890.394.134.163
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					26.077.223.876
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					14.669.336.789.079



Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con đều được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam, do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu Diesel DO	57.735.683.572.524	66.717.251.601.041
Doanh thu Xăng Mogas 95	42.238.606.440.458	47.523.202.071.794
Doanh thu Xăng Mogas 92	19.899.692.819.647	24.088.284.208.856
Doanh thu Jet A1	10.572.138.762.814	10.854.804.732.706
Doanh thu LPG	7.450.804.640.137	9.292.539.523.199
Doanh thu Polypropylene	4.039.833.267.602	4.360.464.540.763
Doanh thu Dầu nhiên liệu FO	1.893.059.210.866	2.419.150.646.293
Doanh thu Diesel DO L-62	907.295.061.260	268.932.939.600
Doanh thu Jet A-1K	904.665.488.438	348.599.031.343
Doanh thu Xăng sinh học E5	557.255.498.561	670.356.909.418
Doanh thu Dầu hỏa (KO)	476.777.416.988	168.854.272.226
Doanh thu Xăng Mogas 83	265.468.420.173	218.559.681.175
Doanh thu RFCC Naphtha	257.044.184.144	-
Doanh thu dịch vụ cảng biển	144.611.011.133	135.457.079.915
Doanh thu khác	80.430.148.831	59.999.569.324
	147.423.365.943.576	167.126.456.807.653
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	-	2.744.021.629
	-	2.744.021.629
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	147.423.365.943.576	167.123.712.786.024
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 35)	33.766.632.623.221	35.646.059.613.691

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán Diesel DO	50.865.267.262.375	57.327.901.938.071
Giá vốn hàng bán Xăng Mogas 95	40.623.200.028.808	44.279.416.713.576
Giá vốn hàng bán Xăng Mogas 92	19.421.790.838.487	22.482.588.147.171
Giá vốn hàng bán Jet A1	8.596.973.043.840	9.281.053.753.077
Giá vốn hàng bán LPG	7.980.490.963.947	8.641.681.830.038
Giá vốn hàng bán Polypropylene	5.258.837.202.589	5.397.450.290.916
Giá vốn hàng bán Dầu nhiên liệu FO	1.703.889.304.362	1.754.524.284.027
Giá vốn hàng bán Diesel DO L-62	754.622.493.593	243.092.814.909
Giá vốn hàng bán Jet A-1K	726.631.871.122	308.594.631.802
Giá vốn hàng bán Xăng sinh học E5	546.556.189.416	628.442.267.269
Giá vốn hàng bán Dầu hỏa (KO)	382.868.831.575	143.222.299.797
Giá vốn hàng bán xăng Mogas 83	248.225.056.809	245.138.653.856
Giá vốn hàng bán RFCC Naphtha	237.419.425.296	-
Giá vốn dịch vụ cảng biển	47.563.718.646	48.364.831.059
Chi phí trong thời gian dừng sản xuất Nhà máy nhiên liệu sinh học	73.267.131.088	75.615.620.626
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(21.170.094.701)	126.563.725.184
Giá vốn khác	217.404.651.707	43.655.596.042
	137.663.837.918.959	151.027.307.397.420

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	139.744.006.167.525	153.398.036.548.269
Chi phí công cụ, dụng cụ	20.267.768.856	12.628.452.528
Chi phí nhân công	1.078.462.936.655	1.206.347.872.792
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.269.535.008.488	2.257.922.390.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.734.111.464.517	1.722.241.291.947
Chi phí khác bằng tiền	585.147.953.197	355.535.669.725
	145.431.531.299.238	158.952.712.225.444

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.599.395.062.506	907.170.573.382
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.052.413.498.537	843.104.726.133
Cổ tức được chia	560.000.000	-
	2.652.368.561.043	1.750.275.299.515

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	287.654.759.616	252.789.589.546
Lỗ chênh lệch tỷ giá	853.032.189.353	576.850.536.375
Chiết khấu thanh toán cho người mua	6.959.456.060	3.632.634.013
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	206.555.700	21.829.498
Chi phí tài chính khác	6.921.837.207	89.900.897.676
	1.154.774.797.936	923.195.487.108

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm	1.032.111.954.829	908.980.731.417
Chi phí nhân viên bán hàng	80.315.826.789	79.802.676.449
Chi phí khấu hao tài sản cố định	147.794.997.505	147.736.383.372
Chi phí vận chuyển, bảo hiểm bán sản phẩm	372.843.352.213	366.673.684.302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	174.143.054.291	241.493.629.017
Chi phí khác bằng tiền	257.014.724.031	73.274.358.277
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	623.486.470.367	514.762.438.322
Chi phí nhân viên quản lý	212.917.228.940	245.627.832.864
Chi phí vật liệu quản lý	1.273.288.468	1.301.228.240
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.894.710.195	4.800.572.813
Chi phí khấu hao tài sản cố định	70.893.581.527	28.895.057.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	129.638.474.794	107.196.559.841
Chi phí khác bằng tiền	201.869.186.443	126.941.187.227
	1.655.598.425.196	1.423.743.169.739



30. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chênh lệch thừa do kiểm kê kho thành phẩm	26.285.772.184	63.644.905.674
Thu nhập từ được thưởng, bồi thường, phạt hợp đồng	11.715.649.955	12.863.967.141
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản	1.234.080.899	-
Thu nhập khác	1.001.722.710	10.509.106.590
	40.237.225.748	87.017.979.405

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn	1.035.572.057.866	888.185.147.639
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	1.371.138.304	2.208.986.524
	1.036.943.196.170	890.394.134.163

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đối với các khoản lỗ lũy kế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR-BF do không chắc chắn về khả năng có lợi nhuận trong các năm tiếp theo để bù đắp các khoản lỗ này.

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	9.812.854.060	26.077.223.876
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	9.812.854.060	26.077.223.876

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	8.649.771.483.353	14.725.833.852.993
Trừ: Số tiền trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	1.248.919.726	337.360.020.200
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	8.648.522.563.627	14.388.473.832.793
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	3.100.499.616	3.100.499.616
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.789	4.641

Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 do Đại hội đồng Cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2023. Theo đó, chỉ tiêu "Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông" có thể được điều chỉnh giảm, dẫn đến việc "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" giảm tương ứng.



CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp	64.055.328.267.262	74.770.350.621.890
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP (*)	45.657.222.212.665	53.860.714.663.311
Công ty TNHH Một thành viên Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước - Lô 05.1a PVOil Singapore Pte. Ltd.	5.164.767.728.332	7.019.547.517.160
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (Lô 05-2 & Lô 05-3)	3.901.928.168.198	7.767.728.298.055
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01 & 02 - Điều hành Dầu khí)	3.707.412.151.101	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	2.063.929.437.477	2.577.861.190.730
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	1.499.381.678.641	1.385.996.334.259
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	378.121.877.095	365.572.793.555
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	337.189.527.713	335.657.796.520
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước - Mỏ Sông Đốc	326.592.091.157	267.642.231.442
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	181.177.105.291	-
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	254.638.403.451	70.163.075.940
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01/97 & 02/97)	130.459.144.517	127.973.217.086
Công ty TNHH Lộc hóa Dầu Nghi Sơn	108.818.281.096	241.053.972.288
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí - CTCP	102.231.458.287	438.593.204.280
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	70.298.321.284	114.314.635.301
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	62.483.205.385	63.825.928.134
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	57.907.695.845	62.709.495.330
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	16.057.898.519	4.308.708.714
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	11.308.508.445	14.426.434.004
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	7.831.638.000	1.754.473.508
Công ty TNHH PVChem - Tech	4.597.018.138	1.685.999.090
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	3.946.869.656	6.325.771.621
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	2.224.250.000	36.484.465.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	2.208.970.000	2.312.047.889
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	1.612.320.000	2.075.554.000
Trường Cao đẳng Dầu khí	492.000.000	492.000.000
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	208.181.818	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	185.000.000	594.800.000
Liên doanh Việt Nga - Vietsovpetro	60.000.000	196.000.000
Nộp lợi nhuận	37.125.151	170.014.673
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	170.000.000
Chia cổ tức		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.999.466.172.900	856.914.074.100

(*) Mua hàng từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP bao gồm:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Giá trị hàng hóa và dịch vụ	82.139.043.380	80.903.209.838
- Giá trị đầu thô mua ủy thác	45.563.003.240.558	53.749.912.493.842
- Các khoản ủy thác khác	12.079.928.727	29.898.959.631
	45.657.222.212.665	53.860.714.663.311

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải trả nhà cung cấp	7.591.805.839.201	4.201.772.718.938
PVOil Singapore Pte. Ltd.	4.285.348.533.695	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	2.371.459.701.101	3.098.903.526.258
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (Lô 05-2 & Lô 05-3)	407.833.843.448	459.274.781.589
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	244.896.330.944	250.857.407.807
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	95.655.670.925	59.419.108.884
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	48.526.862.481	68.110.419.047
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí - CTCP	43.014.221.104	49.135.837.167
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	30.617.313.766	50.679.825.166
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	17.153.397.105	27.476.077.514
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	10.735.504.925	16.681.721.140
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01/97 & 02/97)	8.473.696.273	17.607.380.190
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	6.440.677.610	422.616.720
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	4.480.897.901	4.480.897.901
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	4.317.050.520	4.352.530.950
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01 & 02)	3.164.419.108	6.583.950.200
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung	2.172.183.100	2.255.356.410
Viện Dầu khí Việt Nam	1.938.686.994	647.302.909
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	1.810.462.354	662.801.126
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	1.268.780.000	340.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	1.188.645.847	3.280.566.904
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	777.600.000	394.621.200
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	531.360.000	531.360.000
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 05.1a)	-	75.070.109.256
Công ty TNHH PVChem - Tech	-	4.065.720.600
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam	-	200.000.000
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	-	196.000.000
Trường Cao đẳng Dầu khí	-	142.800.000



	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước nhà cung cấp	267.110.577.268	104.056.900.330
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	173.046.421.779	70.982.298.458
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí - CTCP	56.778.285.737	5.648.758.754
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	11.548.227.101	6.951.334.055
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	9.226.541.390	6.808.912.347
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	7.476.669.830	11.216.727.452
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	3.934.474.170	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần Viện Dầu khí Việt Nam	3.627.981.106	378.885.045
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	1.303.140.993	694.999.833
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	89.100.000	89.100.000
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	79.735.162	79.735.162
Công ty TNHH PVChem - Tech	-	754.000.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	292.604.400
	-	159.544.824
Phải thu khác	25.511.576.615	3.037.571.983
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	21.698.429.270	1.118.996.642
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	2.985.301.346	1.918.575.341
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	827.845.999	-
Phải trả khác	2.425.396.642	2.249.496.642
Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.118.996.642	1.118.996.642
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	500.000.000	500.000.000
Công ty cổ phần kinh doanh LPG Việt Nam	500.000.000	500.000.000
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí - CTCP	160.000.000	85.000.000
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ dầu khí - CTCP	88.000.000	30.000.000
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	46.000.000	15.500.000
Trường Cao đẳng Dầu khí	9.000.000	-
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	3.400.000	-

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

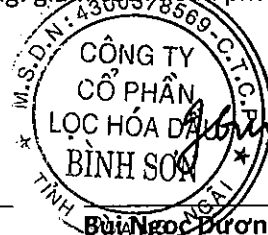
Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 29.836.190.106 VND (năm 2022: 18.612.841.912 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Lê Thị Hồng Trâm
Người lập biểu



Bạch Đức Long
Kế toán trưởng



Bùi Ngọc Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

M.S.
*



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 41

M.S.D.N.

V. A. R.
C
C
LỘC
BIN
Q

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch
Ông Bùi Ngọc Dương	Thành viên
Ông Hà Đồng	Thành viên
Ông Khương Lê Thành	Thành viên
Ông Hạng Anh Minh	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Bá Phước	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Hải Âu	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Ngọc Dương	Tổng Giám đốc
Ông Nghiêm Đức Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Tuấn Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thái Bảo	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2023)
Ông Trần Đoàn Thịnh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2023)
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 7 năm 2023)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

037
NG
PHÁ
ÓA I
ISO
NG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Ngọc Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

IT
DN
TN
M
JO
T
/ GA
II

Y
U
GAI

Số: 05/14/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Trần Xuân Ánh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 3 năm 2024
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1924-2023-001-1

Y
C
N
T
M
H

378
JG
PH.
IÓA
HS
IÂN



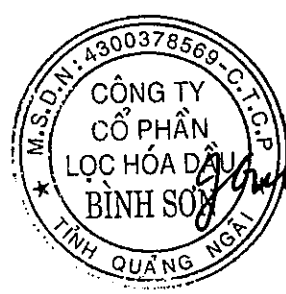
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		27.732.559.430.766	25.788.902.614.117
I. Nợ ngắn hạn	310		26.859.009.998.843	24.517.176.013.585
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	14.622.421.061.123	14.848.803.547.934
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	246.651.104.570	37.828.021.016
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.609.656.456.286	1.390.983.310.491
4. Phải trả người lao động	314		226.325.237.339	220.236.336.172
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	146.710.236.501	53.838.820.122
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	52.145.593.427	29.120.713.001
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	9.843.164.683.248	7.834.698.760.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		111.935.626.349	101.666.504.849
II. Nợ dài hạn	330		873.549.431.923	1.271.726.600.532
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	20	873.549.431.923	1.271.726.600.532
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		57.688.759.698.562	51.437.557.260.134
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	57.688.759.698.562	51.437.557.260.134
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.004.996.160.000	31.004.996.160.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.004.996.160.000	31.004.996.160.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.047.192.543.614	5.596.320.305.105
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.636.570.994.948	14.836.240.795.029
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.881.456.525.320	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		8.755.114.469.628	14.836.240.795.029
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		85.421.319.129.328	77.226.459.874.251

Đạm

Bách Đức Long



Lê Thị Hồng Trâm
 Người lập biểu

Bách Đức Long
 Kế toán trưởng

Bùi Ngọc Dương
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	147.381.684.099.848	167.057.872.122.547		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	-	3.109.915.557		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	147.381.684.099.848	167.054.762.206.990		
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	137.565.521.429.176	150.890.770.221.298		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		9.816.162.670.672	16.163.991.985.692		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	2.651.918.583.330	1.755.581.121.291		
7. Chi phí tài chính	22	28	1.054.716.953.170	822.386.536.282		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		226.783.783.403	194.601.869.302		
8. Chi phí bán hàng	25	29	1.027.620.437.609	914.030.757.052		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	623.719.877.748	516.388.410.565		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		9.762.023.985.475	15.666.767.403.084		
11. Thu nhập khác	31	30	39.634.745.757	84.576.579.292		
12. Chi phí khác	32		1.159.349.678	844.312.465		
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		38.475.396.079	83.732.266.827		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.800.499.381.554	15.750.499.669.911		
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	1.035.572.057.866	888.185.147.639		
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	31	9.812.854.060	26.073.727.243		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		8.755.114.469.628	14.836.240.795.029		

Lê Thị Hồng Trâm
Người lập biểu

Bạch Đức Long
Kế toán trưởng



Bùi Ngọc Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.800.499.381.554	15.750.499.669.911
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.186.462.697.180	2.107.077.881.612
Các khoản dự phòng	03	(20.963.539.001)	126.443.274.413
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(909.139.682.999)	(363.825.470.103)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.600.200.295.146)	(912.491.877.602)
Chi phí lãi vay	06	226.783.783.403	194.601.869.302
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.683.442.344.991	16.902.305.347.533
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	1.876.283.651.157	(2.905.449.365.667)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	1.289.140.647.608	(6.576.503.757.657)
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	577.424.498.305	892.024.140.368
Giảm chi phí trả trước	12	34.842.060.123	183.567.642.523
Tiền lãi vay đã trả	14	(233.795.120.018)	(199.126.404.950)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(884.319.496.145)	(916.282.262.146)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	728.860.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(721.470.347.109)	(266.125.986.161)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.621.548.238.912	7.115.138.213.843
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(227.028.651.985)	(219.470.122.688)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	737.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(29.752.000.000.000)	(7.800.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.802.000.000.000	9.801.233.211.240
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.305.927.134.428	902.671.568.036
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.870.364.517.557)	2.684.434.656.588

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



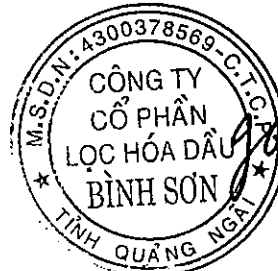
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	95.370.377.675.905	77.920.652.009.029
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(93.359.413.272.657)	(79.860.258.019.843)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.162.353.775.085)	(1.344.916.967.679)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(151.389.371.837)	(3.284.522.978.493)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(6.400.205.650.482)	6.515.049.891.938
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	22.818.044.778.395	16.314.076.389.628
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	524.766.803.974	(11.081.503.171)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	16.942.605.931.887	22.818.044.778.395

Lê Thị Hồng Trâm
Người lập biểu

Bạch Đức Long
Kế toán trưởng



Bùi Ngọc Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



856
TY
ÂN
DẤ
N
NC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (là công ty con do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3404000189 ngày 05 tháng 6 năm 2008).

Công ty thực hiện chuyển đổi mô hình thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn. Công ty hoàn thành bán cổ phần lần đầu ra công chúng vào ngày 17 tháng 01 năm 2018 và chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn UPCOM với mã chứng khoán BSR. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 01 tháng 3 năm 2018.

Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 với vốn điều lệ là 31.004.996.160.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 01 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp và các giấy chứng nhận thay đổi.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.531 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.510).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong ngành lọc - hóa dầu;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát lắp đặt thiết bị công trình, hoàn thiện hệ thống đường ống dầu khí, kho chứa dầu khí;
- Đào tạo nguồn nhân lực, thuê và cung cấp chuyên gia về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu và cảng biển, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, vật tư máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Cung cấp các dịch vụ phân tích, dầu thô, sản phẩm dầu mỏ và các hoá chất, phụ gia, xúc tác, nhiên liệu sinh học liên quan đến lĩnh vực lọc - hóa dầu;
- Dịch vụ hải cảng, cảng biển liên quan đến ngành lọc - hóa dầu;
- Đầu tư và phát triển các dự án lọc - hóa dầu, nhiên liệu sinh học trong và ngoài nước.



Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính riêng

Theo Quyết định số 7330/QĐ-BSR ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn tại Hà Nội với ngành nghề kinh doanh chính là bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

Chi nhánh chính thức hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2024 theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 4300378569-002 ngày 04 tháng 01 năm 2024.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 01 đơn vị hạch toán phụ thuộc là Ban quản lý Dự án Nâng cấp Mở rộng Nhà máy Lộc dầu Dung Quất có địa chỉ tại Nhà máy Lộc dầu Dung Quất, Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Thuận và Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, với chức năng chính là đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lộc dầu Dung Quất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 02 công ty con sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2023 (*)	Hoạt động chính
				VND	
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Quảng Ngãi	83,26%	83,26%	145.892.845.365	Sản xuất bao bì, quản lý nhà ở và kinh doanh dịch vụ khu dân cư, khu đô thị
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	65,54%	61,00%	205.772.028.927	Sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm nhiên liệu sinh học

(*) Giá trị đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được Công ty xác định bằng giá gốc của khoản đầu tư trừ giá trị tổn thất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Thuyết minh số 5).

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Quyết toán cổ phần hóa

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

3003
CÔNG
CỔ
QUẢN
LÍ
BÌNH
SƠN



Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá thành sản xuất của từng loại sản phẩm xăng, dầu hàng tháng được xác định như sau: chi phí nguyên vật liệu của từng sản phẩm được xác định theo mức tiêu hao nguyên vật liệu thực tế đối với từng sản phẩm; chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung được phân bổ theo chi phí nguyên vật liệu của từng sản phẩm.

569
TY
HÂN
ĐA Đ
SỞ
JANG



Giá trị các sản phẩm dở dang tại thời điểm cuối tháng được xác định theo mức độ hoàn thành của các sản phẩm dở dang.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của các sản phẩm lọc hóa dầu và dầu thô tồn kho được Công ty xác định như sau:

- Thành phẩm lọc hóa dầu: Công ty xác định giá trị thuần có thể thực hiện được trên cơ sở giá bán ước tính trừ đi các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.
- Sản phẩm lọc hóa dầu dở dang: Công ty xác định giá trị thuần có thể thực hiện được trên cơ sở quy đổi về thành phẩm tương đương và giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.
- Dầu thô: Theo hướng dẫn tại Công văn số 2801/BTC-CĐKT ngày 02 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hạch toán hàng tồn kho, dầu thô tồn kho của Công ty tại thời điểm trích lập dự phòng có giá gốc trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và giá bán sản phẩm được sản xuất từ dầu thô bị giảm giá thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với dầu thô trên cơ sở giá trị thuần có thể thực hiện được của dầu thô (giá bán ước tính của dầu thô).

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phản ánh chi phí bảo hiểm con người, bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí hóa chất xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Khoản trả trước tiền bảo hiểm con người, bảo hiểm rủi ro tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn bảo hiểm.

Chi phí hóa chất xuất dùng là chi phí các lô hóa chất xuất dùng cho phân xưởng reforming xúc tác liên tục (CCR) được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí cải tạo và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.



Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc phê duyệt tùy theo phân cấp thẩm quyền.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 20
<i>Trong đó: Máy móc và thiết bị ngành lọc hóa dầu</i>	<i>10 - 20</i>
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 25
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 5

Theo Quyết định số 952/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26 tháng 7 năm 2012 về một số cơ chế tài chính của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (nay là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn) (sau đây gọi tắt là "Quyết định 952"), Công ty được trích khấu hao tài sản cố định đối với thiết bị chính của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất trong thời gian tối đa là 20 năm.

Theo Công văn số 18327/BTC-CĐKT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hạch toán hàng tồn kho, cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty được tính giá trị hàng tồn kho cố định theo giá trị ghi sổ kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào nguyên giá tài sản cố định. Đồng thời, số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập đến năm 2016 sẽ được hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định. Về mức khấu hao và thời điểm trích khấu hao, Công ty trích khấu hao của dây chuyền nhà máy trên cơ sở giá trị đã bao gồm giá trị hàng tồn kho cố định trong đường ống được xác định như trên từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 theo thời gian sử dụng ước tính còn lại của tài sản cố định (nhóm máy móc và thiết bị ngành lọc hóa dầu).

Căn cứ vào khối lượng hàng tồn kho cố định là dầu thô, sản phẩm trung gian, thành phẩm tồn cố định trong đường ống, thiết bị và bể chứa của Công ty theo Chứng thư giám định khối lượng hàng tồn kho cố định số 17631001 ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam, Công ty đã xác định giá trị hàng tồn kho cố định được hạch toán tăng nguyên giá tài sản cố định theo giá trị ghi sổ kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền khoảng 1.007 tỷ VND và đã ghi giảm giá trị hàng tồn kho với số tiền tương ứng. Việc điều chỉnh giá trị và hạch toán hàng tồn kho như trên đã được Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn phê duyệt tại Quyết định số 905/QĐ-BSR ngày 17 tháng 3 năm 2017. Công ty kế thừa và tiếp tục theo dõi giá trị hàng tồn kho cố định nêu trên.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Quyết định số 952/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26 tháng 7 năm 2012, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 30 năm từ năm 2010 đến năm 2039; được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong thời gian 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ Dự án Nhà máy Lộc dầu Dung Quất. Năm 2023, Công ty đã hết thời gian được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam với một số ưu đãi cho Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đầu tư số 13/UĐĐT ngày 15 tháng 02 năm 2006 của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, cụ thể: được miễn nộp tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án; được miễn nộp tiền sử dụng đất; được miễn nộp thuế sử dụng đất trong suốt thời gian thực hiện dự án; được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện và bán thành phẩm mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất không đạt tiêu chuẩn chất lượng trong 05 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất; được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu chất lượng.

Theo Công văn số 520/CT-TTHT của Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi ngày 05 tháng 3 năm 2018, Công ty TNHH MTV Lộc hóa dầu Bình Sơn (nay là Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn) đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn (khu Kinh tế Dung Quất) thì thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi (bao gồm cả khoản chênh lệch lãi tiền gửi ngân hàng lớn hơn lãi tiền vay, thu nhập từ cung cấp dịch vụ tại cảng biển, và các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi).

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

037
ĐNG
PH
HÓ
NH
QUA



Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	812.766.360	585.551.250
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	657.163.470.018	232.829.531.636
Các khoản tương đương tiền (*)	16.284.629.695.509	22.584.629.695.509
	16.942.605.931.887	22.818.044.778.395

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có khoản tiền gửi kỳ hạn 03 tháng với số tiền là 2.734.629.695.509 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.734.629.695.509 VND) tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương – Chi nhánh Quảng Ngãi (“Oceanbank”). Thực hiện chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”), Oceanbank đang tạm dừng chi trả tiền cho khách hàng là tổ chức đang gửi tiền tại Oceanbank. Ngày 14 tháng 12 năm 2022, Công ty đã gửi Công văn số 7063/BSR-TCKT đến NHNN và Oceanbank về việc giải tỏa khoản tiền gửi nêu trên. Ngày 27 tháng 12 năm 2022, Oceanbank có Công văn số 5003/2022/CV-OCEANBANK.01.01 phúc đáp Công văn số 7063/BSR-TCKT của Công ty, theo đó, Oceanbank sẽ thực hiện chi trả khi có chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Ngày 12 tháng 12 năm 2023, Công ty tiếp tục gửi Công văn số 7669/BSR-TCKT đến NHNN và Oceanbank về việc giải tỏa khoản tiền gửi nêu trên, tuy nhiên, Oceanbank vẫn chưa phản hồi Công văn trên. Do Oceanbank là đơn vị được NHNN sở hữu 100% vốn nên Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng khoản tiền gửi trên sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của NHNN.



16
169
Y
N
D
N
N

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	21.052.000.000.000	21.052.000.000.000	2.102.000.000.000	2.102.000.000.000
	21.052.000.000.000	21.052.000.000.000	2.102.000.000.000	2.102.000.000.000

Đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi của Công ty tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm 2.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.000.000.000 VND) là tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương – Chi nhánh Quảng Ngãi (“Oceanbank”). Thực hiện chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”), Oceanbank đang tạm dừng chi trả tiền cho khách hàng là tổ chức đang gửi tiền tại Oceanbank. Như trình bày tại Thuyết minh số 4, Công ty đã có các công văn gửi Oceanbank và đánh giá rằng khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của NHNN.

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Tỷ lệ góp vốn	Dự phòng	Giá gốc	Tỷ lệ góp vốn	Dự phòng
	VND	%	VND	VND	%	VND
b1) Đầu tư vào công ty con	351.664.874.292		(205.772.028.927)	351.664.874.292		(205.772.028.927)
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	145.892.845.365	83,26%	-	145.892.845.365	83,26%	-
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (*)	205.772.028.927	65,54%	(205.772.028.927)	205.772.028.927	65,54%	(205.772.028.927)
b2) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.244.000.000		(1.492.777.634)	11.244.000.000		(1.286.221.934)
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	7.000.000.000	8,52%	-	7.000.000.000	8,75%	-
Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	4.244.000.000	5,03%	(1.492.777.634)	4.244.000.000	5,03%	(1.286.221.934)
	362.908.874.292		(207.264.806.561)	362.908.874.292		(207.058.250.861)



(*) Giá trị đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung ("BSR-BF") trước khi xử lý tài chính tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần là 742.165.320.000 VND. Công ty đã đánh giá, xác định giá trị tổn thất của khoản đầu tư vào BSR-BF tương đương với giá trị dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào BSR-BF đã trích lập tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và quyết định sử dụng toàn bộ giá trị khoản dự phòng đã trích lập để bù đắp tổn thất tại thời điểm Công ty chuyển thành công ty cổ phần với số tiền là 536.393.291.073 VND. Do đó, Công ty trình bày giá gốc của khoản đầu tư vào BSR-BF là 205.772.028.927 VND.

Tóm tắt tình hình hoạt động công ty con trong năm:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Hoạt động kinh doanh bị lỗ	Hoạt động kinh doanh bị lỗ

Công ty Cổ phần Nhiên liệu và Sinh học Dầu khí Miền Trung chính thức hoạt động thương mại từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và đang tạm dừng hoạt động sản xuất. Ngày 22 tháng 02 năm 2024, BSR-BF đã nộp đơn đến Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu mở thủ tục phá sản. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, BSR-BF đang chờ quyết định thụ lý của Tòa án về việc mở thủ tục phá sản.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các công ty nhận đầu tư của Công ty đều là các công ty chưa niêm yết và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty này.

Các giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên nhận đầu tư được trình bày tại Thuyết minh số 33.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn khác	428.905.895.961	102.521.117.240
a1. Phải thu ngắn hạn khác ngoài bên liên quan	404.197.428.933	100.087.052.106
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	390.289.639.738	92.308.934.362
Phải thu về cổ phần hóa	5.831.672.688	5.701.672.688
Tạm ứng cho nhân viên	3.058.840.906	422.297.449
Phải thu khác	5.017.275.601	1.654.147.607
a2. Phải thu ngắn hạn khác bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 33)	24.708.467.028	2.434.065.134
b. Phải thu dài hạn khác	526.000.000	526.000.000
Ký cược, ký quỹ	526.000.000	526.000.000
	429.431.895.961	103.047.117.240

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	6.002.961.899.100	-	7.548.846.630.556	(2.612.985.350)
Nguyên liệu, vật liệu	4.868.588.243.839	(2.794.861.492)	3.915.066.262.843	(23.082.848.910)
Công cụ, dụng cụ	2.200.841.223.859	(15.247.782.807)	1.763.768.730.098	(14.928.380.588)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.189.857.135.642	(26.160.906.250)	1.519.327.791.338	(35.832.422.276)
Thành phẩm	1.369.590.041.314	(77.762.151.801)	2.173.969.776.527	(66.679.159.927)
	15.631.838.543.754	(121.965.702.350)	16.920.979.191.362	(143.135.797.051)

Trong năm 2023, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 21.170.094.701 VND (năm 2022: trích lập 126.421.444.915 VND) đối với hàng tồn kho bị giảm giá, chậm luân chuyển, kém phẩm chất và có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc của các hàng tồn kho này.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	65.023.973.968	76.257.861.042
Bảo hiểm con người, bảo hiểm rủi ro tài sản	48.879.422.775	49.756.977.917
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	16.144.551.193	26.500.883.125
b. Dài hạn	75.592.280.833	99.200.453.882
Chi phí hóa chất xuất dùng	64.864.183.491	89.221.618.650
Chi phí trả trước dài hạn khác	10.728.097.342	9.978.835.232
	140.616.254.801	175.458.314.924

C.T.H.
 E
 H/A
 S/C
 37/1
 16/



11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	6.415.395.597.347	38.415.290.951.022	167.422.242.764	568.214.235.925	554.667.912	45.566.877.694.970
Mua trong năm	-	85.497.230.153	12.499.441.208	16.094.158.932	186.000.000	114.276.830.293
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.553.100.378	15.456.500.000	-	-	-	18.009.600.378
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.740.920.000)	-	-	(5.740.920.000)
Số dư cuối năm	6.417.948.697.725	38.516.244.681.175	174.180.763.972	584.308.394.857	740.667.912	45.693.423.205.641
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	3.325.149.059.471	24.946.726.373.252	125.183.255.948	486.721.799.140	554.667.912	28.884.335.155.723
Khấu hao trong năm	196.181.333.630	1.869.169.522.948	8.787.759.020	34.807.441.072	23.101.370	2.108.969.158.040
Tăng khác	-	-	-	66.260.316	-	66.260.316
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.740.920.000)	-	-	(5.740.920.000)
Số dư cuối năm	3.521.330.393.101	26.815.895.896.200	128.230.094.968	521.595.500.528	577.769.282	30.987.629.654.079
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	3.090.246.537.876	13.468.564.577.770	42.238.986.816	81.492.436.785	-	16.682.542.539.247
Tại ngày cuối năm	2.896.618.304.624	11.700.348.784.975	45.950.669.004	62.712.894.329	162.898.630	14.705.793.551.562

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 4.264,9 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 4.142 tỷ VND).

✓ F I ✓



12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	438.606.719.617	370.782.373.000	32.703.172.505	842.092.265.122
Mua trong năm	-	30.872.291.001	-	30.872.291.001
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	101.418.075.011	-	101.418.075.011
Số dư cuối năm	438.606.719.617	503.072.739.012	32.703.172.505	974.382.631.134
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	323.916.411.295	298.868.872.644	29.116.758.456	651.902.042.395
Khấu hao trong năm	15.481.495.021	61.532.541.874	479.502.245	77.493.539.140
Tăng khác	-	479.386.289	-	479.386.289
Số dư cuối năm	339.397.906.316	360.880.800.807	29.596.260.701	729.874.967.824
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	114.690.308.322	71.913.500.356	3.586.414.049	190.190.222.727
Tại ngày cuối năm	99.208.813.301	142.191.938.205	3.106.911.804	244.507.663.310

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 426 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 349,4 tỷ VND).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất (*)	1.150.516.054.349	1.125.719.428.132
Dự án triển khai hệ thống ERP - Giai đoạn I	-	101.418.075.011
Các công trình khác	42.683.937.236	45.407.331.874
	1.193.199.991.585	1.272.544.835.017

(*) Theo Quyết định số 482/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất của Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn, Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất hiện hữu ("Dự án") được điều chỉnh để nâng công suất chế biến của nhà máy từ 148.000 thùng/ngày lên 171.000 thùng/ngày; sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn Euro V; đáp ứng tiêu chuẩn môi trường theo lộ trình bắt buộc áp dụng của Chính phủ; nâng cao độ linh động lựa chọn dầu thô, đảm bảo nguồn dầu thô cung cấp lâu dài và có hiệu quả cho Nhà máy; nâng cao hiệu quả đầu tư Nhà máy Lọc dầu Dung Quất; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội của cả nước, đặc biệt khu vực Trung Bộ.

Tổng vốn đầu tư điều chỉnh thành 31.255 tỷ VND, tương đương 1,257 tỷ USD, theo cơ cấu vốn chủ sở hữu/vốn vay là 40/60 (cơ cấu này được xem xét điều chỉnh cho phù hợp với thực tế khả năng cân đối nguồn và đem lại hiệu quả cao hơn). Dự án được đưa vào vận hành dự kiến trong năm 2028. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã trình báo cáo nghiên cứu khả thi và các cơ quan có thẩm quyền đang trong quá trình thẩm định báo cáo này.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Novel Energy Trading Pte Ltd	2.029.287.334.325	2.029.287.334.325	-	-
Công ty Liên doanh điều hành Cửu Long	1.214.427.432.270	1.214.427.432.270	1.883.840.970.478	1.883.840.970.478
Công ty Điều hành chung Hoàng Long	1.050.987.900.855	1.050.987.900.855	507.041.790.209	507.041.790.209
Công ty TNHH Dầu khí Việt Nhật	844.776.948.044	844.776.948.044	-	-
BCP Trading Pte. Ltd.	602.312.809.408	602.312.809.408	-	-
Glencore Singapore Pte. Ltd.	459.535.792.723	459.535.792.723	-	-
SOCAR Trading Singapore Pte. Ltd.	-	-	4.614.980.523.717	4.614.980.523.717
Gunvor Singapore Pte. Ltd.	-	-	2.146.259.652.741	2.146.259.652.741
Vietsea Company Pte. Ltd.	-	-	830.026.300.223	830.026.300.223
Các đối tượng khác	816.406.584.243	816.406.584.243	630.048.921.378	630.048.921.378
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 33)				
	7.604.686.259.255	7.604.686.259.255	4.236.605.389.188	4.236.605.389.188
	14.622.421.061.123	14.622.421.061.123	14.848.803.547.934	14.848.803.547.934

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Trường An	171.048.855.259	-
Công ty Cổ phần Anh Phát Petro	33.251.657.619	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Hoà Khánh	15.272.029.167	19.346.007.708
Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP	14.087.418.501	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dương Đông	6.822.110.776	4.710.428.122
Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà	-	7.458.546.106
Các khách hàng khác	6.169.033.248	6.313.039.080
	246.651.104.570	37.828.021.016

300378
 CÔNG
 CỔ
 PHẦN
 LỘC
 HÓA
 DẦU
 BÌNH
 SƠN



16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế nhà thầu	2.076.535.352	16.183.259.228	16.391.403.477	2.284.679.601
- Thuế GTGT nộp thay nhà thầu	2.076.535.352	16.183.259.228	16.183.259.228	2.076.535.352
- Thuế TNDN nộp thay nhà thầu	-	-	208.144.249	208.144.249
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	136.685.414	136.685.414	-	-
	2.213.220.766	16.319.944.642	16.391.403.477	2.284.679.601
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	615.583.683.232	9.682.639.148.498	9.675.586.966.343	622.635.865.387
- Thuế GTGT đầu ra	615.583.683.219	5.633.662.662.034	5.626.610.479.879	622.635.865.374
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	13	4.048.976.486.464	4.048.976.486.464	13
Thuế xuất, nhập khẩu	-	54.915.650.931	54.915.650.931	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	586.085.496.439	6.284.957.207.902	6.220.845.829.544	650.196.874.797
Thuế thu nhập doanh nghiệp	137.107.928.779	1.048.374.707.866	884.319.496.145	301.163.140.500
Thuế thu nhập cá nhân	12.718.068.729	113.707.967.361	116.958.397.056	9.467.639.034
Thuế nhà thầu	42.621.012	10.600.750.420	10.643.371.432	-
- Thuế TNDN nộp thay nhà thầu	42.621.012	10.600.750.420	10.643.371.432	-
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	572.567.430	32.195.862	540.371.568
Thuế bảo vệ môi trường	39.445.512.300	195.442.663.880	209.235.611.180	25.652.565.000
Các loại thuế, phí và lệ phí khác	-	1.429.351.649	1.429.351.649	-
	1.390.983.310.491	17.392.640.015.937	17.173.966.870.142	1.609.656.456.286

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả chi phí nhãn hiệu	97.424.413.726	-
Phải trả chi phí, vật tư vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định	22.767.520.097	2.938.896.648
Lãi vay phải trả	5.090.574.076	12.101.910.691
Phải trả chi phí vận chuyển	2.693.862.440	5.403.024.216
Phải trả chi phí mua dầu thô	-	32.036.227.432
Phải trả khác	18.733.866.162	1.358.761.135
	146.710.236.501	53.838.820.122

69-C
TY
HẠN
DẦU
H SƠN
QUẢN



18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.747.494.879	9.574.891.050
Phải trả tiền bán cổ phần (i)	9.211.487.795	9.211.577.795
Phải trả cổ tức cho chủ sở hữu (ii)	7.995.956.115	-
Phải trả ngắn hạn khác	22.190.654.638	10.334.244.156
	<u>52.145.593.427</u>	<u>29.120.713.001</u>
Trong đó:		
Phải trả khác cho các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 33)	2.605.396.642	2.549.496.642

- (i) Phải trả tiền bán cổ phần phản ánh số tiền Công ty giữ lại tương ứng dự toán chi phí cổ phần hóa từ tiền thu được khi thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng và khoản lãi tiền gửi ngân hàng từ ngày 02 tháng 02 năm 2018 đến ngày 09 tháng 02 năm 2018 (lãi tiền gửi trước khi tất toán tài khoản phong tỏa). Khoản phải trả về cổ phần hóa này sẽ được quyết toán và có thể được điều chỉnh khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.
- (ii) Phản ánh khoản phải trả cổ tức cho cổ đông không lưu ký theo Nghị quyết số 2676/NQ-BSR ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

250
G
H
TO
IT
NA
-T



CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	6.860.000.000.000	6.860.000.000.000	95.370.377.675.905	92.387.212.992.657	9.843.164.683.248	9.843.164.683.248
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	-	-	24.206.593.651.273	19.191.593.651.273	5.015.000.000.000	5.015.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	31.418.784.024.632	31.698.619.341.384	1.720.164.683.248	1.720.164.683.248
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hà Nội	2.910.000.000.000	2.910.000.000.000	29.800.000.000.000	31.310.000.000.000	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Hà Nội	-	-	1.492.000.000.000	697.000.000.000	795.000.000.000	795.000.000.000
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Hà Nội	700.000.000.000	700.000.000.000	6.640.000.000.000	6.670.000.000.000	670.000.000.000	670.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	1.250.000.000.000	1.250.000.000.000	243.000.000.000	1.250.000.000.000	243.000.000.000	243.000.000.000
Ngân hàng Citibank - Chi nhánh Hà Nội	-	-	1.570.000.000.000	1.570.000.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	974.698.760.000	974.698.760.000	-	974.698.760.000	-	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi (*)	974.698.760.000	974.698.760.000	-	974.698.760.000	-	-
	7.834.698.760.000	7.834.698.760.000	95.370.377.675.905	93.361.911.752.657	9.843.164.683.248	9.843.164.683.248

Các khoản vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ các ngân hàng thương mại dưới hình thức tín dụng thư. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam theo từng hạn mức tín dụng ký kết với các ngân hàng. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và trong năm 2023, chịu lãi suất cố định quy định theo từng lần nhận nợ. Các khoản vay này dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Trong năm 2023, các khoản vay ngắn hạn của Công ty chịu lãi suất vay từ 2,4%/năm đến 5,9%/năm.

(*) Trong năm, Công ty đã tắt toán hết khoản vay tín chấp bằng Đô la Mỹ (USD) tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi. Khoản vay này chịu lãi suất 3,6%/năm, dùng để đầu tư xây dựng Nhà máy Lộc dầu Dung Quất.

20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	1.271.726.600.532	1.338.485.323.433
Giảm trong năm	(398.177.168.609)	(66.758.722.901)
- Sử dụng quỹ	(35.877.168.609)	(66.758.722.901)
- Điều chỉnh quỹ (*)	(362.300.000.000)	-
Số dư cuối năm	873.549.431.923	1.271.726.600.532

(*) Trong năm, Công ty thực hiện điều chỉnh Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã được trích trong giai đoạn trước cổ phần hóa với số tiền là 362.300.000.000 VND theo Kết luận của Thanh tra Chính phủ số 1538/KL-TTCP ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Công Thương và đã nộp số tiền này về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ Đầu tư Phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	31.004.996.160.000	-	6.633.311.289.905	37.638.307.449.905
Lợi nhuận trong năm	-	-	14.836.240.795.029	14.836.240.795.029
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	(106.841.100.000)	(106.841.100.000)
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	5.596.320.305.105	(5.596.320.305.105)	-
Chia cổ tức năm 2021	-	-	(930.149.884.800)	(930.149.884.800)
Số dư đầu năm nay	31.004.996.160.000	5.596.320.305.105	14.836.240.795.029	51.437.557.260.134
Lợi nhuận trong năm	-	-	8.755.114.469.628	8.755.114.469.628
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành (i)	-	-	(333.562.300.000)	(333.562.300.000)
Trích Quỹ Đầu tư phát triển (i)	-	4.450.872.238.509	(4.450.872.238.509)	-
Chia cổ tức năm 2022 (i)	-	-	(2.170.349.731.200)	(2.170.349.731.200)
Số dư cuối năm nay	31.004.996.160.000	10.047.192.543.614	16.636.570.994.948	57.688.759.698.562

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 2676/NQ-BSR ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 330.828.300.000 VND; trích Quỹ thưởng ban điều hành: 2.734.000.000 VND; trích Quỹ Đầu tư phát triển: 4.450.872.238.509 VND và chia cổ tức bằng tiền tương ứng 7% vốn điều lệ với số tiền là 2.170.349.731.200 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022. Trong năm 2023, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông.

M.S.D.
 0378
 CÔNG
 CỔ PHẦN
 LỘC HÓA
 BÌNH SƠN
 QU

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 12 tháng 9 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 31.004.996.160.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	28.563.802.470.000	92,13%	28.563.802.470.000	92,13%
Các cổ đông khác	2.441.193.690.000	7,87%	2.441.193.690.000	7,87%
	31.004.996.160.000	100%	31.004.996.160.000	100%

Cổ phiếu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.100.499.616	31.004.996.160.000	3.100.499.616	31.004.996.160.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.100.499.616	31.004.996.160.000	3.100.499.616	31.004.996.160.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.100.499.616	31.004.996.160.000	3.100.499.616	31.004.996.160.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.100.499.616	31.004.996.160.000	3.100.499.616	31.004.996.160.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	4.997.675,67	1.583.536,69
Euro (EUR)	1,56	1,56

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ dầu mỏ. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ dầu mỏ. Theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 24 và số 25.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ dầu mỏ và các dịch vụ khác chủ yếu đều hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	139.676.425.279.921	153.326.448.946.133
Chi phí công cụ, dụng cụ	20.267.768.856	12.628.452.528
Chi phí nhân công	1.029.610.615.767	1.162.489.414.287
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.185.715.586.552	2.172.936.598.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.727.560.177.230	1.748.205.035.880
Chi phí khác bằng tiền	575.547.456.682	349.048.097.797
	145.215.126.885.008	158.771.756.545.125

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.593.870.728.257	902.469.039.494
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.052.350.405.481	843.089.243.689
Cổ tức được chia	5.697.449.592	10.022.838.108
	2.651.918.583.330	1.755.581.121.291

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	226.783.783.403	194.601.869.302
Lỗ chênh lệch tỷ giá	813.845.320.800	534.229.305.793
Chiết khấu thanh toán cho người mua	6.959.456.060	3.632.634.013
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	206.555.700	21.829.498
Chi phí tài chính khác	6.921.837.207	89.900.897.676
	1.054.716.953.170	822.386.536.282

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm	1.027.620.437.609	914.030.757.052
Chi phí nhân viên bán hàng	78.113.763.092	77.580.324.691
Chi phí khấu hao tài sản cố định	147.794.997.505	147.736.383.372
Chi phí vận chuyển, bảo hiểm bán sản phẩm	372.843.352.213	366.673.684.302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	174.021.579.137	250.483.244.187
Chi phí khác bằng tiền	254.846.745.662	71.557.120.500
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	623.719.877.748	516.388.410.565
Chi phí nhân viên quản lý	200.211.505.732	234.835.226.046
Chi phí vật liệu quản lý	572.024.700	391.802.870
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.682.551.162	4.455.476.073
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.324.649.107	27.178.288.276
Chi phí dịch vụ mua ngoài	151.146.542.287	125.207.051.397
Chi phí khác bằng tiền	195.782.604.760	124.320.565.903
	1.651.340.315.357	1.430.419.167.617

56
37
17
N
17
17
137
NC
PI
HC
NH
10



30. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chênh lệch thừa do kiểm kê kho thành phẩm	26.285.772.184	63.644.905.674
Thu nhập từ được thưởng, bồi thường, phạt hợp đồng	11.620.465.000	12.315.016.754
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	684.007.408	-
Thu nhập từ cho thuê tài sản cố định	290.183.208	290.183.208
Thu nhập khác	754.317.957	8.326.473.656
	39.634.745.757	84.576.579.292

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm nay	1.037.443.722.198	886.769.054.888
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(1.871.664.332)	1.416.092.751
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.035.572.057.866	888.185.147.639

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	9.800.499.381.554	15.750.499.669.911
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:		
<i>Cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	(5.697.449.592)	(10.022.838.108)
<i>Các khoản điều chỉnh khác</i>	(916.014.073.751)	(521.474.544.863)
Cộng:		
<i>Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	138.571.965.291	259.677.206.291
<i>Các khoản điều chỉnh khác</i>	-	50.163.242.392
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9.017.359.823.502	15.528.842.735.623
<i>Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi</i>	7.660.282.425.025	14.793.329.948.248
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường</i>	1.357.077.398.477	735.512.787.375
Thuế suất ưu đãi	10%	10%
Thuế suất thông thường	20%	20%
Giảm thuế cho hoạt động được ưu đãi	-	50%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm nay	1.037.443.722.198	886.769.054.888

56/1
TY
AN
DI
SOT
1/16



Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi trong 30 năm; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ Dự án Nhà máy Lộc dầu Dung Quất. Năm 2023, Công ty đã hết thời gian được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	9.812.854.060	26.073.727.243
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	<u>9.812.854.060</u>	<u>26.073.727.243</u>

32. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy Lộc dầu Dung Quất

Theo điều khoản của các Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy Lộc dầu Dung Quất ký giữa Công ty (bên A) và các đầu mối (bên B) như Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVOil), Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex), Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas) v.v., trong năm 2023, bên A cung cấp cho bên B các sản phẩm xăng dầu của Nhà máy Lộc dầu Dung Quất với giá bán theo điều kiện FOB/Đường ống/FCA Dung Quất, LPG theo điều kiện CIF/Đường ống xác định trên cơ sở giá tham chiếu quốc tế cộng thêm phụ phí thị trường và các khoản thuế nộp vào Ngân sách Nhà nước (nếu có) đảm bảo cạnh tranh với thị trường.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Công ty con
Các công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn

T. T. N. H. N. * M. O. I. * H. O. I. * N. A. T.



Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.273.728.173.324	36.219.829.055.267
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	27.687.238.624.565	28.004.912.795.994
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	4.865.000.969.895	5.894.143.710.815
- Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	751.934.164.855	963.293.505.035
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	507.313.731.919	574.098.623.391
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	285.874.455.226	472.256.949.915
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	85.327.574.480	224.383.470.171
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	82.932.822.006	84.469.277.267
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	6.527.704.924	2.166.033.420
Công ty TNHH Lộc hóa dầu Nghi Sơn	1.517.040.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và hóa chất	61.085.454	-
Dầu khí - CTCP - Nhà máy Đạm Phú Mỹ		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	104.689.259
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp	64.216.505.500.727	74.932.550.268.598
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP (*)	45.657.222.212.665	53.860.714.663.311
Công ty TNHH Một thành viên Điều hành Thăm dò	5.164.767.728.332	7.019.547.517.160
Khai thác Dầu khí trong nước - Lô 05.1a		
PVOil Singapore Pte. Ltd.	3.901.928.168.198	7.767.728.298.055
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty	3.707.412.151.101	-
Điều hành Dầu khí Biển Đông (Lô 05-2 & Lô 05-3)		
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò	2.063.929.437.477	2.577.861.190.730
Khai thác Dầu khí (Lô 01 & 02 - Điều hành Dầu khí)		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.499.381.678.641	1.385.996.334.259
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	378.121.877.095	365.572.793.555
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	337.189.527.713	335.657.796.520
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	325.639.662.062	266.665.191.343
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	181.295.056.190	181.842.764.645
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò	181.177.105.291	-
Khai thác Dầu khí trong nước - Mỏ Sông Đốc		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	254.479.410.425	70.315.023.391
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình	130.459.144.517	127.973.217.086
Dầu khí		
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty	108.818.281.096	241.053.972.288
Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01/97 & 02/97)		
Công ty TNHH Lộc hóa Dầu Nghi Sơn	102.231.458.287	438.593.204.280
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa	70.298.321.284	114.314.635.301
Công trình Dầu khí - CTCP		

M.S.N

M.S.N



	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp (Tiếp theo)		
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	57.907.695.845	62.709.495.330
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	48.288.166.750	49.989.244.500
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	16.057.898.519	4.308.708.714
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	8.203.241.627	10.876.581.560
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	7.831.638.000	1.754.473.508
Viện Dầu khí Việt Nam	4.597.018.138	1.685.999.090
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	3.946.869.656	6.325.771.621
Công ty TNHH PVChem - Tech	2.224.250.000	36.484.465.000
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	1.612.320.000	2.075.554.000
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	540.000.000	900.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	492.000.000	492.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	208.181.818	-
Trường Cao đẳng Dầu khí	185.000.000	594.800.000
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	60.000.000	196.000.000
Liên doanh Việt Nga - Vietsovpetro	-	170.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	-	134.307.889
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	-	16.265.462
Nộp lợi nhuận		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	362.300.000.000	417.747.535.419
Chia cổ tức		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.999.466.172.900	856.914.074.100

(*) Mua hàng từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần bao gồm:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Giá trị hàng hóa và dịch vụ	82.139.043.380	80.903.209.838
- Giá trị dầu thô mua ủy thác	45.563.003.240.558	53.749.912.493.842
- Các khoản ủy thác khác	12.079.928.727	29.898.959.631
	<u>45.657.222.212.665</u>	<u>53.860.714.663.311</u>

010
 K
 DI
 V
 01/06
 BI
 1/1



Thù lao, thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Nguyễn Văn Hội	2.134.511.000	2.065.765.000
Ông Bùi Ngọc Dương	2.106.341.000	2.053.725.000
Ông Khương Lê Thành	1.912.679.300	1.881.637.400
Ông Hà Đống	1.882.501.000	1.824.977.000
Ông Hạng Anh Minh	1.351.111.000	-
Ông Nguyễn Bá Phước	609.990.000	1.831.207.000
Ông Nguyễn Hải Âu	602.590.000	1.826.577.000
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Bùi Ngọc Dương	(*)	(*)
Ông Nguyễn Việt Thắng	1.838.146.000	1.789.046.000
Ông Nghiêm Đức Dương	1.834.951.000	1.781.695.000
Ông Mai Tuấn Đạt	1.852.794.000	920.882.000
Ông Phạm Minh Nghĩa	1.842.701.000	900.946.000
Ông Trần Đoàn Thịnh	1.118.742.400	1.789.772.200
Ông Nguyễn Ngọc Anh	1.064.400.000	1.781.656.000
Ông Trần Thái Bảo	854.912.200	-

(*) Trình bày tại phần thù lao, thu nhập của Hội đồng Quản trị bên trên do có sự kiêm nhiệm về chức vụ

Ban Kiểm soát		
Ông Hoàng Đình Nhật	1.844.679.300	1.264.801.599
Ông Hoàng Ngọc Xuân	1.541.678.000	1.495.297.000
Bà Vũ Lan Phương	294.400.000	194.300.000
Ông Phạm Ngọc Quý	-	532.706.000
Ông Vũ Lê Huy	-	84.700.000
Kế toán trưởng		
Ông Bạch Đức Long	1.787.311.000	1.727.565.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.762.454.734.037	5.346.993.847.199
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	3.821.535.268.385	4.428.096.708.696
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	685.723.358.711	645.017.043.429
- Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	115.773.578.056	111.855.181.545
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	82.781.275.311	65.018.108.775
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	42.714.438.129	60.072.966.993
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	12.221.218.245	8.654.934.540
Công ty TNHH Lộc hóa dầu Nghi Sơn	1.638.403.200	-
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất	67.194.000	-
Dầu khí - CTCP - Nhà máy Đạm Phú Mỹ		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	113.064.400
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	-	27.109.380.121
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	-	1.056.458.700

CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả nhà cung cấp	7.604.686.259.255	4.236.605.389.188
PVOil Singapore Pte. Ltd.	4.285.348.533.695	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	2.371.459.701.101	3.098.903.526.258
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (Lô 05-2 & Lô 05-3)	407.833.843.448	459.274.781.589
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	244.896.330.944	250.857.407.807
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	94.247.445.425	58.010.883.384
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	48.526.862.481	68.110.419.047
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí - CTCP	42.639.655.817	48.761.271.880
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	30.617.313.766	50.679.825.166
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	21.017.946.354	41.887.073.708
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	17.153.397.105	27.476.077.514
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	10.225.971.573	16.413.940.810
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01/97 & 02/97)	8.473.696.273	17.607.380.190
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	6.440.677.610	422.616.720
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	4.317.050.520	4.352.530.950
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01 & 02)	3.164.419.108	6.583.950.200
Viện Dầu khí Việt Nam	1.938.686.994	647.302.909
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	1.810.462.354	662.801.126
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung	1.585.478.840	1.971.221.970
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	1.268.780.000	340.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	1.188.645.847	3.280.566.904
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	531.360.000	531.360.000
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 05.1a)	-	75.070.109.256
Công ty TNHH PVChem - Tech	-	4.065.720.600
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam	-	200.000.000
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	-	196.000.000
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	-	150.000.000
Trường Cao đẳng Dầu khí	-	142.800.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	-	5.821.200

4/2/2024
 T
 +
 >
 A
 11/11/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN LỌC HÓA DẦU BÌNH SƠN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

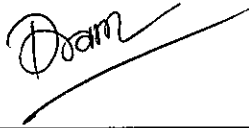
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trả trước nhà cung cấp	226.357.625.988	69.212.355.731
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	125.773.911.903	23.709.788.582
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí - CTCP	56.778.285.737	5.648.758.754
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	11.548.227.101	6.951.334.055
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	9.226.541.390	6.808.912.347
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	7.476.669.830	11.216.727.452
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	6.519.558.596	12.191.510.101
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	3.934.474.170	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	3.627.981.106	378.885.045
Viện Dầu khí Việt Nam	1.303.140.993	694.999.833
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	89.100.000	89.100.000
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	79.735.162	79.735.162
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	-	754.000.000
Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung	-	396.000.000
Công ty TNHH PVChem - Tech	-	292.604.400
Phải thu khác	24.708.467.028	2.434.065.134
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	21.698.429.270	1.118.996.642
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	2.182.191.759	1.315.068.492
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	827.845.999	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	739.637.565	-
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	739.637.565	-
Phải trả khác	2.605.396.642	2.549.496.642
Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.118.996.642	1.118.996.642
Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	180.000.000	180.000.000
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí - CTCP	160.000.000	85.000.000
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	88.000.000	30.000.000
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	46.000.000	15.500.000
Trường Cao đẳng dầu khí	9.000.000	-
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	3.400.000	-
Công ty TNHH PVChem - Tech	-	120.000.000



34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 29.836.190.106 VND (năm 2022: 19.229.958.082 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Lê Thị Hồng Trâm
Người lập biểu



Bạch Đức Long
Kế toán trưởng



Bùi Ngọc Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

HH

C.T.C.P



Phụ lục số 07 - Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Quyết định số 2710/QĐ-BSR ngày 17/04/2023 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

TT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
I	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023	16.636.570.994.948
	Trong đó:	
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	7.881.456.525.320
	- Lợi nhuận sau thuế năm 2023	8.755.114.469.628
II	Phân phối lợi nhuận	5.140.562.672.088
1	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	343.678.600.000
	Trong đó: - <i>Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi người lao động</i>	<i>340.787.100.000</i>
	- <i>Quỹ Thưởng người quản lý</i>	<i>2.891.500.000</i>
2	Chia cổ tức (7% VDL tương đương 700 đồng/cổ phiếu) (*)	2.170.349.731.200
3	Quỹ Đầu tư phát triển	2.626.534.340.888
III	LNST chưa phân phối năm 2023 chuyển sang năm 2024	11.496.008.322.860

(*) *Vốn điều lệ: 31.004.996.160.000 đồng*

Chi tiết số liệu trích quỹ:

1. Quỹ Khen thưởng phúc lợi được trích theo Quỹ lương thực hiện năm 2023.

2. Trích Quỹ Đầu tư phát triển và giữ lại lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:

Ngày 05/5/2023, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 482/QĐ-TTg về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án NCMR NMLD Dung Quất của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn, trong đó cơ cấu Vốn chủ sở hữu/Vốn vay (VCSH/VV) là 40/60 và BSR được xem xét điều chỉnh cơ cấu cho phù hợp với thực tế khả năng cân đối nguồn và đảm bảo hiệu quả kinh tế của Dự án.

Do Dự án không có bảo lãnh của Chính phủ, các tổ chức tín dụng sẽ rất thận trọng và chặt chẽ trong việc thẩm định hiệu quả dự án, yêu cầu tỷ số dòng tiền trả nợ của BSR đạt ở mức cao; hạn chế tín dụng về số tiền cho vay tối đa (room) của một Tổ chức tín dụng trong nước đối với BSR (không quá 15% vốn

tự có của tổ chức tín dụng (TCTD), đối với nhóm khách hàng thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam không quá 25% vốn tự có của TCTD. Căn cứ kết quả khảo sát sơ bộ về thị trường tín dụng tài trợ vốn vay của BSR trong thời gian qua cho thấy việc tiếp cận nguồn vốn vay từ các Tổ chức tín dụng xuất khẩu (ECA)/Ngân hàng quốc tế và Việt Nam cho dự án ngày càng khó khăn. Do đó, khả năng thu xếp đủ nguồn vốn vay theo phương án vay 50% hoặc 60% tổng mức đầu tư (theo FS tương ứng khoảng 745 hoặc 894 triệu USD) cũng gặp nhiều khó khăn.

Vì vậy, để đảm bảo đủ nguồn vốn cho Dự án NCMR NMLD cần xem xét đến việc tăng tỷ lệ VCSH trong cơ cấu VCSH/VV từ 40/60 thành 60/40 hoặc 70/30 hoặc 80/20, cụ thể như sau:

Stt	Cơ cấu vốn cho Dự án NCMR NMLD (VCSH/VV)	60/40	70/30	80/20
	Tổng mức đầu tư là 1.489.859.448 USD theo FS, tỷ giá chuyển đổi là 24.430 VNĐ/USD			
a)	Nhu cầu VCSH, triệu USD	893,9	1.042,9	1.191,9
b)	Nhu cầu VCSH, tỷ đồng	21.838,36	25.478,09	29.111,81

Như vậy nhu cầu VCSH cho Dự án NCMR NMLD theo FS (chưa bao gồm các dự án mua sắm tài sản cố định và đầu tư khác) là 21.838 tỷ đồng - 29.112 tỷ đồng tùy thuộc vào khả năng thu xếp vốn vay.

Ngoài ra, theo Chiến lược phát triển đến năm 2030, thì nhu cầu vốn chủ sở hữu đầu tư cho các dự án khác và mua sắm tài sản cố định khoảng **4.023 tỷ đồng**.

Với nhu cầu vốn chủ sở hữu cho Dự án như trên và hoạt động đầu tư trong những năm tiếp theo, tính cấp thiết của Dự án NCMR NMLD nhằm đảm bảo an ninh năng lượng và đáp ứng nhu cầu thị trường. Nguồn vốn chủ sở hữu còn thiếu cần được bổ sung như sau:

- Trích 30% lợi nhuận sau thuế năm 2023 để bổ sung Quỹ Đầu tư phát triển tương ứng với số tiền là **2.627 tỷ đồng**. Số dư Quỹ Đầu tư phát triển sau khi trích bổ sung là **12.674 tỷ đồng**.

- Giữ lại lợi nhuận sau thuế chưa phân phối số tiền **11.496 tỷ đồng** để bổ sung vốn điều lệ dưới hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu hoặc chia cổ tức bằng tiền, tùy thuộc vào phương án thu xếp vốn thực tế cho dự án NCMR NMLD, chiến lược phát triển công ty và tình hình sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHCĐ Công ty xem xét, thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và giao cho Hội đồng quản trị tiếp tục



hoàn thiện phương án tăng vốn điều lệ phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn của Công ty và các quy định hiện hành, báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trân trọng.



Phụ lục 08 - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện hành nghề kinh doanh dịch vụ kiểm toán (cập nhật đến ngày 11/3/2024) trên trang thông tin điện tử Bộ Tài chính;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 2676/NQ-BSR ngày 13/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành tại Quyết định số 2901/QĐ-BSR ngày 28/04/2023 của Ban kiểm soát Công ty;

Trên cơ sở xem xét, đánh giá năng lực, kinh nghiệm của các công ty kiểm toán, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền Hội đồng quản trị triển khai lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 từ các Công ty sau:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
2. Công ty TNHH PwC (Việt Nam);
3. Công ty TNHH KPMG.

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng.



Phụ lục 09 - Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua ngày 11/01/2022;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn để phù hợp với quy định của Luật số 59/2020/QH13, Luật số 03/2022/QH15 và thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

Điều		Nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/ Lý do sửa đổi, bổ sung
1	Giải thích từ ngữ	Sửa đổi điểm i khoản 1 “i) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;	Bỏ cụm từ “dưới hình thức công ty cổ phần;” để đảm bảo phù hợp với Điều lệ mẫu.
5	Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. Đối với các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ tiến hành đầu tư, kinh doanh khi đáp ứng đủ điều	Bổ sung nội dung “Đối với các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ tiến hành đầu tư, kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện dinh doanh theo quy định của Luật đầu tư và/hoặc quy định của pháp luật chuyên ngành” để phù hợp với Điều lệ mẫu.

Điều		Nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/ Lý do sửa đổi, bổ sung
		kiện dinh doanh theo quy định của Luật đầu tư và/hoặc quy định của pháp luật chuyên ngành.	
7	Chứng nhận cổ phiếu	Bỏ điểm b khoản 2 về “b) Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;” và điểm f khoản 2 về “f) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu;”	Điểm a khoản 2 Điều này đã quy định về mã số doanh nghiệp, đồng thời phù hợp với Điều lệ mẫu.
10	Chào bán cổ phần	2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây: a) Phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu; b) Chào bán thêm cổ phần ra công chúng.	Sửa đổi khoản điểm a khoản 2 để phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định việc chào bán cổ phần của công ty đại chúng.
13	Quyền của cổ đông	1. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.	Bỏ cụm từ “là người chủ sở hữu Công ty” để phù hợp với quy định tại Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
		2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định các quy định khác của pháp luật có liên quan;	Bổ dẫn chiếu đến khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp do Công ty không còn cổ đông sáng lập.
15	Đại hội đồng cổ đông	6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 5 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	Bỏ cụm từ “yêu cầu” để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
19	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và	- Sửa đổi khoản 3 “Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ liên	Để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp và phù hợp



Điều		Nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/ Lý do sửa đổi, bổ sung
	thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	lạc của cổ đông,...” như sau: “Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đề bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông,...”	trong trường hợp ĐHĐCĐ được tổ chức dưới hình thức trực tuyến (nếu có).
		Bãi bỏ khoản 4 Điều 19	Trùng với khoản 3 Điều này
22	Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua	Sửa đổi điểm e khoản 1 như sau: “e) Quyết định việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, chuyển đổi hình thức sở hữu hoặc yêu cầu phá sản Công ty;” như sau: “e) Quyết định việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, chuyển đổi hình thức sở hữu Công ty;”	Yêu cầu phá sản được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 30 thuộc thẩm quyền của HĐQT
23	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi khoản 2 như sau: “2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức đề bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất là 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 19 Điều lệ này.”	Sửa đổi để thống nhất với khoản 3 Điều 19
25	Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi đoạn đầu Điều 25 như sau: “Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ	Để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp



Điều		Nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/ Lý do sửa đổi, bổ sung
		đồng quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: (Bãi bỏ các chủ thể: thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc)	
26	Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi khoản 3 như sau: “3. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực , trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.”	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 152 Luật Doanh nghiệp
28	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Bãi bỏ khoản 1 “1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.”	Được quy định tại Điều 30 Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT
30	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Bãi bỏ điểm c khoản 2 “c. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác;”	Được quy định điểm k khoản 2 Điều này
Khác	Chỉnh sửa một số từ tại: khoản 2 Điều 17, khoản 1, 7, 8, 9 Điều 19, khoản 3 Điều 20, khoản 7 Điều 21, khoản 1 Điều 23, đoạn đầu Điều 25, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 42.		Lỗi kỹ thuật, in ấn. Không làm thay đổi nội dung điều/khoản.

(Chi tiết xin xem Dự thảo Điều lệ đính kèm)

Dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (sau khi sửa đổi, bổ sung) tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và mẫu Điều lệ ban hành tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số



điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP, vì vậy, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

Thông qua dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (sau khi sửa đổi, bổ sung).

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn kính trình.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-BSR ngày / /2024 của
Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn)

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2024

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích từ ngữ	5
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	7
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU VÀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	8
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 10. Chào bán cổ phần.....	10
Điều 11. Mua lại cổ phiếu.....	11
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	12
Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	12
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 13. Quyền của cổ đông.....	12
Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông.....	14
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 18. Thay đổi các quyền	18
Điều 19. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 22. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	23
Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 26. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26



CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	27
Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 31. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	30
Điều 33. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	31
Điều 34. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	33
Điều 35. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	33
Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	33
Điều 37. Người phụ trách quản trị Công ty	34
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	35
Điều 38. Tổ chức bộ máy quản lý.....	35
Điều 39. Người điều hành doanh nghiệp	35
Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	35
Điều 41. Thư ký Công ty	36
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT.....	37
Điều 42. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	37
Điều 43. Thành phần Ban kiểm soát.....	37
Điều 44. Trưởng Ban kiểm soát.....	37
Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	38
Điều 46. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	39
Điều 47. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	39
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.....	39
Điều 48. Trách nhiệm cẩn trọng	39
Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	40
Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	41
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	41
Điều 51. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	41
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	42
Điều 52. Công nhân viên và công đoàn.....	42
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	42
Điều 53. Phân phối lợi nhuận	42



CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	43
Điều 54. Tài khoản ngân hàng.....	43
Điều 55. Năm tài chính.....	43
Điều 56. Chế độ kế toán.....	43
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	43
Điều 57. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	43
Điều 58. Báo cáo thường niên.....	44
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	44
Điều 59. Kiểm toán.....	44
CHƯƠNG XVII. CON DẤU.....	44
Điều 60. Con dấu.....	44
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	45
Điều 61. Giải thể Công ty.....	45
Điều 62. Thanh lý.....	45
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	46
Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	46
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	46
Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	46
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	46
Điều 65. Ngày hiệu lực.....	46
PHỤ LỤC - NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN.....	48



PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số _____ ngày tháng năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- b) “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác;
- c) “Công ty” là Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;
- d) “Đại hội đồng cổ đông” là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn, cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết;
- e) “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;
- f) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- g) “Luật số 03/2022/QH15” là Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2022;
- h) “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- i) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu;
- j) “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị Công ty;
- k) “Người điều hành Công ty” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của Hội đồng quản trị;
- l) Người nội bộ của Công ty: Người nội bộ của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;
- m) Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột,

chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;

n) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp được quy định như sau:

i. Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ, người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;

ii. Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;

iii. Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của Công ty thông qua sở hữu, thuê mướm cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của Công ty;

iv. Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, kiểm soát viên;

v. Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Trưởng ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

vi. Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại điểm i, ii, iii khoản này;

vii. Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm i, ii, iii, iv, v và vi khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của Công ty;

viii. Các tổ chức, cá nhân là Người có liên quan khác theo quy định tại Luật Chứng khoán;

o) Giấy tờ pháp lý cá nhân là một trong các loại giấy tờ sau: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác;

p) Giấy tờ pháp lý của tổ chức là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác;

q) “Pháp luật” là các quy định pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm Hiến pháp, các bộ luật/lệnh và các văn bản dưới luật do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ban hành; các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia/ký kết;

r) “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;

s) “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ này;

t) “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

u) “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.



4. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này. Các từ ngữ không được định nghĩa trong Điều lệ này được giải thích theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

a) Tên tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

b) Tên tiếng Anh:

BINH SON REFINING AND PETROCHEMICAL JOINT STOCK COMPANY

c) Tên viết tắt: BSR

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

a) Địa chỉ: số 208 đại lộ Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

b) Điện thoại: 84-255- 3825825; Fax: 84-255- 3825826.

c) Website: <http://www.bsr.com.vn>.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 61 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết vụ việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải cư trú ở Việt Nam, việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật khi vắng mặt thực hiện theo quy định Luật Doanh nghiệp.

2. Quyền của người đại diện theo pháp luật

a) Ký kết các hợp đồng nhân danh/đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty;

b) Đại diện cho Công ty làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đại diện cho Công ty trong các quan hệ quốc tế, tố tụng, tranh chấp, giải thể, phá sản;



c) Ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trong trường hợp vắng mặt theo quy định của pháp luật và Điều lệ;

d) Các quyền khác theo quy định Điều lệ, quy định nội bộ Công ty và pháp luật.

3. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản a, b và c Điều này;

d) Các trách nhiệm khác theo quy định Điều lệ, quy định nội bộ Công ty và pháp luật.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU VÀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty

Ngành nghề kinh doanh của Công ty được nêu tại Phụ lục kèm theo Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

a) Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn do các Cổ đông đầu tư tại Công ty và vốn của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác; hoàn thành các nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông giao;

b) Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. Đối với ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ tiến hành hoạt động đầu tư, kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư và/hoặc pháp luật chuyên ngành liên quan.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 31.004.996.160.000 đồng (bằng chữ: ba mươi một nghìn, không trăm lẻ bốn tỷ, chín trăm chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Công ty sẽ tiến hành sửa đổi nội dung tại Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đảm bảo việc tăng, giảm vốn Điều lệ.

3. Các hình thức tăng, giảm Vốn điều lệ thực hiện theo Điều lệ này và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Cổ phần

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 3.100.499.616 cổ phần với mệnh giá một cổ phần là mười nghìn (10.000) đồng Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm ban hành Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua được chia thành 3.100.499.616 cổ phần (Bằng chữ: ba tỷ, một trăm triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm mười sáu cổ phần).

5. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này toàn bộ là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều lệ này.

6. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi.

7. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

8. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần do Công ty phát hành. Cổ phiếu do Công ty phát hành bao gồm các thông tin chủ yếu sau:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên Chứng nhận cổ phiếu;

d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật;

f) Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu;

g) Đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi biểu quyết, ngoài những thông tin trên còn phải ghi rõ mức được biểu quyết và thời hạn hiệu lực ưu đãi biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này;

h) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể được cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần phổ thông được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu đăng ký giao dịch, niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

a) Phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu;



b) Chào bán thêm cổ phần ra công chúng;

3. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của Công ty thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ theo thời hạn pháp luật quy định.

5. Điều kiện và trình tự thực hiện chào bán cổ phần theo các hình thức trên được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Mua lại cổ phiếu

1. Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ, phương án mua lại, trong đó nêu rõ số lượng, thời gian thực hiện, nguyên tắc xác định giá mua lại;

b) Có đủ nguồn để mua lại cổ phiếu từ các nguồn sau đây: thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;

c) Có công ty chứng khoán được chỉ định thực hiện giao dịch;

d) Đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật trong trường hợp Công ty thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

e) Không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Việc mua lại cổ phiếu được miễn trừ điều kiện quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau đây:

a) Mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty, mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu;

3. Công ty không được mua lại cổ phiếu của chính mình trong các trường hợp sau đây:

a) Đang có nợ phải trả quá hạn căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán; trường hợp thời điểm dự kiến mua lại cổ phiếu quá 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính, việc xác định nợ quá hạn được căn cứ vào báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được kiểm toán hoặc soát xét;

b) Đang trong quá trình chào bán, phát hành cổ phiếu để huy động thêm vốn;

c) Cổ phiếu của công ty đang là đối tượng chào mua công khai, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Đã thực hiện việc mua lại cổ phiếu của chính mình trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày báo cáo kết quả mua lại hoặc vừa kết thúc đợt chào bán, phát hành cổ phiếu để tăng vốn không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trừ trường hợp mua lại cổ phiếu tương ứng với tỷ lệ sở hữu trong Công ty hoặc mua lại cổ phiếu theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định



của Trọng tài hoặc mua lại cổ phiếu thông qua giao dịch thực hiện theo phương thức khớp lệnh, Công ty không được mua lại cổ phiếu của các đối tượng sau đây:

- a) Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định của Luật Chứng khoán;
- b) Người sở hữu cổ phiếu có hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- c) Cổ đông lớn theo quy định của Luật Chứng khoán.

5. Công ty thực hiện mua lại cổ phiếu của chính mình theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu.

6. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty thì thực hiện theo quy định sau đây:

- a) Tổng số lượng cổ phiếu của người lao động đã được công ty mua lại để giảm vốn điều lệ phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- b) Công ty phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm a khoản này.

7. Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình được bán ra cổ phiếu ngay sau khi mua lại trong các trường hợp:

- a) Công ty mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- b) Công ty mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông.

8. Công ty phải thực hiện việc báo cáo mua lại cổ phiếu, công bố thông tin và thực hiện việc mua lại cổ phiếu theo quy định của Luật Chứng khoán và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 13. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:



a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (khi Công ty thực hiện việc bỏ phiếu từ xa). Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Cổ đông có quyền gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản theo thẩm quyền và thể thức quy định tại Điều lệ này;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại các quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác về mình;

f) Tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

h) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;

j) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Quyền và nghĩa vụ của các loại cổ phần ưu đãi (nếu có) phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông biết;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

– Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

– Các trường hợp quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

b) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ

đồng là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và các tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

e) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

f) Các quyền khác được quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

7. Bảo mật mọi thông tin được Công ty cung cấp; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

8. Thông báo chính xác, kịp thời thông tin cá nhân, trong đó có địa chỉ liên hệ và khi có sự thay đổi các thông tin trên với cơ quan có thẩm quyền đăng ký lưu ký chứng khoán (đối với cổ đông đã thực hiện lưu ký chứng khoán tập trung) hoặc với Công ty (đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán).

9. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 15. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam

3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

4. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty;

5. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc



văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 5 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm d, e khoản 5 Điều này hoặc xảy ra sự kiện quy định tại điểm b khoản 5 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và các quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này thì cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 5 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

h) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này và Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

i) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

k) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

l) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

n) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

g) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

h) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

m) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại theo nguyên tắc quy định tại Điều 11 Điều lệ này và Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Cổ đông là tổ chức có sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể ủy quyền từ 3 đến 5 người đại diện theo ủy quyền.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

4. Trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và áp dụng hình thức bỏ phiếu điện tử, việc ủy quyền tham dự họp sẽ được quy định cụ thể tại thông báo mời họp và gửi đến tất cả các cổ đông theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 18. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của



tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 19. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 15 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình và nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

g) Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;

h) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

i) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

4. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

5. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại Khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp cho các cổ đông để có thể tiếp cận.

6. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

7. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 7 Điều này trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 7 Điều này;

b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 05% cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này;

c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

9. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 7 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp

quy định tại khoản 8 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 21. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.



c) Chủ tọa cuộc họp cử một hoặc một số người làm Thư ký lập Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự: Bố trí chỗ ngồi, bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp, tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập đại hội có toàn quyền thay đổi các biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết khác phù hợp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp.

8. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Đại hội họp lại vẫn phải đủ số lượng cổ đông có quyền biểu quyết như quy định tại Điều lệ này và sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết họp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp đến lúc kết thúc và tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.



9. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 22. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau đây được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ;
- b) Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;
- c) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- d) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- e) Quyết định việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, chuyển đổi hình thức sở hữu Công ty;
- f) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính năm gần nhất của Công ty;
- g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4, 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm cả các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 22 Điều lệ này và khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp. Tỷ lệ biểu quyết thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định tại khoản 9 Điều này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất là 21 (hai mươi một) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 19 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử, nội dung phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý của Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.



Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định sau:

a) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 22 Điều lệ này được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành;

b) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát được thông qua theo cách tính dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp;

c) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi được thông qua khi được các cổ đông có cổ phần ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi cùng loại đó trở lên tán thành;

d) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung khác ngoài nội dung tại điểm a, b, c khoản này được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều 26. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua trừ trường hợp thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó quy định khác.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.

3. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa



án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười ngày (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- e) Các lợi ích liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý khác và các lợi ích liên quan tới công ty của ứng cử viên (nếu có);
- g) Các thông tin cần thiết khác theo yêu cầu của Công ty.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty gồm 5 đến 7 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nếu Công ty có thành viên độc lập Hội đồng quản trị thì một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;

c) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;

d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Thành viên đó bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

4. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 của công ty khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.



5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (nếu có) phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ này và pháp luật liên quan.

Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này và Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 5 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty theo thẩm quyền được quy định tại Điều lệ này và quy định nội bộ của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m) Trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả, mức trích lập các Quỹ; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- q) Quyết định việc gia hạn hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên khi xét thấy cần thiết nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính;
- r) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 31. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị có thể được trả thêm thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, khoản thù lao này phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.



2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công



ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật số 03/2022/QH15, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty;
- e) Các trường hợp khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;



c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác quy định tại Điều lệ này hoặc quy chế nội bộ của Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 34. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban .

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 35. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do quy chế nội bộ Công ty quy định.

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ và pháp luật Việt Nam;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác được quy định Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Các trường hợp khác được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty;

b) Số lượng thành viên không điều hành Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ này.

Trường hợp quy định tại điểm a và b khoản này, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm. Các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 37. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;



- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- i) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 38. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 39. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người được Tổng Giám đốc ủy quyền điều hành Công ty;

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc không được là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

g) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

h) Tuyển dụng lao động;

i) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu. Trường hợp điều hành Công ty trái với quy định tại Điều lệ này, Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 41. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản;

2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;

3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

5. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công bố thông tin và thủ tục hành chính;

6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 42. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, 2 Điều 27 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 44. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán,

kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;
- d) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông: phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Có quyền tham dự hoặc tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;



11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

12. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;

13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Điều 46. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 47. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 48. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách cẩn trọng, trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty có trách nhiệm công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng các thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán.

5. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành, Người quản lý doanh nghiệp khác không phải là cổ đông Công ty và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau:

– Đối với giao dịch có giá trị từ dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính năm gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

– Đối với những hợp đồng có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.



Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong các trường hợp quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 51. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.



4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 52. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành của Công ty.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 53. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức, mức trích lập quỹ đầu tư phát triển, mức trích lập quỹ khen thưởng, mức trích lập quỹ phúc lợi và mức trích lập các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.



6. Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc trích lập các Quỹ từ lợi nhuận của Công ty, trong đó bao gồm Quỹ đầu tư phát triển và các Quỹ khác theo quy định của pháp luật.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 54. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản theo quy định.

Điều 55. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm (01/01) và kết thúc vào ngày thứ Ba mươi một của tháng Mười hai (31/12). Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ Ba mươi một của tháng Mười hai (31/12) của năm mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 56. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù khác được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 57. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 58. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 59. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 60. Con dấu

1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty. Công ty có hai (02) con dấu giống nhau, hình tròn, mực màu đỏ. Một (01) con dấu được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, một (01) con dấu được lưu giữ tại văn phòng điều hành nhà máy tại Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Nội dung con dấu: Chính giữa con dấu là tên doanh nghiệp; vành dấu có mã số doanh nghiệp và địa chỉ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

4. Trước khi sử dụng, Công ty có thể thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm quản lý, sử dụng con dấu theo đúng quy định nội bộ của Công ty và quy định pháp luật. Con dấu phải được lưu giữ tại các địa điểm nêu tại khoản 2 Điều này và phải được quản lý chặt chẽ. Trường hợp cần thiết để giải quyết công việc ngoài các địa điểm nêu trên thì người đại diện theo pháp luật Công ty có thể mang con dấu đi theo và phải chịu trách nhiệm về việc mang con dấu ra khỏi Công ty.



6. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng con dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định nội bộ của Công ty và tuân thủ pháp luật hiện hành.

7. Các con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng con dấu.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 61. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 62. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên: hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) khoản này được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi hoàn lại được ưu tiên thanh toán trước.



CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành doanh nghiệp khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng, hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài thương mại hoặc Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 65. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 65 Điều và 01 Phụ lục kèm theo được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn nhất trí thông qua ngày 23 tháng 05 năm 2024 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này được lập thành 05 bản, có giá trị pháp lý như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHỤ LỤC - NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN**

(Phụ lục kèm theo Điều lệ Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn)

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế <i>Chi tiết: Sản xuất, chế biến dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	1920
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên <i>Chi tiết: Đầu tư và phát triển các dự án lọc - hóa dầu, nhiên liệu sinh học trong và ngoài nước.</i>	0910
3	Cung ứng và quản lý nguồn lao động <i>Chi tiết:</i> - <i>Cung cấp và cho thuê chuyên gia về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu và cảng biển, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu;</i> - <i>Cung cấp và cho thuê nhân sự vận hành phòng thử nghiệm, phân tích thử nghiệm; an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, môi trường, y tế và sức khỏe nghề nghiệp;</i> - <i>Cung cấp và cho thuê nhân sự về đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng, Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, Hệ thống quản lý năng lực phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.</i>	7830
4	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan <i>Chi tiết: Kinh doanh, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	4661
5	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết:</i> - <i>Đào tạo nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu và cảng biển, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu;</i> - <i>Đào tạo nhân lực về xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng, Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, Hệ thống quản lý năng lực phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025;</i>	8559



STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
	- Đào tạo, huấn luyện nhân lực về an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, môi trường, y tế và sức khỏe nghề nghiệp.	
6	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ <i>Chi tiết: Vận chuyển dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, vật tư máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	4933
7	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa <i>Chi tiết: Lưu giữ dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, vật tư máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	5210
8	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	4669
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Cung cấp các vật tư máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	4659
10	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Xuất nhập khẩu dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	8299
11	Sửa chữa thiết bị khác <i>Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị khác trong ngành lọc - hóa dầu; Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị phòng thử nghiệm.</i>	3319
12	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật <i>Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ phân tích dầu thô, sản phẩm dầu mỏ và các hóa chất, phụ gia, xúc tác, nhiên liệu sinh học liên quan đến lĩnh vực lọc - hóa dầu.</i>	7120
13	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp - Giám sát lắp TBCT, D.Dựng-H.Thiện hệ thống đường ống dầu khí, kho chứa dầu khí.</i>	7110



STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
14	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải <i>Chi tiết: Dịch vụ hàng hải, cảng biển liên quan đến ngành lọc - hóa dầu.</i>	5229
15	Sửa chữa máy móc, thiết bị <i>Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong ngành lọc - hóa dầu.</i>	3312
16	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống <i>Chi tiết: Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (ngô, sắn).</i>	4620
17	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. <i>Chi tiết: Cho thuê thiết bị phòng thử nghiệm, thiết bị đo lường, điều khiển; thiết bị máy móc công nghiệp.</i>	7730